

XBP

VV

1475

ẾN THƯỢNG — NGUYỄN YÊN TRI

DP-

LƯỢC SỬ CŨ LAO PHỒ

(LỊCH SỬ TRUYỀN THỐNG
XÃ HIỆP HÒA)

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

CÙ LAO PHỐ

TRUYỀN THÔNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN XÃ HIỆP HÒA

Ban chỉ đạo: Chi ủy xã Hiệp Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Nhóm biên soạn: Đào Tiến Thường - Nguyễn Yên Tri.

Với sự tham gia: Hồ Văn Mạnh

Góp ý sửa chữa bản thảo:

Thiếu tướng Huỳnh Ngọc Đẩu, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai

Đồng chí Hồ Văn Sơn, Ủy viên thường vụ Thành ủy, Trưởng ban Tuyên giáo thành ủy Biên Hòa

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI – 1994

VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ XÃ HIỆP HÒA

Từ thác Trị An ra tới biển Đông, dòng sông Đồng Nai chảy hiền hòa giữa đôi bờ đông vui những xóm làng trù phú. Giữa lòng sông nổi lên hàng chục cù lao lớn nhỏ, quanh năm xanh mượt mà cây trái. Nhưng được cả nước và nhiều người nước ngoài biết đến từ ba trăm năm trước là Cù Lao Phố, nay là xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Cù Lao Phố rộng 660 ha (6,6km²), diện tích vào loại trung bình so với hơn hai mươi phường xã thuộc thành phố Biên Hòa. Cù lao có hình dáng chiếc chuông chùa treo nghiêng, rạch Cát uốn vòng phía bắc tạo thành thân chuông dài 3,4 km ; đáy chuông là dòng chính Đồng Nai rộng 2,7 km chảy theo hướng tây bắc - đông nam ; đỉnh chuông là ấp Bình Tự.

Cù lao cách trung tâm tỉnh lỵ hơn một km. Bên kia sông, phía bắc là các phường Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai ; phía đông và đông nam là các phường Tam Hiệp, An Bình ; phía tây và tây nam là Tân Vạn, Bửu Hòa.

Đường sắt và đường số 1 băng ngang mồm đất phía tây cù lao. Cầu Gành và cầu rạch Cát xây từ năm 1903 nối hai bờ sông Đồng Nai. Người ta có thể đi thành phố Hồ Chí Minh hoặc ngược lại ra Thủ đô Hà Nội bằng hai con đường huyết mạch này ; có thể giao lưu với miền Tây nam Bộ bằng sông Đồng Nai và nhiều sông ngòi kênh rạch khác.

Suốt hai thời kỳ kháng chiến, Cù Lao Phố là vùng địch chiếm (trước đây ta thường gọi là vùng tạm chiếm). Là vùng kềm nhưng luôn luôn tồn tại những cơ sở, những lùm chính trị nuôi chứa cán bộ và bộ đội hoạt động. Cù Lao Phố là địa bàn có mối quan hệ chặt chẽ với nội ô Biên Hòa, Gò Me, Bình Đa, Bửu Hòa, Tân Vạn, Hóa An. Chiến công của Cù Lao Phố không tách rời sự hỗ trợ của các xóm, xã chung quanh và ngược lại, chiến công của các xã bạn ít nhiều đều có phần đóng góp của nhân dân cù lao.

PHẦN THỨ NHẤT

CÙ LAO PHỐ THUỜ XƯA

Thời tiền sử, cù lao này tên là gì, không có sử sách nào ghi chép. Năm 1679, Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình - các di thần nhà Minh - được chúa Hiền cho vào định cư ở Đồng Nai. Trong sổ di dân, một số thợ nghề buôn bán, họ mở mang xây dựng Nông Nại đại phố. Lâu dần, dân ta gọi tắt là cù lao Phố. Cù lao còn có tên Giản Phố hoặc Cù Châu (đất hình con rồng có sừng uốn khúc giỡn nước).

Sách Gia Định Thông Chí của Trịnh Hoài Đức (viết khoảng năm 1820) không thấy ghi tên thôn xóm nào của cù lao. Sắc thần thờ Nguyễn Hữu Kính ghi miếu ở thôn Bình Hoành. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí viết : chùa Đại Giác ở xã Tân Hưng huyện Phước Chánh tỉnh Biên Hòa. Bản đồ Bo-a-u (in năm 1881) vẽ cù lao có ba làng Nhất Hòa, Nhị Hòa, Tam Hòa.

Làng Nhất Hòa có bốn ấp : Hưng Phú, Tân Giám, Bình Tự, Bình Xương.

Làng Nhị Hòa có ba ấp : Tân Mỹ, Thành Hưng, Bình Kính, Bình Hoành đổi là Bình Kính, Thành Hưng do hai ấp hợp lại.

Làng Tam Hòa có bốn ấp : Bình Hòa, Long Quới, Hòa Quới, Bình Quan.

Khoảng năm 1928 ba làng hợp lại thành xã Hiệp Hòa thuộc tổng Phước Vinh thượng, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa. Năm 1963 chính quyền Sài Gòn đặt xã Hiệp Hòa thuộc quận Đức Tu.

Về phía ta, do yêu cầu của chiến trường, năm 1949 xã Hiệp Hòa thuộc huyện Vĩnh Cửu, năm 1960 nhập về thị xã Biên Hòa.

Từ năm 1976, xã Hiệp Hòa thuộc thành phố Biên Hòa.

Là bãi phù sa bồi giữa dòng Đồng Nai, địa hình cù lao Phố bằng phẳng, độ cao ghi trên bản đồ từ 1,4 đến 1,9 mét. Giữa cù lao có hai vùng trũng rộng hàng chục ha được cải tạo để trồng lúa nhưng mùa lũ dễ mất trắng do ngập sâu (nên nuôi thả cá có lợi hơn). Đất bên ven sông thuộc các ấp Long Quới, Hòa Quới hàng năm còn được bồi một lớp phù sa mỏng, trong khi đó ruộng đất ở Bình Tự, Tân Giám cao hơn, hầu như ít bị lũ lụt đe dọa. Trong trận lụt lớn tháng 10 năm 1952, phía đông Gò Cát và khu vực chùa Thủ Huồng có cốt 3,6 mét, là hai nơi duy nhất không ngập nước.

Cách đây vài trăm năm, rừng phủ kín cù lao Phố. Từ đầu thế kỷ 17, người Việt từ Đàng Ngoài phiêu dạt vào đây làm ăn. Tiếp đó, nửa cuối thế kỷ này, nhóm di dân người Minh được chúa Nguyễn cho phép định cư trên đất cù lao. Hai nhóm này cùng nhau chung sức khai phá rừng hoang, dựng làng lập ấp. Rừng lần lần thu hẹp, tới năm 1945 chỉ còn vạt rừng chồi nhỏ ở ấp Tân Mỹ. Muốn có củi chụm, dân cù lao phải chèo xuồng qua sông vào rừng Bình Đa, Vĩnh Cửu mà kiếm. Ven đường xuống bến đò Kho và An Hảo, rặng cây sao cuối cùng bị chặt hạ vào năm đầu chống Pháp để cản bước tiến của giặc. Ngày nay, đình, chùa ở các ấp còn một số cây dầu cổ thụ mà thôi.

Cù lao Phố chỉ có hai con rạch. Rạch mà bản đồ ghi là sông Ông Ấn có vài nhánh, dài tổng cộng 3 km. Rạch Lò Gốm ngắn 1 km. Cả hai đều chảy ngoằn ngoèo. Hàng ngày thủy triều lên thì diện tích mặt nước hai vùng trũng lớn gấp vài lần khi triều xuống. Xưa kia, tôm cá, cua ốc ở hai rạch này khá nhiều, nay không còn bao nhiêu. Trong hai thời kỳ kháng chiến, cây bụi mọc um tùm, rậm rạp hai bờ rạch. Đó là nơi cán bộ ta có thể chém vè, ẩn trú tránh các cuộc lùng bắt của giặc. Nay nhân dân mở mang ruộng đồng khai hoang các lùm bụi nên ấp nọ ngó qua ấp kia dễ dàng.

Cù lao Phố có nhiều bến đò, quan trọng nhất là bến đò Kho và bến đò An Hảo. Hàng ngày đông người qua lại, nhất là tầm sáng và lúc tan ca chiều của các nhà máy, xí nghiệp thuộc khu công nghiệp Biên Hòa. Bến đò Long Kiếng sang Tân Mai vắng khách hơn. Trong hai thời kỳ kháng chiến, các bến đò Kho và An Hảo được dời xuống các ấp Bình Xương, Long Quới để tránh giặc khi cán bộ ta qua lại căn cứ du kích Bình Đa.

Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, cù lao Phố có khoảng hai ngàn dân, hơn bốn trăm hộ. Ba làng Nhất Hòa, Nhị Hòa, Tam Hòa có số hộ, số dân không chênh lệch nhau bao nhiêu. Các dòng họ Nguyễn, Lê, Trương, Huỳnh là các dòng họ lớn (được gọi một cách kính trọng là kiếng họ) đến sinh cơ lập nghiệp từ lâu đời, chiếm tỷ lệ cao trong xã. Ở Bình Tự có ngôi mã ngói rất xưa, họ Nguyễn nhận đó là mồ mã tổ tiên mình. Theo luận văn "Cù lao Phố" của Tổng Thị Đệ trưởng Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh thì các họ Phan, Trần, Đặng, Phạm, Võ, Đỗ, Tống, Bì cũng xuất hiện cách nay gần ba trăm năm, nhưng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Theo tự thuật của ông Bì Văn Lâu thì họ Bì gốc Tàu. Họ Tống, Đinh cũng gốc Tàu, tuyệt tự cách nay gần hai trăm năm, đời ông Tống Đình Dục. Vợ ông Dục họ Nguyễn xin một người cháu là Nguyễn Hữu Chi làm con nuôi, đổi tên là Tống Đình Huê.

Cù lao có một ngọn rạch mang tên rạch Mọi nói lên sự có mặt của đồng bào các dân tộc ít người miền Nam tại đây từ thuở xa xưa. Có thể họ là dân bản địa, song, cũng có thể họ là dân nô lệ được mua về. Sách Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn viết : "... lại cho họ (tức là chủ ruộng - NYT chú thích) thuê nhận những con trai, con gái từ trên đầu nguồn xuống để mua làm đầy tớ, đưa ở sai khiến hầu hạ. Theo một chuyện truyền miệng thì tại vàm Ông An có một chỗ để cửa, hai người dân tộc - bị chôn theo làm thần giữ cửa. Một người bị mổ bụng, một người bị chôn sống. Sau này do bờ lạch bị sồi lở, nơi để cửa lộ ra, bà con nhặt được toàn tiền đồng điều đã rỉ xanh.

Hồi đó, nhà cửa của dân cù lao chủ yếu là nhà tranh hoặc lá dừa nước đơn sơ. Quanh nhà không có hàng rào, ranh giới giữa nhà nọ với nhà kia có tính chất quy ước. Ấp Tân Mỹ, Tân Giám có nhiều nhà lợp ngói âm dương, vách ván hơn các ấp khác, nay còn sót lại hơn một chục căn nhà cổ. Hai vila đẹp, bê thế, tân kỳ gần bên đò Kho bị tiêu hủy những ngày đầu tiêu thổ kháng chiến.

Tính tình dân cù lao thuần phác, hiếu khách "rậm người hơn rậm cửa", "bà con xa không qua láng giềng gần". Trật tự trị an rất tốt, xóm làng hầu như không có nạn trộm cắp. Một số bô lão thường nhắc lại câu chuyện: hồi đó có mấy người Tân Khánh xuống bờ bán thuốc lá rê để dò đường ăn trộm. Bà con phát hiện, mấy người này vội nhảy xuống xuống chèo miết chạy trốn, sợ bị "neo nước" (buộc đá rồi ném xuống sông). Không biết hình phạt đáng sợ này đã thực hiện lần nào chưa, nhưng lời truyền miệng qua nhiều thế hệ có tác dụng răn đe rất lớn, ngăn chặn thói trộm cắp nảy sinh.

Dân cù lao Phố sống bằng nhiều nghề. Thuở ban sơ khi các xóm ấp mới tạo lập thì nghề nông là quan trọng hàng đầu vì nó giải quyết vấn đề lương thực - nhu cầu sống còn. Đất phù sa màu mỡ để nước ngọt sông Đồng Nai tưới mát quanh năm. Ruộng lúa nước chiếm gần ba trăm mẫu, hơn một phần ba diện tích đất tự nhiên của cù lao nhưng ngày xưa dân làng chỉ làm một vụ mùa nhờ nước mưa mà thôi. Ngoài lúa, bà con còn trồng mía làm đường, trồng đậu và bưởi... Mỗi nhà đều có vườn cây ăn quả. Cù lao Phố thuở ấy là một làng vườn xanh tươi mỗi độ thu về, quả trĩu nặng trên cành. Bưởi tỉnh Biên Hòa (cũ) là đặc sản lâu đời trong đó Tân Triều nổi tiếng về loại bưởi ôi và bưởi đường da cóc ngọt lịm. Cù lao Phố có bưởi đường da láng ngọt sắc và bưởi thanh trà có vị dòn dốt chua được nhiều người ưa thích. Bưởi là nguồn thu đáng kể của từng nhà, đứng sau lúa : một phần tiền bán bưởi được đóng góp ủng hộ kháng chiến. Chất độc hóa học Mỹ khai quang hủy diệt tất cả các vườn cây trái xum xuê đất cù lao vào giữa thập kỷ 60.

Trước Cách mạng tháng Tám, cù lao Phố có năm chủ điền có tiếng. Giàu nhất là ông Trương Văn Triều có vài chục mẫu tại làng và hàng trăm mẫu ở nơi khác. Tổng Thi có tất cả khoảng tám chục mẫu nhưng chỉ có một chục mẫu tại làng. Ông Ba Sô sinh ra phủ hàm Mun, ông nội phán Diệp, tại làng chỉ có khoảng chục mẫu nhưng có hàng trăm mẫu ở phương xa. Tổng Đậu và phó tổng Chí thì ít ruộng hơn. Số gia đình trung nông có vài ba mẫu chiếm tỷ lệ lớn nhất. Ấp nào cũng có một số bần cố nông chuyên đi làm mướn. Nông dân cù lao còn rủ nhau xuống miệt vàm Cái Sứ, Bà Chèo, xóm Đàng, rạch Miếu làm mùa muộn. Cứ cuối tháng sáu âm lịch thì họ còm ghe bè bạn kéo đi, cày cấy tới tháng chín ta lại về lo thu hoạch vụ mùa sớm ở quê nhà. Ăn tết xong, ra giêng họ đi gặt lúa mùa muộn. Giữa tháng hai tấp nập chèo kéo về xuống ghe khảm thóc vàng, nhiều người thu hàng "thiên", được bốn năm tấn lúa ; có người thu tới hai chục tấn một vụ.

Hồi đó, sống cạnh sông nước, một số người bứt chọi làm đặng đánh cá lúc nông nhàn, chủ yếu kiếm thức ăn cho gia đình. Ở Hòa Quới, có năm người đi câu và chài lưới chuyên nghiệp : Tư Chờ, Mười Hơn, anh em Ba Bộ, Tư Tịch, Năm Ai.

Nhiều nghề thủ công từng được mở mang trên đất cù lao Phố. Đất phù sa trồng dâu nuôi tằm rất hợp, nghề dệt thủ công một thời khá thịnh vượng. Phạm vi ấp Tân Mỹ, Tân Giám xưa có tên là xóm Cửi. Nghề dệt chắc hẳn chết đã lâu nên nay ít người biết đến.

Chợ Chiếu Xưa (nay là chợ Mới), hồi đó có một số quán lợp lá là vựa chuyên bán chiếu. Theo nghiên cứu của Tôn Thị Diệp thì tại đây, nhóm di dân miền Trung đã làm nghề dệt chiếu. Cói (lác) lấy ở cù lao Đồi gần Bến Gỗ. Đầu thế kỷ 20, cù lao này được khai khẩn để trồng trọt, cói không còn nên nghề dệt chiếu cũng tiêu vong. Cái tên chợ Chiếu chỉ còn là kỷ niệm mờ nhạt về một nghề thủ công truyền thống đã mai một, lớp trẻ ngày nay ít biết đến.

Nghề gốm cũng một thời phát triển, nay chỉ còn lưu lại một số địa danh : rạch Lò Gốm (Bình Quan), Ngọn Gốm (Bình Hòa), bến Sảnh (Long Quới). Dân Bình Tự đã trao cho Tôn Thị Diệp ba chiếc ghè đứng (tiểu), mà hình dáng, hoa văn và kỹ thuật nung giống loại hiện vật thu được ở khu vực Lò Gốm.

Vào những năm 30 thế kỷ này, cả cù lao có bốn lò gạch của thầy Ba Hiệp, ông Hai Bửu, chú Sương và ông chủ nhật trình Nguyễn Văn Kiến. Một số dân làng qua sông làm công cho hãng Xêđô (hãng gốm Đồng Nai : Céramiques du Donnai) ở An Hảo, đàn ông bốn cắc, đàn bà hai cắc rưỡi, trẻ con một cắc rưỡi một ngày công.

Nghề đúc đồng là nghề truyền thống tồn tại lâu nhất, tới thời kỳ kinh tế khủng hoảng đầu những năm 1930 mới hết. Thợ đúc đồng ở Thành Hưng đúc nhiều mặt hàng : tượng Phật các loại, chuông nhỏ cho vào tay nải để làm đám ma hoặc cúng lưu động, chuông lớn (đại hồng chung) cao gần hai mét có hoa văn tứ linh (long, li, quy, phụng) mỗi khi đánh, tiếng vang xa hàng cây số.

Thời thuộc Pháp, đất cù lao có nhiều người làm thợ, anh Ba Tại học cơ khí rồi làm ở đề-pô Dĩ An, anh Ba Lễ làm thợ máy cưa BIF, Sáu Sảnh làm thợ mỹ nghệ, Sáu U là thợ gốm, Năm Truyền chuyên cưa xẻ, thợ mộc thì có Huỳnh Văn Út, Tư Khát, Bảy Yên, Một Đầu... Tổng cộng các loại thợ có thể gần trăm người. Nghề nông và nghề thủ công phát triển là cơ sở thúc đẩy thương nghiệp phát triển, nhất là từ khi thương nhân người Hoa theo chân Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình đến sinh cơ lập nghiệp. Theo các sách Gia Định Thành Thông Chí và Đại Nam Nhất Thống Chí thì đất cù lao Phố thuở đó có nhiều nhà lầu và cửa hàng đồng thời là kho chứa hàng, là khách sạn, cũng là nơi vui chơi giải trí. Thuyền buôn nước ngoài buông neo xong, chủ thuyền và thủy thủ lên bờ mướn phố ở, rồi bán hàng hóa cho các tiệm buôn. Chủ thuyền cũng nhờ chủ tiệm mua giùm các hàng cần thiết. Trước lúc tương buồm trở về, hai bên thanh toán

hóa đơn rồi cùng nhau tiệc tùng, đờn ca vui vẻ. Hàng xuất cảng chủ yếu là gạo, cá khô, cây làm thuốc, sáp và mật ong, ngà voi. Hàng nhập chủ yếu là tơ lụa, đồ xa xỉ, nhang đèn, giấy trang kim ám vàng mã, một số gạch ngói và đá để xây cột chùa miếu... Cù lao Phố là thương cảng sầm uất, tấp nập tàu bè các xứ xa lạ vào ra mua bán. Đường phố lớn bằng phẳng lát đá trắng, đường ngang lát đá ong (đỏ), đường hẻm lát đá xanh. Thuyền bè chen nhau đậu gần khu miếu thờ Nguyễn Hữu Kính là nơi nước sâu.

Dòng họ Bì, từ ông cố Bì Hữu Lành sống từ thời Tự Đức truyền đến Bì Hữu Nhu, Bì Văn Quý, Bì Văn Lâu là bốn đời chuyên buôn bán. Người Việt cũng có một số đi buôn xa bằng ghe. Họ thường mang gạo ra bán ngoài Phú Xuân. Nhưng lái buôn người Việt không nổi tiếng lắm, sau này nghề buôn mạt dần do chính sách trọng nông ức thương của triều đình và do tệ nạn cờ bạc :

Anh đi ghe rồi¹ chín chèo,

Tại anh thua bạc, chín chèo còn ba

Cù lao Phố tuy chưa nổi tiếng là đất văn vật nhưng thời nào cũng sản sinh một số trí thức. Cách đây trên một trăm năm, ông Đào Văn Thông đỗ đạt, trở thành quan hàn lâm trong triều. Dòng họ Nguyễn Hữu ở Tân Mỹ là một dòng họ lớn chủ yếu làng thầy đồ. Thời thuộc Pháp, một số thầy giáo được cả xã biết tiếng : thầy giáo Thiệt, thầy Thời thầy Trinh, thầy Ngói, thầy Sơn, cô Nhân... Một số công chức được dân (nâng lên) chức thông phán : ông phán Cảnh làm sở Trường Tiền giao thông công chánh, ông phán Độ phát tiền thủ quỹ sở công chính, ông phán Diệp làm ở Sài Gòn, ông phán Hải và ông thông Thịnh làm sở dây thép (bưu điện)... thầy Ba Hiệp và ông Tư Thực làm trong sân bay, ông chủ nhật trình Kiến viết báo... Một số nhà giàu bỏ tiền mua cho hàm : ông già kinh lý Nhơn mua hàm hàn lâm, ông Mưa mua phủ hàm, ông Từ mua huyện hàm...

Tóm lại : trước cách mạng tháng Tám 1945 dân cù lao Phố làm nhiều nghề khác nhau, trong đó đông nhất là làm ruộng.

Người cù lao thờ cúng ông bà tổ tiên theo tập tục lâu đời. Tín đồ đạo Phật thực thụ không đông nhưng cả xã có chín ngôi chùa và hai tịnh xá.

Chùa Đại Giác dựng sớm nhất, theo truyền thuyết thì có từ năm 1412 đời Trần Giản Định đế, do hòa thượng Trường Thọ Trạch người Quảng Đông lập nên. Song các nhà nghiên cứu Phật học chưa thừa nhận niên đại này, mà theo giáo hội Phật giáo Đồng Nai thì chùa xây cất cuối thế kỷ 17 sau hai chùa Long Thiền và Bửu Phong. Chùa có một tấm hoành phi với ba chữ nho lớn (Đại Giác Tự) và hàng chữ lạc khoản ghi : “Minh Mạng nguyên niên mệnh đông cốc nhật, tiên triều hoàng nữ đệ tam công chúa Nguyễn Thị Ngọc Ánh phụng cúng” để tạ ơn chùa cho tị nạn năm 1779. Thời kháng chiến chống Pháp, hòa thượng Điều từng nuôi, chứa cán bộ ta tại đây.

Chùa Chúc Thọ (tên cũ Chúc Đảo) gọi nôm là chùa Thủ Huồng do Võ Hữu Hoảng - một thư lại, chuyên cho vay lãi cất cổ - lập đầu thế kỷ 19. Theo các chuyện kể lại thì vợ chết sớm, không có con, trong quãng đời còn lại, ông ta hối hận vì đã làm nhiều điều bạc đức. Ông trả lại ruộng đất cho người cầm cố, bỏ tiền của bố thí cho người nghèo và xây ngôi chùa nay mang tên ông. Người đời sau thêu dệt chuyện vua Đạo Quang nhà Thanh cung tiền chùa ba pho tượng thếp vàng vì lòng bàn tay vua khi mới sinh có dòng chữ son “Việt Nam, Gia Định, Thủ Huồng”. Loại trừ sự thêu dệt trên, sự tích chùa Thủ Huồng phê phán tệ nạn bóc lột nặng nề thời đó, phản ánh đạo lý cổ truyền của nhân dân hướng về cát thiện, răn dạy mọi người ăn ở sao cho phải đạo.

Bảy chùa : Hoàng Ân, Thắng Liên Hoa, Phước Long, Phước Hội, Tịnh Lâm, chùa Ông (thờ Quan Công, còn gọi là chùa Thất phủ của bảy bang người Tàu), chùa Cao Đài bửu cảnh (mới xây xong năm 1972) xây dựng vào thời điểm khác nhau, mỗi chùa đều có một vài chuyện huyền hoặc hồng thu hút lòng sùng tín của dân làng và khách thập phương. Trình độ dân trí còn thấp của dân cù lao là nguồn gốc của mê tín dị đoan đôi khi dẫn đến thiệt hại không đáng có.

Làng xóm Việt Nam nào cũng thường có một ngôi đình thờ thành hoàng, đó là nơi dân làng hàng năm hội họp, cúng tế cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt sức khỏe và trị an tốt đẹp. Đáng lẽ mỗi làng Nhất Hòa, Nhị Hòa, Tam Hòa xưa chỉ có một ngôi đình, thì đất cù lao có tới 11 ngôi đình, đó là hiện tượng hiếm có.

Thuở đầu, khi lưu dân mới tới phá rừng khai hoang, người ta dựng tại mỗi ấp một ngôi miếu nhỏ, đơn sơ thờ thổ thần (ấp Hòa Quới thờ rái cá là vật tổ của nghề chài lưới). Lâu dần dân cư mỗi ấp đông lên, những người giàu có, có uy tín trong ấp đứng ra vận động quyên góp tôn tạo miếu có quy mô bề thế. Ba làng trên đất cù lao có ba ngôi đình với ba ban hương chức hội tề có quyền ăn trên ngồi trốc, có tiếng tăm được xóm làng nể trọng. Số khá giả ở từng ấp muốn tạo uy thế bản thân cũng cậy cục “nâng cấp” miếu thành đình, lập ra ban hộ niệm phụ trách công việc cúng tế hàng năm, được ăn trên ngồi trốc dân đình trong ấp cũng là vinh dự “một tiếng giữa làng bằng một sàng xó bếp”. Thổ thần của miếu thay thế bằng thần hoàng bốn cảnh, vị thần không tên tuổi. Thần hoàng bốn cảnh là ai ? Tại sao thờ dân hoàng bốn cảnh?. Đó là hình thức con cháu đời sau tỏ lòng nhớ ơn các bậc tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai canh, là thờ tổ tiên tạo dựng xóm làng, thờ các thế hệ nối tiếp nhau làm xóm ấp ngày càng trừ phú. Thờ thần hoàng bốn cảnh là uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, vốn là nét đạo đức truyền thống của dân tộc ta. Đình có sắc thần (do triều đình cấp) thì được tôn vinh hơn đình chưa có. Ban hộ niệm lo thủ tục xin triều đình ban cấp sắc với rất nhiều tốn kém phiền phức. Ở Biên Hòa và một số nơi từng xảy ra chuyện ăn cấp sắc thần bán cho các đình mới xây cất chưa xin được sắc. Đình Bình Tự do ông Lê Văn Dinh - lý trưởng làng Nhất Hòa hồi đó - đứng ra vận động xây cất tính đến nay là tám đời khoảng hai trăm năm. Đình Bình Kính là ngôi đình duy nhất trên đất cù lao thờ một nhân vật lịch sử có công lớn trong việc mở mang bờ cõi phía nam Tổ quốc (thờ Nguyễn Hữu Cảnh).

¹ Ghe rôi: loại ghe nhỏ có sức chứa vài tấn, thường chở cá tươi, lúa gạo...

Tại Bình Đa và Gò Me, các nhà khảo cổ phát hiện nhiều di vật trong đó có những thanh đàn đá, chứng minh cách nay khoảng ba ngàn năm người tiền sử từng cư trú. Cù lao Phố ở sát các di chỉ đó có bề dày lịch sử như vậy hay không, hiện nay chưa có ai nghiên cứu. Song các nhà lịch sử nước ta đều nhất trí rằng đất này được mở mang khai phá từ đầu thế kỷ 17.

Lúc đó chế độ phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng triền miên. Các tập đoàn vua quan Lê - Mạc, Trịnh - Nguyễn đánh nhau liên tục vì quyền lợi ích kỷ của dòng họ mình. Nông dân lao động Đảng ngoài và Đảng trong mất ruộng, gánh chịu cảnh đao binh đau thương, chịu nhiều tầng áp bức bóc lột... sống không nổi đành bỏ quê hương. Họ dùng ghe theo gió mùa vượt biển tìm đất sống ở phương nam xa vời, một vùng đất hoang bạt ngàn mà phi nhiêu, tài nguyên phong phú.

Trên đất cù lao Phố, địa điểm được khai phá định cư đầu tiên của dân tha phương cầu thực là vùng Bình Tự, Tân Giám bây giờ. Vời cốt đất cao 1,9 mét, vùng này ít bị lũ lụt đe dọa, vài chục năm mới có một trận lụt lớn (như trận lũ lụt Nhâm Thìn 1952). Những người đến sau và các thế hệ kế tiếp dần dần mở rộng phạm vi chinh phục cù lao, làm bộ mặt mảnh đất này thay đổi qua nhiều năm tháng. Sử sách chính thống của triều đình không ghi chép gì về những người tiên phong phá rừng lập ấp nên ngày nay chúng ta không biết đích xác năm tháng tổ tiên xưa đến sinh cơ lập nghiệp tại đây.

Tháng 5 âm lịch 1679, Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình cùng năm ngàn người Minh xin tị nạn chính trị, được chúa Nguyễn Phúc Tần cho vào trú ngụ đất Đồng Nai. Chắc chắn số này còn lôi kéo theo nhiều người thân quen tới làm ăn sinh sống. Người Việt cùng số người Tàu mới đến kề vai, sát cánh làm ăn, xây dựng lên phố lớn Nông Nại (mà nhiều người thường gọi theo lối viết chữ Hán là Nông Nại đại phố). Đô thị cảng này tập nập thuyền bè trong và ngoài nước ra vào, ắt phải có hậu thuẫn với nền kinh tế phát triển đến một mức độ nhất định, nông sản hàng hóa dồi dào đáp ứng yêu cầu của lái buôn Tàu, Nhật, Mã Lai²... Động lực đích thị của cảng lớn Nông Nại là những người làm ra gạo, đường, rượu (huyện Phước Chánh), lụa, tơ, lân đen, sắt, mật và sáp ong, thuốc lá (huyện Long Thành), dầu rái, dầu trám (huyện Long Khánh)... đó là chưa kể nhiều sản phẩm khác từ Lục Chân Lạp quá cảnh tại đây.

Năm 1698 chúa Nguyễn cử chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh (Kính)³ vào kinh lược và tổ chức hành chánh đất mới mở mang phía nam. Ông lập Phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long (lập dinh Trấn Biên) và huyện Tân Bình (dựng dinh Phiên Trấn).

Năm 1747 Lý Văn Quang, một nhà buôn người Hoa tổ chức bạo loạn trên đất cù lao Phố. Y tập hợp được ba trăm người, giết chết khâm sai Nguyễn Cư Cận, tự xưng Đông Phố đại vương. Khi định tiến chiếm dinh Trấn Biên (đặt tại thôn Phước Lự), y bị thất bại. Y cho đốt chiếc cầu gỗ bắc ngang rạch Cát, từ đó ai muốn qua lỵ sở dinh Trấn Biên phải qua đò. Lý Văn Quang cùng 57 đồng phạm bị bắt và bị trị tội

Năm 1777 quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy vào đánh chúa Nguyễn ở Gia Định lần thứ hai. Quân Lý Tài đóng ở núi Châu Thới bị đánh tan⁴

Phố lớn Nông Nại bị tàn phá trong khói lửa chiến tranh. Trong khi đó vùng đồng bằng sông Cửu Long đầy mạnh khai thác, làm ra ngày càng nhiều lúa hàng hóa, vượt xa vùng dinh Trấn Biên. Nhà buôn người Hoa kéo nhau về vùng Chợ Lớn, lập nên thương cảng Sài Gòn thay cảng Nông Nại lụi tàn. Cù lao Phố một thời thuyền bè ra vào nhộn nhịp, kẻ buôn người bán tấp lập đông vui phổ lâu san sát lại trở thành miền quê yên ả thưa dân.

Từ thế kỷ 17 - 18, chủ nghĩa tư bản phương Tây phát triển cần có nhiều thuộc địa và thị trường để vơ vét nguyên liệu rẻ mạt và tiêu thụ hàng công nghiệp ra. Tư bản Pháp dòm ngó Việt Nam từ lâu.

Mùa thu năm 1858, chiến thuyền Pháp bắn phá cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta.

Tháng 2 năm 1859 chúng kéo vào đánh chiếm thành Gia Định. Âm mưu mở rộng chiến tranh ở Nam Kỳ đã rõ ràng. "Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách", truyền thống yêu nước tiềm ẩn trong dòng máu người dân Việt từ ngàn đời. Xã tắc nguy biến, mỗi người đều muốn góp phần cứu nước, cứu nhà. Hàng căn đá ong ngầm dưới nước được xây dựng ngang dòng Đồng Nai trước cửa chùa Ông nhằm ngăn tàu giặc là chứng tích cụ thể phần công sức của dân cù lao Phố chống ngoại xâm cách đây hơn một trăm năm.

Đầu thế kỷ 20, nhà nho yêu nước Đoàn Văn Cự tổ chức hội kín mưu toan khởi sự đánh Pháp ở tỉnh lỵ Biên Hòa. Căn cứ của hội kín ở làng Vĩnh Cửu, bên kia sông. Đoàn Văn Cự chiêu tập các đồng chí từ chợ Chiều qua Bình Đa, Vĩnh Cửu xuống tới núi Nứa (Long Thành) tích trữ lương thực, luyện tập đội ngũ chờ giờ tiến quân giết giặc. Nhưng do bị lộ,

² Ma-lai-xi-a

³ Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) sinh năm 1650 tại làng Gia Miêu, huyện Tông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa trong một gia đình quan lại của chúa Nguyễn. Ông được phong chức cai cơ coi vài trăm quán. 1698 ông vào mở mang đất Gia Định. 1699 vua Chân Lạp là Nặc Ong Thu không thần phục chúa Nguyễn; Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh được lệnh đi đánh. Ong Thu bỏ thành chạy. Tháng 4 âm lịch năm 1700 con Thu là Nặc Ong Yên xin hàng. Ông rút quân về đóng ở Cái Sao, Long Xuyên. Quân lính bị dịch bệnh chết nhiều. Ông bị lây, ngày 16 tháng 5 âm lịch mất ở rạch Gầm (Tiền Giang) thọ 51 tuổi. Ông được an táng tại cù lao Phố. Chúa Nguyễn truy tặng tước Tráng hoàn hầu. Thôn Bình Hoàn là nơi lập đình thờ ông, sau đổi tên là ấp Bình Kính

⁴ Năm 1773 hai buôn người hoa là Tập Đình, Lý Tài lập hai đạo quân Trung Nghĩa, Hòa nghĩa nổi dậy ở Quảng Nam, theo Tây Sơn chống chúa Nguyễn. Cuối năm 1776 Lý Tài phản, tạo điều kiện cho Nguyễn phúc Dương – cháu chúa Nguyễn - bị giam ở chùa Thập Tháp (Bình Định) trốn vào Gia Định. Lý Tài lập Dương làm Tân Chính vương, tôn Nguyễn Phúc Thân làm thái thượng hoàng. Năm 1777 quân Lý Tài bị đánh tan ở núi Châu thới)

Pháp mang quân đàn áp, vị thủ lĩnh hy sinh dũng cảm cùng mười bảy nghĩa quân tại bưng Kiêu, làng Vĩnh Cửu. Hội kín Đoàn Văn Cự tan rã. Hiện nay chúng ta chưa tìm được những người dân Hiệp Hòa từng tham gia hội kín này, song những điều truyền lại cho thấy dân cù lao có truyền thống yêu nước nồng nàn.

Là con cháu các bậc đi mở cõi, người dân Hiệp Hòa thừa kế lối sống phóng khoáng, cang cường “kiến ngãi bất vi vô đồng dã”. Các bộ lão còn sống đều biết tiếng ông Hai Ràng. Ông là cố nông, mãn hạn lính về làng dăm cự nự, không chịu phục tùng làng lính, bị đánh giá là dân bất lương, du côn xóm. Nổi tiếng hơn, có ông Tư Khánh, bị bắt lính đã trốn về, đánh ban hội tề, sau đó bỏ xóm ra sống một mình, nuôi vịt ở vàm rạch Mọi. Hội tề ngán ông, tuần đình không dám đụng tới. Ông Tư Bộ nổi tiếng giỏi võ và cờ bạc, phản kháng trật tự và ách thống trị tệ hại của bọn thực dân phong kiến.

Năm 1937, anh Ba Do (Đình Văn Do, tên thật Trần Văn Do) học trường bá nghệ Biên Hòa. Chịu ảnh hưởng của đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa (Xược), anh làm đơn gởi toàn quyền Đông Dương đòi tăng lương cho thợ và thực hiện ngày làm 8 giờ. Cùng ký tên vào đơn có Phạm Tấn Bộ, Trần Văn Hộ, Trần Văn Năm. Công nhân hãng cưa BIF bãi công, học sinh bá nghệ cũng bãi khóa hưởng ứng. Anh Bá Do xách búa đứng ở ngã ba máy cưa, ngăn thợ đi làm. Sau đó anh bị cảnh sát bắt giam vài ngày vì tội “phá rối trị an”. Hiệu trưởng trường bá nghệ cho ba tháng học bổng rồi đuổi học.

Thời thuộc Pháp, nam giới phải đóng thuế thân. Mức thuế chia hai hạng : dân vô sản đóng 2,5 đồng, người có tài sản đóng 4,5 đồng (sau này có tăng ít nhiều). Không phải người dân cù lao nào cũng có tiền đóng thuế ; mỗi vụ có hàng chục tráng đinh bơi xuống qua sông vào rừng hoặc nhà người quen bên đó tạm lánh. Người trốn thuế không dám đi chợ Biên Hòa sợ bị phú lít bắt tù mười lăm ngày. Đi xâu cũng là nỗi khổ của người nông dân (ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng). Mỗi khi tuần đình theo lệnh ban hội tề xuống bắt đi xâu, dân làng la to truyền từ ấp này qua ấp kia “ Bắt xâu ! Bắt xâu !” thì trai tráng chạy trốn hầu hết. Hương giáo Việt là người hống hách, hay đánh dân. Người trốn xâu lậu thuế rơi vào tay, hấn ta sai đóng trăn (cùm). Mùa khô năm 1941, do bị ức hiếp, ông Rây rình chém hương giáo Việt lúc sáng sớm ở Bình Tự, khi hấn ta đi xe đạp ngang qua.

Tháng 3 năm 1942, sau lễ cúng chay, một số lính sân bay Biên Hòa xuống cù lao lính bạc. Bị thua cháy túi, chúng phá sông, giạt tiền chạy. Ông Tư Bộ đánh ngã và bắt trời hai tên, lột quần áo lính ném xuống sông, vu cho chúng ăn trộm, giải nộp phú lít Biên Hòa. Một trung đội lính kéo sang, phá nhà dân và nhà hội cùng vài xe ngựa. Trai làng do Tư Bộ chỉ huy đánh vớt đuôi. Ông tổng Thi bênh dân dùng súng calíp bắn bị thương một tên lính, rượt đuổi bọn chúng đến đầu cầu rạch Cát. Lính chạy về rù đồng bọn kéo sang đông hơn. Chúng nổ súng vào trạm gác xe lửa đầu cầu. Ông tổng Thi ở trong trạm kêu lên “chúng bắn chết tôi rồi”. Dân nhờ thầy ký Hiệp sang báo tòa tham biện. Nhà chức trách tới dàn xếp lính mới rút về nhưng từ đó chúng không dám qua nữa. Sau vụ đánh lính, cảnh sát bắt anh Võ Văn Sáu (ấp Bình Kính) và Ba Do, vu tội hoạt động cộng sản. Các anh bị đày đi Bà Rá 23 tháng rồi anh Ba Do bị quản thúc tại quê ở Long Hưng (Long Thành).

Anh Ba Tạo (Nguyễn Tạo, Nguyễn Viết Trai, Tống Kim Quang) học nghề thợ nguội ở đề-pô Dĩ An đạt loại giỏi, lại làm mônitor thực hành cho lớp sau. Trong số huấn luyện viên của lớp có anh Trừ Văn Ri, cán bộ công đoàn bí mật có quan hệ Đào Sơn Tây. Năm 1944 trường dạy nghề của đề-pô Dĩ An lập hội tương tế do chi bộ lãnh đạo. Anh em góp tiền tháng giúp đỡ nhau lúc ốm đau, tang ma... Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp (9 tháng 3 năm 1945) anh Ba Tạo nghe vài anh em trong xưởng nói xàm xì nhau ở Bắc Kỳ có Việt Minh đang đánh Pháp - Nhật để cướp chính quyền. Câu chuyện đó như đóm lửa nhen nhóm khát vọng cứu nước trong lòng anh thanh niên hai mươi tuổi. Đề-pô Dĩ An ngưng hoạt động, anh về cù lao tham phong trào thanh niên tiên phong bắt đầu phát triển từ tháng 5 năm 1945.

Tháng 7 năm 1945, phong trào thanh niên tiên phong rất sôi nổi ở Biên Hòa. Tuổi trẻ cù lao Phó bưng tỉnh vì những bài ca mới mẻ rộn ràng, cổ vũ công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Hai từ “yêu nước” được nói công khai. Anh Hồ Lữ - một nhà thầu khoán khá giả - được Huỳnh Thiện Nghệ móc nối - về tổ chức thanh niên tiên phong xã Hiệp Hòa. Hàng trăm người nhiệt liệt hưởng ứng tham gia đội ngũ, ngày ngày luyện tập thể dục thể thao, đi đều... Anh Ba Tạo làm ủy viên huấn luyện của phong trào. Thanh niên Tiên Phong cù lao cuốn hút cả những người đứng tuổi và thiếu niên, phụ nữ. Đó là hình thức Mặt trận dân tộc thống nhất trong cao trào cứu nước tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

Từ đầu tháng 8 năm 1945, tin tức khởi nghĩa các nơi dồn dập bay về. Nhật đầu hàng đồng minh. Hà Nội tổng khởi nghĩa thắng lợi. Rồi các tỉnh từ Bắc vào Trung lần lượt cướp chính quyền. Theo sự chỉ đạo của Đảng mà trực tiếp là sự chỉ đạo của thủ lĩnh thanh niên Tiên Phong Biên Hòa, ngày 25 tháng 8 năm 1945 thanh niên cù lao với gậy tầm vông vạt nhọn đã kéo về Sài Gòn tham gia cướp chính quyền, đồng thời biểu dương sức mạnh to lớn của đồng đảo quần chúng.

Ngày 27 tháng 8, thanh niên tiên phong và nhân dân cù lao Phó đi dự lễ ra mắt của ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa.

Mọi xiềng gông của thực dân phong kiến đều được rũ bỏ. Người dân cù lao Phó đứng lên, bước vào cuộc sống mới độc lập, tự do, hạnh phúc.

PHẦN THỨ HAI

XÃ HIỆP HÒA TRONG CHÍN NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Trong khí thế hào hùng lay trời chuyển đất những ngày tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Ban hương chức hội tề xã Hiệp Hòa tan rã. Tên xã Mũi giao toàn bộ hồ sơ, sổ sách và triệu đồng (con dấu) cho các anh Hồ Lữ, Ba Tạo. Dưới sự chỉ đạo của tỉnh và quận, ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã được thành lập. Chủ tịch : ông Trần Khắc Tiểu (một nhà thầu khoán), phó chủ tịch : anh Ba Tạo ; ủy viên quân sự : ông Ba Bửu (Huỳnh Ngọc Bửu) - sau này anh Tư Đăng thay ; ủy viên tài chính : Phạm Huỳnh Nhiều... Các tổ chức quần chúng hình thành : anh Hồ Lữ là đoàn trưởng thanh niên tiên phong (ít lâu sau thanh niên tiên phong nhập vào thanh niên cứu quốc), chị Cao Thị Ba đoàn trưởng phụ nữ cứu quốc, chị Tư Phú cán bộ phụ nữ...⁵ Quốc gia tự vệ của xã do ông Tư Bộ chỉ huy. Mặt trận Việt Minh được thành lập ông Tống Đình Kinh làm chủ nhiệm.

Đất nước ta “rũ bùn đứng dậy sáng lòa” xây dựng chế độ mới. Vào những ngày đầu dân chủ cộng hòa, cán bộ ta chưa hề có kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo và điều hành công tác tuy lòng tràn đầy nhiệt tình cách mạng. Bộ máy chính quyền hoạt động chưa có gì nổi bật nên dân thường ít để ý trừ những người có công chuyện cần được ủy ban giải quyết. Hầu như mọi người chỉ biết đến tổ chức Việt Minh mà thôi.

Hoạt động của thanh niên tiên phong rất sôi nổi, cuốn hút hầu hết thanh niên cù lao Phố và đội ngũ từng làng, từng ấp. Một số anh trước kia đi lính tập, cả một số thiếu sinh quân (enfants de troupes) như Nguyễn Văn Quan, Nguyễn Văn Là... cũng trở thành huấn luyện viên cần mẫn. Với chiếc gậy tầm vông vạt nhọn và cuộn dây thừng đeo tròn ten bên hông, anh chị em say sưa tập tành quân sự. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ chỉ quen cày cuốc trồng tía trên đồng ruộng hoặc cầm búa, cầm kìm trong xưởng máy, nay tập bồng súng, quay trái, quay phải, đi đều, đứng lại...các anh chị thấy sao khó thế. Vài buổi đầu, động tác lộn xộn, chệch choạc rất tức cười. Ít bữa sau, anh chị em mới làm đúng khẩu lệnh của người hướng dẫn. Tại khu vực chợ Mới (chợ Chiếu cũ) và Gò Cát, mấy người giỏi võ dạy cho số hăm mộ quyền cước. Tối tối, đường làng râm rập bước chân. Lời hô vang dội phá vỡ cái yên tĩnh từ bao đời bao trùm xóm thôn. Các bài ca cách mạng (tiếng gọi thanh niên), “Lên đàng”... với nhịp điệu tiết tấu mạnh mẽ.

Nếp sống mới đầy hào hứng như chất men diệu kỳ thức tỉnh lòng yêu nước tiềm ẩn trong lòng mỗi thanh niên cù lao.

Lớp huấn luyện du kích Bà Bao mở giữa tháng 9 năm 1945, anh Hồ Lữ cử ba thanh niên hăng hái đi học khóa đầu : Mai, Chờ, Tịch, để đào tạo cán bộ cho phong trào. Một số khác đi học các khóa sau mở tại Giang Rẽ, Long Thành...

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên nhiệm vụ khẩn cấp tập trung lực lượng toàn dân, toàn Đảng để diệt ba thứ giặc : giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Trong hơn 80 năm cai trị nước ta, thực dân Pháp đã kim hãm dân Việt Nam trong vòng ngu dốt tằm tời để chúng dễ bề áp bức bóc lột. Vừa rũ bỏ xiềng gông nô lệ, Mặt trận Việt Minh xã Hiệp Hòa liền đứng ra tổ chức phong trào bình dân học vụ, tiếp nối phong trào truyền bá quốc ngữ trước kia. Không khí độc lập tự do đầy hồ hởi phấn khởi đã thúc đẩy nhiều người biết chữ dạy người chưa biết. Các em thiếu niên học sinh hăng hái xung phong đến các lớp : trưa hoặc tối, kiên nhẫn hướng dẫn cho cô bác, anh chị lớn tuổi nắm bắt các con chữ i, t, a, b... Chỉ một thời gian ngắn, đã có bà con vọc vạch đánh vần tiến tới đọc được các cuốn sách, truyện thơ Lục Vân Tiên...

Các em thiếu niên còn là lực lượng quan trọng bài trừ cờ bạc, mê tín dị đoan. Xã Hiệp Hòa trước Cách mạng tháng Tám có một số sòng bài với một số anh chị tay chơi nổi tiếng. Khi cách mạng thành công, họ đều theo cách mạng, nhưng vẫn lè tè có một vài người chơi lén lút theo thói quen. Các em phát hiện ra, đã báo cáo để răn đe họ. Đối với số người thành thạo còn lên đồng bóng, các em ứng tác những bài rồi, bài kệ ngêu ngao suốt ngày làm họ mắc cỡ. Không bao lâu toàn xã chấm dứt nạn “ợ ngáp, ông lên bà xuống”.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 làm cho dân xã Hiệp Hòa thương yêu đoàn kết đậm đà hơn xưa. Các phụ lão chủ động sắp xếp hòa giải những mâu thuẫn nảy sinh, phát huy truyền thống “bà con xa không qua láng giềng gần”, chín bỏ làm mười. An ninh trật tự xóm làng rất tốt, đi ngủ không đóng cửa cũng không lo trộm cắp. Các cụ am tường chuyện Tàu nhận xét : đúng là thời Nghiêu Thuấn.

Đầu tháng 9 năm 1945 quân Anh - Ấn vào miền Nam Việt Nam giải giới quân Nhật. Theo chân quân Đồng Minh, thực dân Pháp đưa lính viễn chinh vào Sài Gòn định xâm lược nước ta lần nữa. Ngày 23 tháng 9 năm 1945 tiếng súng Nam Bộ kháng chiến vang rền biểu thị nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn quyết tâm bảo vệ nền dân chủ cộng hòa mới thành lập ngót một tháng. Anh Ba Do được cử làm một đội trưởng thanh niên tiên phong. Được cấp trên tin cậy, anh rất khoái, càng hăng hái trong việc chỉ huy tập luyện quân sự. Đội của Ba Do phải hơn đứt các đội khác chớ ! Hồ Lữ vốn có thành kiến với thành phần xuất thân và quá khứ của anh, nên nhân một lần anh cãi lại đoàn trưởng đã xài xê và phạt anh “vì không tuân lệnh cấp trên”. Máu anh hùng cá nhân trở dậy “ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục”, nhưng bây giờ thời thế đổi rồi, cách mạng rồi, không thể tính hơn thua bằng đấm đá hoặc dao búa để rửa nhục. Anh phản ứng bằng cách hót trọc đầu, mặc quần xà lỏn, miệng phì phèo điệu xì gà với vẻ phớt đời. Hằng ngày phải gặp đoàn trưởng, phải báo cáo và thi hành mệnh lệnh, nỗi ức trong anh không nguôi ngoai mà ngày càng lớn lên. Tập luyện chỉ có gậy tầm vông, ngán thấy mồ ! Thôi bỏ quách nơi đây, đi Sài Gòn theo cộng hòa vệ binh có quần áo lính đàng hoàng, mang súng thử thiệt sướng hơn ! Anh rủ hai bạn thân Ba Ký (Nguyễn Văn Ký) và Sáu Bụng (Võ Văn Sáu) theo đệ tứ sư đoàn. Anh được cử làm tiểu đội trưởng, tham gia nổ súng đánh Pháp ở cầu Tham Lương, ít bữa sau, sư đoàn này rút chạy về Trảng Bàng. Thấy đại bản doanh có một số gái đẹp ngày ngày son phấn trưng diện, ra vô nhõn nhơ và ban chỉ huy ăn uống rượu thịt phê phỡn, lính tráng xách nhiều quạ phá dân, anh Ba Do rất bất bình. Kháng chiến gì mà tệ hơn giặc ! Lời phê phán của anh chẳng may đến tai chỉ huy sư đoàn. Lý Huê Vinh sai lính hầu cận trói anh vào cột cờ, kết tội phản động, chuẩn bị xử tử

⁵ Ông Ba Bửu bắt liên lạc với tỉnh và quận ngay sau Cách mạng tháng Tám, về tập hợp được một số anh em rồi đi thoát ly luôn. Chị Tư Phú (con ông Tư Tiểu) đi thoát ly làm tổ trưởng quân báo chi đội 10 lấy bí danh Thanh Phong, hy sinh năm 1947. Thấy ký Yến thoát ly làm ủy viên tài chính tỉnh, hy sinh khi vượt quốc lộ 1

để sẵn để quân lính. Anh Ba Ký hết lời xin giùm, anh mới được tha. Thấy không thể đi theo bọn này mà mang tiếng lây, anh Ba Do rủ cả tiểu đội 11 người bỏ trốn, kéo có ngày uống mạng. Giấy tờ nhét trong gậy trúc, mỗi anh chia tay đi một ngã. Hai anh quê cũ lao Phố lại về nhà. Ít lâu sau, các đồng chí Ba Thuận (Phạm Văn Thuận) và Sáu Đại (Hồ Văn Đại) tổ chức hai anh Ba Ký và Sáu Bụng vào quốc gia tự vệ cuộc quận Châu Thành, anh Ba Ký vào quốc vệ đội Biên Hòa⁶

Ba Dè (Võ Hồng Châu) theo người chú lên Sài Gòn đi học. Vào những ngày tổng khởi nghĩa sôi nổi hào hùng, ở lứa tuổi 16 em tham gia đội thiếu niên tiền phong khu Tân Định. Pháp nổ súng xâm lược, em về ở ven cầu Kiệu, bên kia rạch là xóm Bà Đàm. Đêm đêm, theo lệnh ban chỉ huy, em dẫn đường cho đội tự vệ chiến đấu vào đánh các vị trí giặc ở quận 1. Khi mặt trận cầu Kiệu vỡ, đơn vị rút về Phú Nhuận rồi về Gò Vấp (xóm Cây Quáo). Tại đây, ban chỉ huy cho phép ai muốn đi đâu tùy ý, chỉ cấm không được theo Tây mà thôi. Ba Dè về cù lao Phố quê hương.

Khoảng giữa tháng 10 - 1945, mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn vỡ. Có thêm quân tiếp viện gửi sang, thực dân Pháp nóng ra ngoại ô.

Theo nhận định của các đồng chí lãnh đạo tỉnh Biên Hòa thì trước sau giặc Pháp sẽ đánh tới đây. Các cơ quan của tỉnh và quận Châu Thành được lệnh rút khỏi nội ô. Dân phố chợ Biên Hòa bắt đầu tản cư về các vùng quê; một số về Hiệp Hòa. Văn phòng Mặt trận Việt Minh quận Châu Thành đặt tại nhà ông Ba Tồn (Hồ Văn Tồn) ấp Long Quới. Đơn vị nam tiến của đồng chí Nam Long ghé qua nghỉ chân vài ngày trước khi rút ra miền nam Trung Bộ. Một đơn vị cộng hòa vệ binh đóng tại các miếu Bình Kính, Bình Hòa, Bình Xương, Hòa Quới. Một số lưu manh trộm cắp giạt về đây toan giờ trò trộm cắp. Nhưng các đội thanh niên tự vệ tuần tra canh gác nghiêm mật nên tình hình trật tự trị an vẫn tốt đẹp.

Dân quân tự vệ cù lao Phố lúc đầu chỉ có một cây súng calip 12 thu của hương chức hội tề cũ. Ông Hai Rựa - thợ máy cửa BIF - và ông Tư Bộ nói với một số thanh niên: bọn tao giỏi võ thiết cũng không đỡ nổi súng ống, tụi bay ráng kiếm súng đi. Có người đập tên lính Nhật gần bến đò An Hảo thu một cây súng mứt giao cho ông Hai Rựa, ông đưa luôn cho anh em. Ông bày cách: ban đêm vô sở cao su tổng Trường và Hàm Rồng (Long Bình Tân bây giờ) tìm kho vũ khí Nhật cất giấu. Các anh Bảy Lợi (Đường Sơn) và Một Thi cùng một anh nữa bò vào vác được hai cây mứt và một thùng đạn. Ba anh kể lại, rồi dẫn đường cho số cộng hòa vệ binh vào ăn trộm lần thứ hai. Đêm đó các anh lấy được nhiều, lính Nhật bắn dữ dội vì thấy động. Cộng hòa vệ binh chia cho thanh niên cù lao một cây FM, vài cây súng mứt và ru lô cùng mấy thùng nặng. Về đến Tân Giám, anh em đoán già đoán non đây là thùng súng hoặc lựu đạn..., khui ra toàn đạn đại bác.

Anh Sáu Bụng đi ngang đốc Bà Bành (Bình Ý) thấy tên lính Nhật đứng gác có vẻ chán đời, sơ hở. Anh động một cán cuốc, tên này gục xuống, anh ung dung thu một súng mứt mang về. Anh Tư Tín (Nguyễn Huỳnh) lấy được hai cây mứt ở sở cao su Long Thành nộp cho anh Hoàng, công an quận Châu Thành...

Một buổi trưa, sau vài bữa đơn vị cộng hòa vệ binh về đóng ở Hiệp Hòa, một đoàn xe Nhật từ Bà Rịa về Sài Gòn. Một số cộng hòa vệ binh tổ chức đánh chiếc xe cuối ở gần cầu cống khi đoàn xe đã qua cầu Gành. Anh em bắn vài phát súng, ném một trái lựu đạn nổ chỉ vỡ đôi. Tài xế Nhật và hai ba lính trên xe hoảng quá nhảy xuống sông, bơi qua Chợ Đồn. Khi súng nổ, mấy thanh niên Hiệp Hòa chạy ra. Các anh cùng số cộng hòa vệ binh xúm vào đẩy chiếc camion về cửa chùa Đại Giác, thu hơn một chục súng trên xe. Thanh niên Hiệp Hòa lấy hai cây, giấu đi làm vốn.

Quân Nhật kháng nghị với ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Biên Hòa. Chủ tịch tỉnh Hoàng Minh Chân ra lệnh cho các lực lượng vũ trang không được đánh Nhật nữa, gom súng trả lại cho họ. Cộng hòa vệ binh đẩy xe camion ra đường quốc lộ 1. Vài ngày sau, đơn vị cộng hòa vệ binh rút đi. Hai anh Trung và Tuyết giữ kho súng đặt tại một nhà ở xóm Tân Giám (trên đường xuống bến tắm ngựa) cho thanh niên cù lao vài cây súng cũ, nhờ anh em gác giùm. Kho có hơn bốn chục cây trong đó có hàng chục súng lục, song không có đạn.

Khoảng chín giờ sáng ngày 25 tháng 10 năm 1945, dân chợ Đồn lũ lượt chạy qua cù lao cho biết đoàn xe quân Anh - Ấn đang đậu ở bến. Thầy giáo Long làm viết gian ngồi xe Jeep dẫn đầu số xe của Pháp chạy sau. Gần một chục thanh niên cù lao gồm: Một Thi, Bảy Lợi (Đường Sơn), Thoại, Tông, Tý, Chín, Tuyết... do anh Nguyễn Phong Vân cầm đầu, trang bị vài cây mứt, trèo lên đường rầy xe lửa quăng chùa Đại Giác. Hai, ba tên lính Nhật rải ra gác khúc đố. Anh em chờ khá lâu. Đoàn xe từ từ qua cầu Gành, đi đầu là mấy xe thiết giáp, theo sau là xe camion chở lính Chà Chóp. Anh em cù lao biết đây là quân Đồng Minh nên nén lòng để bọn này qua, khi chiếc xe Jeep chở mấy tên mặc đồ xivin sắp tới, mấy anh cầm súng bèn lên lạn: Bọn Nhật giằng co ngăn cản. Các anh kịp nổ vài phát vào bọn Pháp và viết gian rồi rút. Mấy xe thiết giáp Anh - Ấn đậu ở đầu cầu rạch Cát xả đại liên dữ dội, đạn "đum đum" nổ chát đùng trên đầu. Mấy tên lính Nhật nằm xoài trên đường xe lửa tránh đạn bay vèo vèo.

Ít bữa sau, nghe dân nói nhóm quốc gia tự vệ cuộc của Ba Ký đang đánh lính Ănglê sang cù lao, mấy anh trong nhóm Tư Vân ào ra tham gia. Một lính Chà Chóp bị thương nằm trên đường số 1 thuộc ấp Hưng Phú. Bọn còn lại rút qua cầu chạy về nội ô. Vài anh đòi giết tên lính rồi ném xác xuống sông. Các anh khác can ngăn, chỉ thu khẩu súng rồi rút.

Quân Anh - Ấn đi lũng sục ở bến đò An Hảo. Từ bên kia sông, anh em bắn qua. Chúng nằm phục tại đó. Dứt tiếng súng khá lâu, anh Hai Sen (Nguyễn Sen) từ Bến Gỗ đi xe đạp qua đò về nhà. Bọn lính bắt anh, mang về giam, đánh bằng cây có đĩnh. Lừa lúc lính gác sơ hở, anh trốn thoát.

Tiếng súng Nam bộ kháng chiến thôi thúc một số thanh niên Hiệp Hòa lên đường, gia nhập Vệ quốc đoàn: Nguyễn Văn Thành, Hai Thiết, Cao Văn Tây...⁷ Tiểu đội thanh niên vũ trang khá đầy đủ do anh Tư Vân cầm đầu, kéo đi tìm lực lượng Bình Xuyên của Ba Nhỏ. Quân Bình Xuyên hồi đầu kháng chiến nổi tiếng chì, gan dạ, không như các sư

⁶ Sau trở thành Công an xung phong

⁷ Anh Cao Văn Tây hy sinh trong trận chống càn ở Hồ Bò (Củ Chi) đầu kháng chiến anh Nguyễn Văn Xệ hy sinh ngày 27 - 1 - 1946 trong trận chống địch lấn chiếm đường 15. Anh Lê Quang Triệu chiến đấu trong đoàn trinh sát Ký Con ở Gò Vấp (gia Định) hy sinh tháng 12 - 1946. Anh Hai Thiết hy sinh trong một trận đánh bót ở Long Thành.

đoàn cộng hòa vệ binh đưng thì rút chạy mà chỉ toàn xách nhiều dân, bắt dân cung phụng tiền bạc tiêu xài và gái. Mới đầu tiểu đội này đến chợ Nhỏ, sau kéo về Tam An (Long Thành). Tiểu đội thanh niên cù lao không bị xé lẻ. Được ít ngày, Ba Nhỏ bị cấp trên ra lệnh bắt giữ, sau đó bị xử tử vì nhiều tội lỗi do y và đồng bọn gây ra. Khu bộ trưởng Nguyễn Bình gặp gỡ, chỉ định các anh Hai Sen và Tư Vân ra Hà Nội học lớp võ bị Trần Quốc Tuấn ở Sơn Tây. Còn những người khác trong tiểu đội thì chỉ huy trưởng Dương Văn Dương ký giấy cho về địa phương⁸.

Quân Chà Chóp lập bót đầu cầu rạch Cát để bảo vệ đường giao thông của chúng. Bọn này hay mò xuồng mấy xóm ven bót tìm hãm hiếp phụ nữ. Một đêm sáng trăng, mấy chị ngồi chơi ở ngõ xóm Bình kính. Một tên Chà Chóp nhẹ chân đi tới. Các chị hoảng hồn ù té chạy. Tên này rượt theo, túm túm tay chị Ba. Người em từ trong nhà chạy ra, đóng vai chồng, cự nự lớn bằng tiếng Pháp. Tên này bỏ đi.

Vợ chủ hãng dầu ở Phước Lư (nay là phường Quyết Thắng) tản cư qua Hiệp Hòa trước khi giặc chiếm lại thị xã Biên Hòa. Anh em dân quân tự vệ bắt chị này vì nghi chị là việt gian đi dò la tin tức chỉ điểm cho giặc. Tên Xêkétmay mang quân bố ráp sáng 3 tháng 11 năm 1945 để tìm người phụ nữ nọ. Tư Du dẫn đường cho lính đi càn. Chúng bắn chết anh Nguyễn Văn Hớn ở miếu Bà (Gò Cát).

Quân Anh - Ấn rút, lính Pháp thay thế. Giằngđiê làm sếp bót, chỉ huy một trung đội lính thân binh (partisans). Ấp Tân Mỹ có ông Tống Đình Đê, là quản (thượng sĩ) coi khám lớn Biên Hòa, sau làm quan một (thiếu úy), dân làng thường gọi là ông Một Đê. Pháp gọi ông ra làm việc, ông từ chối. Chúng bắt giam một tháng để hù dọa, ông viện cớ già yếu không làm. Chúng lấy nhà ông đóng bót, gọi là bót Tống Đình Đê. Một tiểu đội lính bảo vệ vòng ngoài bót đầu cầu. Gia đình ông đông con, kêu nài mãi nó mới trả nhà. Chúng chuyển qua chiếm nhà anh Hồ Lữ ở dãy phố ba căn đóng bót, sếp Phận làm trưởng bót này (y là trung sĩ nhất).

Ông Lê Văn Độ và bà Phạm Thị Xi trước tháng 8 năm 1945 làm gác dan nhà thương điên Biên Hòa. Khi Pháp chiếm thị xã, ông bà bỏ về, ông chuyên làm thuê làm mướn, bà buôn gánh bán bưng nuôi mấy con nhỏ, kiên quyết không làm cho Pháp. Hai ông bà đều tham gia kháng chiến tại quê nhà và cho con đi thoát ly cả hai thời kỳ ba chục năm ròng.

Ngày 6 tháng 1 năm 1946, nhân dân xã Hiệp Hòa cùng đồng bào cả nước tham gia bầu cử ba đại biểu Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa đầu tiên. Cán bộ và du kích mang thùng phiếu len lỏi tới tận các ấp Thành Hưng, Tân Mỹ sát bót giặc để mọi công dân thực hiện quyền dân chủ của mình. Một số gia đình gửi ban bầu cử tiền bạc, quà bánh... để ủng hộ bộ đội Cụ Hồ.

Khoảng giữa tháng chạp ta Ất Dậu (giữa tháng 1 năm 1946), lực lượng vũ trang của Châu Ngọc Đức từ Bửu Hòa, Hóa An vượt sông Đồng Nai về cù lao Phố. Được các anh Ba Tạo, Tư Đẳng, Hai Tình, Long, Mạnh, Đáo, Đường Sơn là cán bộ địa phương và du kích giúp đỡ chỉ đường, đơn vị này hạ bót sếp Phận sau ít phút chiến đấu. Bót đầu cầu gần đó nhưng không dám đem quân tiếp viện. Tiểu đội pác-ti-lăng bỏ chạy, căn nhà trống trơn vương vãi vài quần áo mùng mền mà thôi. Trận thắng này tuy nhỏ bé nhưng đồng bào trong xã đón nhận với niềm vui sướng, tin tưởng.

Anh Ba Tạo và Tư Đẳng tham gia công tác nhưng vẫn ở nhà. Sau trận bót sếp Phận vài tối, lính đã lùng xét một số nhà. Đêm đó, các anh sang nhà người quen ở ấp VĩnhThị ngủ nhờ. Các anh được gia đình anh Ba Tạo thuật lại: một tên vào nhà hỏi Tống Kim Quang “đi” (tiếng Pháp dit : tức là) Bông có nhà không ?. Gia đình anh nói anh đi vắng. Chắc chắn có người quen làm chỉ điểm nên Pháp mới rành như vậy. Nhắm không thể ở yên nơi quê hương, anh Ba Tạo và Tư Đẳng cùng một số thanh niên : Hai Thấy, Ba Lội, Bảy Chôm, Chín Mai, Tư Chờ, Ba Tồng... học gương người xưa, tổ chức hội thề Long Quới. Ngôi miếu được quét dọn sạch sẽ, bàn thờ có mấy đĩa hoa quả, bánh trái, nghi ngút khói nhang. Một lá cờ đỏ sao vàng treo phía sau lư hương. Trong không khí trang nghiêm thành kính, theo thứ tự lứa tuổi, mỗi anh tự đọc tên mình, nói lên những lời xuất phát từ đáy lòng, thề kiên quyết đấu tranh giành độc lập, bị bắt không khai báo, quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng. Mỗi người đều lấy biệt hiệu: Tư Đẳng là Nguyễn Thành Đồng, Tư Chờ là Nguyễn Thành Long... Sau hội thề, các anh ly hương qua Bình Đa hoạt động vì tình hình chung ngày càng căng thẳng.

Sáng 23 tháng chạp Ất Dậu (25-1-1946) giặc Pháp tập trung lực lượng quân khá đông, càn quét cù lao Phố. Đội Thịnh ở ấp Thành Hưng nhẩy ra làm việt gian từ những ngày đầu, vác súng dẫn Tây đi bắt người. Chúng lùng xét từng ấp, từng nhà gom bắt hơn hai trăm đàn ông trong xã. Bọn đề-pô Dĩ An càn bố bắt : ông Tư Bộ phụ trách quốc gia tự vệ cuộc xã, ông Bảy Mít, các anh Tư Sâm, Mười Ti, Năm Hóa, Tư Bồi. Chúng theo ngược ông Tư Bộ, tra tấn dã man, lấy kim đâm vào dương vật song ông không khai báo gì. Chúng chặt đầu Mười Ti, Tư Sâm, Năm Hóa, không biết mổ má chôn đầu. Ông Tư Bộ và Tư Bồi được tha về. Ông Bảy Mít to con, tốt tướng bị lôi về bót Catinat (Sài Gòn) giam giữ khá lâu. (Khi được tha, đòi ăn rụng một ngón chân của ông).

Hơn một trăm người bị bắt về khám lớn Biên Hòa, nhiều người bị đòn. Bọn Tư Du, cai Hồ hù dọa đủ điều. Thân nhân người bị bắt gửi tiền và thuốc qua đội Thịnh bị y lấy hết. Trong cuộc càn này và những cuộc càn sau, chúng đốt nhà ông Hai Hợi, Ba Tồn, Tám Bời, Hai Đĩ, Sáu Bá... Một số đồ tiếp tế cho bộ đội : gạo, thịt heo muối, cá khô, trứng vịt... bị giặc cướp đi hoặc đổ bỏ tung tóe⁹.

⁸ Anh Nguyễn Phong Vân là học trung học khi Cách mạng tháng Tám nổ ra. Anh tham gia thanh niên tiên phong ở Sài Gòn. Giống như bao thanh niên khác thuở ấy, anh rất say mê mong mỗi được giữ một khẩu, không bằng lòng với gậy tầm vông. Khi Pháp xâm lược anh về quê ở cù lao không tham gia TNTP ở địa phương mà đứng đầu một nhóm thích vũ trang. Anh tham gia ba vụ đánh giặc ở cù lao. Học ở Sơn Tây xong, anh chỉ huy việc tiếp tế vũ khí từ nam Trung bộ vào khu 8 và chiến đấu ở đó đến khi tập kết. Anh là phó tư lệnh bộ đội thông tin quân giải phóng NVN nay đã nghỉ hưu.

⁹ Bà con ấp Bình Quan, Long Quới, Hòa Quới giữ ba kho hơn 40 tấn gạo của ban tiếp tế tình đặt ở các miếu của ba ấp. Hơn nửa năm liền, các kho được bảo vệ tốt.

Năm ngày sau, chúng tha những người bị bắt ở khám lớn. Đúng 28 tết, ông ách Hương nhận đứng ra lập lại hội tề song chỉ là hình thức vì không hoạt động gì.

Cuộc càn quét lớn giáp Tết của giặc như trận giông tố làm xáo động cù lao Phố yên tĩnh. Một số cán bộ xã, dân quân du kích Hiệp Hòa ly hương sang căn cứ Bình Đa. Nhóm cán bộ ủy ban xã của anh Ba Tạo, Tư Đồng và hơn một chục du kích trang bị dăm cây súng đóng ở An Hào. Nhóm quốc gia tự vệ cuộc (công an) quận Châu Thành của anh Ba Ký đóng ở vườn chôm chôm ông Tư Thiện gần bến đò Kho.

Phần lớn dân làng đi tản cư một thời gian. Mỗi gia đình chỉ một người ở lại trông nom nhà cửa vườn tược, nghe tin giặc ruộng bỏ, mấy người lại cụm ở một chỗ với nhau. Đường làng vắng hoe. Việt Minh chủ trương “bao vây kinh tế địch”, cấm họp chợ. Chợ Biên Hòa vắng vẻ, thỉnh thoảng có lựu đạn nổ. Một số dân cù lao Phố dọn dĩ mang cau, dứa... đi bán, giá rẻ để mua tỉnh mắm nêm, ít dầu thấp đèn, muối... Bữa cơm mọi nhà thường chỉ có muối, khô quệt, lâu lâu có thêm con cá mắm đã mừng. Bọn địch thỉnh thoảng ruộng bỏ bắt heo, bắt gà vịt tự do. Ai cản chúng chĩa súng dọa giết. Chúng bắt dân đi xâu chặt cây, rẫy cỏ quanh bót cho quang đảng, rào bót, đắp công sự... Mặt khác “sấm truyền” không biết từ đâu lan ra rộng rãi : bây giờ là buổi hạ ngưng mặt kỳ, quỷ dữ lộng hành, chó không sủa, gà không gáy...

Sự khủng bố tàn bạo của giặc gây cho nhân dân cù lao Phố một số thiệt hại đầu tiên về người và của, hù dọa được một số yếu bóng vía không dám quan hệ với kháng chiến. Súng đạn giặc gây hoảng loạn bất ngờ, nhưng rồi tình hình lắng dịu dần. Đại bộ phận nhân dân thấy rõ bộ mặt thật của kẻ địch càng nung nấu mối căm thù. Họ nhớ lại những ngày đầu Cách mạng tháng Tám với không khí sôi nổi, nao nức, thật sự tự do dân chủ, mọi người yêu quý nhau như ruột thịt, gọi nhau bằng đồng chí, đồng bào thân thương, không còn gông cùm áp bức, không còn thuế khóa nhất là thuế thân dã man. Đó là những ngày của hát ca vui vẻ hào hùng, những ngày luyện tập quân sự lội cuốn chưa từng có... Biết bao giờ mới lại có những ngày hội như vậy của cách mạng ?

Chị Bảy Bê (Ngô Thị Bê), là con gái út ông bà phán Hải được gia đình rất cưng chiều. Chị chăm việc nhà từ bỏ nên quen lao động chân tay. Được học tới lớp nhì tiểu học (lớp bốn bây giờ), chị hay đọc sách báo. Tuy hiểu biết còn ít chị cũng thấy xã hội cũ có nhiều bất công. Cách mạng tháng Tám với phong trào thanh niên tiên phong sôi nổi cuốn hút hầu hết thanh niên gái trai cù lao Phố, nhưng cô thiếu nữ 19 tuổi ấy chỉ đứng dòm dòm anh chị em trang lứa tập tành vì không có ai gọi con cái viên chức cũ tham gia. Khi giặc đóng bót trong xã, anh Tư Đồng nhờ chị đưa thư cho một số cơ sở, chị thích thú làm không chút ngại ngần. Cán bộ phụ nữ xã như chị Hạnh, chị Hương, chị Tâm từ Bình Đa về gặp, giao cho chị công tác vận động chị em trong ấp rồi liền áp vào phụ nữ cứu quốc, lập hũ gạo kháng chiến ở từng nhà, làm bánh mứt tặng bộ đội vào các dịp lễ, Tết... chị say sưa làm hơn cả việc nhà: Ông phán Hải sợ con gái tham gia Cách mạng có ngày sẽ bị giặc bắt bớ, tra tấn, tù đày. Chị phải giấu gia đình, mặt khác khéo giúp ba má về tư tưởng nếu chẳng may chị chết cũng đem lại vinh dự cho ba má và gia đình.

Chị Bảy Hoa (Nguyễn Thị Hoa) có anh ruột là Nguyễn Văn Thành đi Vệ quốc đoàn từ những ngày đầu kháng chiến. Anh thỉnh thoảng có dịp ghé qua nhà thăm gia đình, chuyện trò động viên em gái góp phần làm công tác xã hội chứ không nên ru rú xó nhà. Ba chị rất thương con gái, kiên quyết không cho chị tham gia với lý do: kháng chiến là công việc quốc gia đại sự, nặng nề của đàn ông ; gia đình đã có người đi kháng chiến con gái ở nhà lo việc phụ giúp gia đình, mai mốt còn lo chuyện chồng con... Ngoài mặt, chị tỏ ra vâng lời. Chị Năm Cánh từ Bình Đa về rủ chị và một số chị nữa sang căn cứ, chị tìm cách đi ngay và vui vẻ nhận nhiệm vụ. Chị Sáu Mùi là tổ trưởng phụ nữ cứu quốc xóm làm mấy tháng rồi nghỉ, chị thay chân, mới đầu chỉ thu gom gạo tiền, sau này nhận rải truyền đơn và dán khẩu hiệu ở cầu cống trong các ngày lễ kỷ niệm của cách mạng.

Anh em cán bộ, du kích Hiệp Hòa hàng ngày từ bên kia sông về làng làm công tác vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến, xin gia đình gạo và thực phẩm và chút đỉnh tiền xài... Anh em rất ít vũ khí nên luôn luôn lo phòng tránh đụng đầu giặc. Với lòng thương yêu vô hạn con em thân thiết của mình, bà con mưu trí sáng tạo hệ thống báo động dây chuyền có hiệu quả. Một số thiếu nhi chơi đùa, bắt đé, coi trâu... ở đầu xóm là tai mắt quan sát giặc từ xa. Em Châu Dè một thời gian hàng ngày lảng vảng ở khu chùa Đại Giác, thấy lính bót kéo ra, chạy ngay về báo cho bà con lối xóm. Cái bẹo làm bằng mo cau quét vôi, áo khăn trắng hoặc chiếc nón lá treo ở ngọn một cây cao là tín hiệu an toàn, anh em cứ yên tâm bình tĩnh vượt sông về công tác. Nếu không thấy bẹo thì anh em liệu đường tránh. Dân quân tự vệ và những cô bác có tinh thần trách nhiệm cao lần lượt thay nhau gác bẹo. Địch vừa từ bót Thành Hưng đi tới đầu cống thì các trạm gác bẹo đã hoạt động tức thì, theo lối dây chuyền. Chúng đi tới Bình Kính thì trạm bẹo Bình Quan đã báo động. Chúng qua cầu Lò Gốm thì bên An Hào đã biết. Trạm bẹo chốt thông tin qua An Hào lúc đầu đặt ở gò Kỳ Lân, sau đưa vào nhà ông Ba Thờ có cây me cao, từ trụ sở xã đội (ở An Hào) nhìn về dễ thấy hơn. (Ông Ba Thờ bị địch bắt vì cây bẹo này). Nếu địch đi xuống bến đò Kho thì các trạm bẹo ở ngã này làm việc. Chúng tới chợ Mới thì các trạm bẹo Tân Giám, Gò Cát phát tín hiệu. Chúng tới Tân Giám thì bên đốc trại căn cứ Bình Đa đã biết.

Hệ thống bẹo bảo đảm an toàn cho anh em về công tác ít đụng địch. Có khi địch ruộng bỏ ở Long Quới mà anh em vẫn bình tĩnh công tác ở Tân Giám, Gò Cát, chúng phục kích phía Bình Xương, Bình Tự thì mọi sinh hoạt ở Bình Quan, Long Quới vẫn bình thường. Việc nhân dân cù lao Phố làm trinh sát bảo vệ cán bộ, du kích suốt nhiều năm là một trong những nét nổi bật của chiến tranh nhân dân địa phương.

Ngăn cản bót sự đi lại của địch, cán bộ ta vận động bà con đêm đêm chặt hạ các cây sao, dầu ngã xuống hai bến đò Kho và An Hào. Thi hành chủ trương “vườn không nhà trống”, ta vận động hai ông Lê Văn Ký và Lê Văn Chính tự tay tiêu thổ hai căn nhà to đẹp không để giặc lấy đóng bót.

Giặc Pháp mở nhiều trận càn lớn, nhỏ vào chiến khu Đ. Chúng thực hiện thủ đoạn dã man : đốt sạch, phá sạch, giết sạch để tiêu hủy tiềm lực của đầu não kháng chiến miền đông Nam Bộ. Hương ứng cuộc vận động giúp các cơ quan và đồng bào chiến khu Đ có sức cày kéo trong tăng gia sản xuất, nhân dân Hiệp Hòa tổ chức đưa hàng trăm đôi trâu bò lên đố. Ông Đình Văn Mùi ở ấp Hưng Phú gửi đi hơn 10 con ; nhà ít cũng cho mượn 1 con.

Trong tuần lễ quân giới, một số gia đình tự nguyện hiến bộ lư đồng, chân nến đồng cho công binh xưởng đúc đạn giết giặc. Đó là chưa kể một số đợt quyên góp tiền bạc, thuốc men, vải vóc gửi đi. Vì độc lập tự do, vì kháng chiến thành công, người dân cù lao Phố sẵn sàng hiến dâng tất cả, theo lời kêu gọi của chính phủ Cụ Hồ.

Cán bộ và du kích Hiệp Hòa sống trên đất bạn ngày ngày vượt sông về bám quê hương. Để bảo đảm đi lại bí mật, ta dời bến đò Kho xuống miếu Bình Xương để qua bến là Bình Đa, tại hai đầu bến có các ông Sáu Hải, Năm Dờ, Năm Hảo và hai anh em ông Tư Nhòng tức trực. Bến đò An Hảo dời lên miếu Long Quới để qua xẻo Hoàng, tại đây có các ông Ba Tồn, Tư Trữ và anh Huây sẵn sàng đưa đón người qua sông không lấy tiền.

Giặc biết, cấm dân cù lao sử dụng xuồng ghe. Chúng thường phục kích, thấy bóng người qua sông là bắn, gặp ghe thì đập phá hoặc bắt chủ ghe chèo lên bót đầu cầu, cho lính kéo lên bờ bừa ra làm củi... Nhưng ở ven sông, dân vẫn cất giấu xuồng nhỏ trong xẻo, cửa gà, lấy lục bình phủ kín, khi cần dùng thì móc lên. Bà con ủng hộ cán bộ và du kích xã ba chiếc ghe có sức chở từ 5 tạ đến 15 tạ cùng một số xuồng ba lá để qua lại và chở hàng, lương thực, thực phẩm tiếp tế cho căn cứ du kích Bình Đa.

Sống hợp pháp tại xã, một số người làm nghề xe ngựa như anh Tư Dờ, ông Ba Thời... thỉnh thoảng mua gạo, thuốc... cho xã, quận và bộ đội. Gạo mua về để tại nhà, cán bộ phụ nữ và du kích lựa lúc không có giặc, về mang đi. Anh Tư Dờ vận động bà con trong xóm lập hũ gạo nuôi quân, ủng hộ tiền bạc cho kháng chiến. Nhà bà Năm Biết có lúc là nơi ta tổ chức xay lúa giã gạo mang sang Bình Đa.

Ngày 14 tháng 9 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với chính phủ Pháp bản Tạm ước, (bà con Nam Bộ quen gọi là thỏa hiệp án). Tại Biên Hòa, hội nghị miếu Bà Cô (Thiện Tân) giữa lực lượng kháng chiến và Pháp được tổ chức đã làm dư luận xôn xao vì Pháp phải ngồi nói chuyện với ta, tuy chúng mạnh hơn về vũ lực. Hưởng ứng Tạm ước ngày 4 - 9, một số thanh niên cù lao treo băng hoan nghênh thiện chí của chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và yêu cầu Pháp phải tôn trọng chữ ký. Anh Lê Văn Sâm treo băng này ở mũi tàu gần hăng dầu. Anh Năm Phi bị chúng bắn bị thương, anh em đưa vào nhà thương Biên Hòa chữa. (Sau vụ ta treo băng, Tư Du - thầy võ ở Vĩnh Thị ra đầu hàng, đóng cho quan một pactidăng) anh Ba Lễ bị lộ, đi thoát ly từ đây.

Năm kháng chiến đầu tiên trôi qua, thử thách khắc nghiệt bước đầu sàng lọc con người cù lao Phố. Hàng ngày máy bay, xe tăng đại bác giặc bắn phá ven nội ô, lính lùng sục bố ráp bắt bớ ráo riết. Một số ít không chịu đựng được khó khăn gian khổ hiểm nguy hoặc vì hoàn cảnh bó buộc, đã rời bỏ hàng ngũ. Có người chỉ lo làm ăn cũng có kẻ trở mặt theo địch chống lại nhân dân. Tiếng súng kháng chiến từ căn cứ Bình Đa bên kia sông vang vọng về thấp sáng niềm tin vào Cụ Hồ và chính phủ dân chủ cộng hòa. Đại bộ phận đồng bào sống dưới ách kềm kẹp của giặc nhưng lòng vẫn hướng về Cụ - biểu tượng sáng ngời của chính nghĩa độc lập, tự do.

Đồng chí Tám Nghệ (Huỳnh Văn Nghệ) là người có công lớn trong việc thống nhất các lực lượng vũ trang Biên Hòa. Hội nghị cù lao Vịt do đồng chí Nguyễn Đức Thuận chủ trì đã củng cố lại tình ủy Biên Hòa. Từ đó vai trò lãnh đạo của Đảng được khôi phục.

Tối 20 tháng 5 năm 1947, các đồng chí Nguyễn Văn Ký - bí thư tỉnh ủy, Trần Văn Lai - thường vụ tỉnh ủy, Mai Ngọc Khuê - cán bộ, triệu tập một cuộc họp tại một căn nhà ven rừng Bình Ý để thành lập quận ủy Châu Thành gồm : Ba Diêu (Phạm Văn Diêu tức Lê Lên) làm bí thư, Thêm (cán bộ Liên hiệp công đoàn tỉnh), Phạm Văn Bính (Hai Xính), Ngô Bá Cao, Tống Kim Quang (Nguyễn Việt Trai, Nguyễn Tạo), Bùi Trường Thăng, Đặng Văn Tuấn. Hai anh Ba Diêu và Thêm là đồng chí cũ, năm người sau được công nhận là đảng viên và đưa vào ban chấp hành quận ủy. Nhiệm vụ của quận ủy rất nặng nề : lãnh đạo công cuộc kháng chiến trong quận, có kế hoạch phát triển mạnh mẽ đảng viên ở các xã, củng cố bộ máy chính quyền cơ sở và các đoàn thể quần chúng... Đồng chí Tống Kim Quang là người đảng viên đầu tiên của xã Hiệp Hòa. Anh được lên công ở ủy ban kháng chiến hành chính quận Châu Thành. Hơn một tháng sau, anh Tư Đồng là người thứ nhì của xã được kết nạp Đảng, phụ trách ban công tác liên thôn 6 (sau này là khu 2 huyện Vĩnh Cửu).

Sau khi bộ đội ta gỡ bót Vĩnh Cửu, quãng đường 15 từ cầu Vạt tới Bến Gỗ nằm trong vùng độc lập. Mỗi lần hành quân tiếp tế, địch phải đi thành công voa có xe thiết giáp hộ tống. Một trong các chủ trương lớn của quận ủy Châu Thành lúc đó là lãnh đạo nhân dân các xã phá đường giao thông và đập mô cản xe cơ giới giặc. Cán bộ Hiệp Hòa về từng xóm tuyên truyền vận động và tổ chức huy động dân cù lao đi phá đường 15. Bà con sẵn sàng đi tham gia nhưng cán bộ xã phải trừ liệu sao để giữ bí mật, giặc không khủng bố đồng bào. Qua rỉ tai truyền nhau, tối tối từng tốp người với đầy đủ cuốc xẻng, chèo ghe xuống từ những bến nhà tư sang Bình Đa. Theo hướng dẫn của người phụ trách, các tốp dân công đào nát khúc đường từ cầu Ông Tửu tới gần Bến Gỗ.

Quê hương cù lao Phố trong tay giặc hình như không phải của mình nữa vì không còn độc lập tự do. Sang đây, mọi người mới thấy đây chính là đất mình. Thanh niên gái, trai tha hồ trò chuyện, hát hò, thăm hỏi cho bỏ những ngày bị giam lỏng. Vui nhất là những đêm phá đường có ánh trăng soi. Từng tốp hi hục đào cuốc làm đường 15 nham nhở biến dạng. Người ta thường bảo bền cứng lâu dài như bê tông cốt thép, thế mà với chiếc búa tạ và sức mạnh đôi tay, anh em thanh niên các xã trong đó có thanh niên Hiệp Hòa đã đập nát bê tông, làm lòi trơ bộ khung thép của cầu Ông Tửu và cầu Suối Chùa. Chừng quá nửa đêm, anh chị em Hiệp Hòa lại xuống xuồng ghe, lặng lẽ rời bến Bình Đa về cù lao Phố. Đó đây có tiếng chó sủa trong các ngõ xóm, rồi sự yên tĩnh trở lại. Một vài tiếng súng bót Thành Hưng nổ lác lõng. Chân trời phía đông rạng dần, gà gáy ran đón chào ngày mới.

Giữa năm 1947, ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ ra chỉ thị 4 - NV yêu cầu các địa phương mời đông đảo nhân sĩ, trí thức và các thợ giỏi trong thành ra bưng biển kháng chiến. Anh Ba Do tổ chức cuộc "bắt cóc" một số thầy cô giáo : Tạ Quang Trinh, Ngói, Nhan, Giếng và một số thợ : anh Ba Búp, Ba Mập, Ba (con ông Thường), Ba (con ông

Thanh ở Bình Tự) - số thợ về binh công xưởng để giặc không có cơ khủng bố các gia đình này. Thầy Trinh công tác tại ty giáo dục Biên Hòa lúc đó đóng ở chiến khu Đ¹⁰

Anh Tư Chờ (Lê Văn Chờ, Nguyễn Thành Long) làm công tác văn phòng xã lên thay anh Ba Tạo phụ trách ủy ban kháng chiến hành chính Hiệp Hòa. Anh Đán (Nguyễn Văn Thành) làm ủy viên quân sự thay anh Tư Đồng lên phụ trách liên thôn 6. Anh Mười Mạnh làm trưởng công an. Được thử thách qua công tác và chiến đấu, các anh được hai đồng chí Ba Tạo và Tư Đồng kết nạp vào Đảng một lượt tại rừng xóm Hóc (Bình Đa). Đồng chí bí thư quận ủy Châu Thành thay mặt cấp trên công nhận sự thành lập chi bộ Đảng xã Hiệp Hòa khoảng gần nửa cuối năm 1947 do đồng chí Ba Chờ làm bí thư¹¹

Ngày 22 tháng 9 năm 1947, địch càn căn cứ Bình Đa. Anh Hai Rựa (Lê Văn Rựa) thư ký công an quận Châu Thành, bị bắt gần bến đò Kho. Giặc đem về bót Bến Gỗ đánh anh đến chết.

Sáng chủ nhật 6 tháng 11 năm 1947 (4 tháng 10 ta) hai anh Đán và Mười Mạnh từ Bình Đa về các cơ sở Hiệp Hòa thu tiền nhân dân đóng góp ủng hộ kháng chiến. Trưa hôm đó, vừa làm xong nhiệm vụ, anh Đán mới ghé qua nhà chưa kịp chuyện trò và ăn cơm với gia đình thì do chỉ điểm báo bót Thành Hưng, Pháp đem quân bao vây nhà anh. Anh Mười Mạnh vùng chạy thì bị bắn ngã liền. Anh Đán biết tiếng Pháp, đứng nói chuyện với tên Pháp tại cửa. Được mấy câu, tên đó vừa quay đi, anh vọt chạy thì bọn bên ngoài nổ súng. Hai anh ngã xuống ngay trên mảnh đất quê hương.

Tháng 12 năm 1947, anh Sáu Đức thoát ly sang căn cứ Bình Đa. Tên Rầy dẫn Tây đưa xe camion về Bình Tự, chở sạch tài sản nhà anh.

Ông Tám Ni (Đỗ Văn Phú) tham gia thanh niên tiên phong hồi cách mạng tháng Tám 1945. Em ruột ông là anh Một Thi đi kháng chiến từ những ngày đầu, ông thường tiếp tế cho anh, đồng thời ủng hộ tiền, gạo cho cán bộ, du kích xã. Một buổi chiều đầu tháng chạp ta năm 1947, một toán lính vào bắt ông giữa lúc nhà đang chật mía ép đường. Mang về bót Thành Hưng, chúng tra tấn đánh đập ông rất dã man để hỏi mối quan hệ với kháng chiến. Ông không khai báo điều gì, chỉ ra sức chửi lại. Đêm 19 tháng 12 năm 1947 (8 tháng chạp âm lịch) ông trốn tù bị lộ, đánh lộn với Tây, bị giết bỏ trôi sông ba ngày sau mới tìm được xác.

Anh Chín Mai (Nguyễn Văn Mai) là nhân viên kinh tài của ban công tác liên thôn 6. Hồi 1 giờ trưa ngày 25 tháng 12 năm 1947 anh đi thu thuế tới dốc ông Từu (khu cư xá ngân hàng bây giờ), thì đụng một toán lính. Chúng rượt theo, anh chạy không may vấp bờ ruộng nên té ngã. Chúng dùng dây kẽm bó chặt anh như một khúc giò, chở về phòng nhì máy cưa khai thác. Ngày 27 - 12 chúng đem anh ra bờ rạch Cát (trạm bơm máy cưa) chặt đầu rồi thả xác trôi sông, mất tích.

Anh Hai Rây ở ấp Tân Mỹ gần bót giặc. Anh lân la làm quen với số lính bót để chúng không gây khó dễ cho bản thân và gia đình. Thấy những người tù bị đói khát khổ sở, thỉnh thoảng anh mua bánh mì, nước ngọt lén cho họ. Bọn lính định bắt, anh vọt qua Bình Đa làm nhân viên y tế huyện Vĩnh Cửu. Trong trận càn 21 tháng 7 năm 1948 (rằm tháng 6 ta), chúng bắt rồi bắn chết anh.

Anh Năm Quăn (Cao Văn Anh) được cử làm xã đội trưởng thay anh Đán. Một lần về xã công tác, anh đi một mình ngang nhà hội thì đụng mấy tên lính. Biết là du kích Việt Minh, chúng định bao vây bắt sống lính thường. Anh cố chạy và thoát và xóm mặc cho đạn bay "chúu chúu" bên tai.

Anh Hai Chơi (Trần Văn Chơi) làm liên lạc của ban công tác thành, thuộc cánh anh Tông Ngọ. Một bữa anh đang thả bò ở bãi cỏ Tân Giám, một người báo cho biết bọn Tây tìm bắt anh. Anh chạy qua Bình Đa, mới đầu xin vào đại đội Bàu Cá. Được một tuần lễ, xã đội Hiệp Hòa xin đơn vị cho anh về địa phương, làm tiểu đội phó du kích. Anh từng tham gia nhiều trận chống càn, bảo vệ căn cứ du kích Bình Đa.

Tại cầu cống, địch làm cống, 5 giờ sáng mở cho dân cù lao sang nội ô hoặc chợ Đồn, đến 6 giờ chiều lại đóng để bảo vệ cầu Gành và cầu rạch Cát. Cống do một hoặc hai tên lính đóng mở hàng ngày. Nghiên cứu kỹ quy luật hoạt động của bọn này, một sáng tinh mơ, các anh Hai Chơi (súng mót bó chiếu), Sáu Đức (có súng rulô), Tám Một (có cây cốn) vác mỗi người một bó tầm vòng già đi làm. Anh Hai Chơi gọi tên gác cống. Dân làng biết mặt 3 anh, đoán sắp có chuyện gì, bỏ về hết. Tên lính đeo cây mót ở vai phải, ra mở cống. Anh Sáu Đức rút rựa chém trúng báng súng. Tên lính

¹⁰ Trong trận càn ngày 15 tháng 1 năm 1949, ông bị bắt trong rừng, gần một bầy trâu, lúc đang bị bệnh kiệt sức không chạy được. Chúng hỏi: ông làm gì? Trả lời: bị Việt Minh bắt coi trâu. Chúng mang ông về nhà thương Biên Hòa chữa chạy hông khai thác dụ dỗ nhưng không đạt được mục đích. Tám ngày sau ông qua đời nhằm 13 tháng chạp âm lịch (23 - 1 - 1949). Thầy Trinh được công nhận là liệt sĩ.

¹¹ Bộ máy kháng chiến xã Hiệp Hòa gồm bí thư chi bộ kiêm chủ tịch: Lê Văn Chờ (Nguyễn Thành Long); hai phó chủ tịch: Bì Văn Lâu và Huỳnh Văn Liên sống hợp pháp ở cù lao; tổng thư ký: Nguyễn Văn Trọng (Nguyễn Thành Trận); ủy viên quân sự: Nguyễn Văn Đán (Nguyễn Hữu Thành); chủ nhiệm Việt Minh: Lê Văn Thạnh (Nguyễn Thành Đức); nông hội: Hai Hồ (Lê Văn Việt); hội trưởng phụ nữ: Nguyễn Thị Lại (vợ Sáu Bung); bí thư thanh niên cứu quốc: Trần Văn Biền (Bôn); xã đội trưởng: Năm Quăn (Cao Văn Anh) và hai xã đội phó: Trần Văn Lợi và Hồ Văn Thấy; thông tin tuyên truyền: Nguyễn Minh Dương (Hùng Giang); kinh tế tài chánh: Lê Văn Mạnh (khi anh Mạnh hy sinh, anh Hồ Văn Quyện tức Nguyễn Thành Ly thay làm thư ký UBKCHC kiêm tài chánh, anh Đinh Trung Hiệp (Đinh Trung Hiếu) phụ trách kinh tế và thuế vụ). Mỗi ấp có một kiểm soát viên hành chánh (trưởng ấp). Ấp 1 (Thành Hưng): Trương Bá Ngõa; ấp 2 (Tân Mỹ): Ngô Văn Nhiều; ấp 3 (Hưng Phú): Nguyễn Văn Quý (khi ông Quý bị Tây bắn thì Phạm Văn Nọn thay); ấp 4 (Tân Giám): Huỳnh Văn Sĩ; ấp 5 (Bình Tự): Võ Văn Ba; ấp 6 (Bình Xương): Trần Văn Luận; ấp 7 (Bình Hòa): Huỳnh Văn Tiếng; ấp 8 (Long Quới): Trịnh Văn Mạnh; ấp 9 (Hòa Quới): Hồ Văn Dừa; ấp 10 (Bình Quan): Phạm Văn Lùng; ấp 11 (Bình Kính): Lê Văn Khá.

hoàng quá, ngã khuỵu, anh Tám Một lầy cò cây côn nhưng đạn lép. Anh Sáu Đức giật cây mít mỹ của tên lính. Ba anh chạy vào đường xóm Bình Kính thoát thân.

Sau thất bại trong chiến dịch Clô-Clô (Việt Bắc) thu đông 1947, giặc Pháp tập trung lực lượng quay về bình định Nam Bộ. Chúng đẩy mạnh càn quét lần chiếm căn cứ du kích Hồ Cạn và Bình Đa ở ven nội ô Biên Hòa, lừa dân vào vùng chúng chiếm đóng. Tại các xã đã lập tề, chúng tăng cường đàn áp khủng bố hồng làm dân sợ, không dám tiếp xúc với cán bộ kháng chiến.

Do có dân làm tai mắt bảo vệ nên có khi địch càn bố ở Bình Xương, Bình Tự, Long Quới mà ở Bình Hòa, Bình Quan ta vẫn tổ chức họp được vào ban ngày. Dưới hình thức một đám giỗ, Mặt trận Liên Việt xã mở hội nghị tại nhà ông Nguyễn Văn Xê, khoảng ba chục người tham dự. Cán bộ ta vận động những người khá giả mua loại công phiếu 200 đồng. Nội dung hội nghị còn vài vấn đề khác nữa. Anh Sáu Trọn gác đường, Anh Ngọ - công an - có súng, gác ngay cổng nhà ông Xê. Bất chợt một viên đội (trung sĩ) xin vào gặp vợ y chút xíu có chuyện gấp. Anh Ngọ rút súng mời viên đội ở lại. Vừa lúc đó hội nghị kết thúc, cán bộ huyện và xã ra về theo đường Long Quới. Vì ông Ba Thời làm đổ bọ, ghe bên kia không qua đón, số cán bộ phải bơi về Bình Đa.

Sếp Nháy coi bót đầu cầu người Châu Phi không rõ tên thật là gì, có tật nháy mắt liên tục. Y nổi tiếng hung thần, hay tra tấn tù ban đêm. Con chó becgiê của y to như con bê, nghe nói mỗi ngày ăn hàng kí lô thịt bò tươi, hung dữ như chủ. Sếp Nháy đánh tù chán tay thì suýt chó cắn xé. Nhà dân ở gần bót, đêm nào cũng nghe tiếng người bị đòn la hét, chó becgiê của sếp Nháy gầm gừ. Hễ nghe súng nổ “đòm” một tiếng thì vài phút sau, từ phía bờ sông vang lên một tiếng “tôm”. Một người bị bắn chết ném xuống sông ! Có đêm vài người bị giết như vậy. Sông Đồng Nai nhiều “thằng trống” đến độ dân làng một đạo không dám xài nước sông.

Anh Trần Văn Phụng - nhân viên ban công tác thành - bị bắt. Sau khi tra khảo dã man, chúng bắn anh rồi vứt xác xuống sông. Anh Ba Dừa (Đình Quang Dừa) viết bài thơ đầy xúc động

BÊN BỜ SÔNG PHỐ

Bên bờ sông phố đón thầy anh

Em cố trông tìm, lệ ứa quanh

Đòn giặc đèn pha soi sáng quắc

Dòng sông nước lớn nổi lênh đênh

Anh ơi ! Anh chết vì sông núi

Có phải hồn thiêng đoái nghĩa tình

Trôi giạt bên này, em đón vớt

Đưa vào lòng đất nắm mồ anh

Thu 1948

Bót Vĩnh Cửu bị bộ đội và du kích nhỏ thì căn cứ Bình Đa trở thành mũi dao nhọn uy hiếp thọc sườn nội ô Biên Hòa. Hiệp Hòa là một trong các cửa khẩu tiếp tế cho kháng chiến do đó bót Thành Hưng ra sức kiểm soát ngăn chặn gắt gao. Dù rằng có giấy lếchê patxê (laissez passer), bà Năm Mập bán hàng rong vẫn bị xét quang gác. Thấy có năm ký thịt heo, địch bắt bà vô bót cho chó berger cắn xé. Sớm hôm sau bà con qua cầu rạch Cát còn thấy lênh láng máu và óc người trên ván cầu.

Chỉ trong vòng nửa tháng giặc xuống áp Long Quới bắt các anh Hai Xược và Kiệt về bót đánh đập dã man rồi mổ bụng vứt xác xuống sông mất tích. Sự tàn bạo của giặc càng làm lòng căm thù của nhân dân lên cao. Bà con không hề sợ, càng tích cực tham gia kháng chiến bằng mọi cách.

Các bà, các chị làm nhiệm vụ tiếp liệu rất giỏi. Chị Ba Kề nhiều lần mua cá khô, mắm và từng thùng dầu hỏa cho căn cứ Bình Đa. Bà giáo Chà, bà Hai Rây, bà Hai Sô là người bán vải ở chợ có môn bài bán cho ta khối lượng lớn không mấy khó khăn, không bị nghi ngờ. Các loại thuốc men (sulfamides, daginan, quinine, vitamin K, bông băng)... là thứ giặc cấm triệt để. Song các bà, các chị, các cô bồ già của lính... đều mang trót lọt qua các trạm gác của giặc. Bữa nào giặc xét ngặt thì các bà, các chị gửi lại ngang đường ở nhà quen, chờ lúc êm sẽ mang tiếp. Bà Năm Hơn khéo lợi dụng tình cảm xóm giềng và ơn nghĩa riêng, sử dụng cả vợ Hai Hồ - ác ôn (là bà Hai Việ) chuyển và cất giấu thuốc tây cho cách mạng. Tuy quy mô tiếp liệu nhỏ song đó thực sự là một trong những dòng sữa nuôi căn cứ Bình Đa.

Để khủng bố nhân dân, chúng xây một bức tường gạch ở Tân Giám cho lính bắn bia. Viên đạn nào không bị tường cản thì bay tuốt về phía Bình Tự, Bình Xương.

Có súng, có quyền tự do bắt bớ bắn giết dân thường thì lính bót cũng có quyền bắt ép chị em cù lao làm vợ, dù người phụ nữ có ưng hay không. Đội Kim, đội Trận, cai sếp Bi, cai sếp Bình... đã lấy vợ kiểu như thế.

Chị Năm Cánh từ khi chồng đi bộ đội, đã xin thoát ly sang căn cứ Bình Đa song anh em vận động chị về làm công tác thành, bán cá ở chợ Biên Hòa để nuôi má và sinh sống. Cán bộ ta yêu cầu chị nắm tin tức, tình hình địch kịp thời báo cáo sang căn cứ Bình Đa. Chị thỉnh thoảng gửi tiền, thuốc, giày dép... cho anh Bảy - anh chồng. Ba Chánh, nhân viên ty công an Biên Hòa, mê chị đẹp, theo riết. Có lẽ xã đã chỉ đạo thế nào đó mà vợ anh Bảy đất Ba Chánh về chơi nhà. Chị Năm sợ lỡ cán bộ ta và Ba Chánh đụng nhau tại đây thì tan nát xóm làng. Một lần anh Bảy và anh Sáu Đức về gặp, nói : em đồng ý giả vờ cưới để anh em mình về thủ tiêu chả, lấy súng. Chị càng sợ : mình là vợ bộ đội, làm

sao cưới giả vờ ? Các kỷ niệm thắm thiết xưa với người chồng thân thương vụt hiện lên. Mặt khác, còn bà con chòm xóm...

Lính bảo hoàng về đóng ở đình Bình Kính. Đội Du cũng đeo bám riết, có lần tên này mang cả súng và đồ vô nhà chị. Anh em ta động viên chị cứ nhận để anh em vào bắt y, lấy súng. Chị rất sợ, sợ đánh nhau thì chị, má chị, dân xóm không yên ổn mà làm ăn, sợ mang tai mang tiếng bà con chê cười. Thân con gái thời loạn trăm bề cực khổ.

Anh Tư Đồng về, khuyên nhủ chị nên hy sinh lấy Ba Chánh để làm công tác giao liên ở Biên Hòa, mặt khác tranh thủ lôi cuốn nó để moi tin địch cần bố, báo cho anh em biết mà phòng tránh hoặc đánh lại. Bấy giờ chị mới đồng ý nhận lời Ba Chánh. Chị nói với anh ta : anh em Việt Minh hay về đây, anh đừng làm gì có hại cho anh em, họ không tha đâu. Ba Chánh trả lời : anh bắt đắc dĩ phải làm cho Pháp chứ anh cũng có khuynh hướng muốn đi, anh không ám hại anh em Việt Minh đâu... Anh ta sửa cái lễ đến nhà ông Mười Mãn và có lời lẽ đàng hoàng, đúng tục lệ chung. Rồi hai người mượn nhà ở nội ô.

Mấy tháng sau, anh Tư Đồng viết thư cho chị Năm Cánh nhờ chuyển cho Ba Chánh. Anh này viết thư trả lời hẹn gặp anh Tư Đồng. Hai người trao đổi, trò chuyện khá lâu, tới mấy tiếng đồng hồ ở tại Bình Kính... Sau đó Ba Chánh lấy đạn, thuốc men, giấy poluya, tin địch hành quân... gửi ra cho anh Tư Đồng. Một số anh em bị tù, trong đó có anh Hai Trọng, được Ba Chánh lên cho thức ăn, nước uống.

Anh Bảy về nói với má chị : con Năm phản động, nó về đây là tôi nổ đó ! Má chị sợ, không cho chị về làng. Giữa lúc đó anh Tư Đồng viết thư móc chị về gặp. Ta cho một anh vào làm lao công ở ty công an Liên Bang Biên Hòa. Anh này chuyển thư cho Ba Chánh đặt kế hoạch lấy súng. Một đêm Ba Chánh và mấy công an trực, anh lao công vác mấy cây súng ra căn cứ Bình Đa.

Từ khi lấy chồng, chị Năm Cánh chỉ được mời họp và học tập đôi ba lần rồi thôi. Một số chị em ở cù lao như chị Ba Kề mua đồ tiếp tế cho anh em bên Bình Đa. Anh em né tránh không muốn gặp mặt chị Năm. Thế là chị dứt liên lạc với kháng chiến. Người anh chồng cũ đánh giá chị theo giặc, dân làng vừa sợ vừa khinh ghét. Lòng chị bao day dứt dày vò. Sao anh Tư Đồng không minh oan cho chị ? Lấy chồng chẳng hạnh phúc chút nào mà lại mất hết. Sau khi sinh con trai là Nguyễn Thành Trì, chị thôi Ba Chánh.

Thường thường năm ba ngày lính lại ruồng bố, xét từng xóm ấp để lùng bắt Việt Minh. Nhà ông Phạm Văn Năm ấp Bình Quan là một cơ sở tin cậy. Các anh Tư Đồng, Tư Răng (Hồ Văn Răng) và anh em du kích thường lui tới. 10 giờ sáng 1 tháng 11 - 1949 anh du kích Nguyễn Văn Học về nhà ông nhận gạo, thuốc. Anh là dân công tra sở Suối Chùa đi kháng chiến. Du kích hỏi đó thường mặc quần áo đen. Sáng hôm đó một tên Pháp cùng sáu tên pactidăng đi vào xóm, dân không phát hiện được. Chúng vào tới nơi, anh Học từ trong nhà vọt ra, nhào vào bụi giữa rậm rạp. Chúng xả đạn, anh hy sinh tại đó. Chúng đốt nhà ông Năm và bắt cô Phạm Thị Bảy là người có mặt, bỏ tù sáu tháng.

Anh Ba Ký (Nguyễn Văn Ký) phụ trách quốc gia tự vệ cuộc (sau ông Tư Bộ) ở xã Hiệp Hòa một thời gian ngắn, rồi lên phụ trách quốc gia tự vệ cuộc quận Châu Thành. Khi huyện Vĩnh Cửu thành lập (1948), anh là trưởng công an thị xã Biên Hòa. Lúc đó bộ phận công an thị xã đứng chân ở gần khu vực đò Kho. Anh Ba Ký thường ra vào nội ô làm nhiệm vụ và nổi tiếng gan dạ, xông xáo. Chiều tối 17 tháng 5 - 1949 (20 tháng 4 âm lịch), một ghe chở sáu anh công an từ bến đò Kho vượt sông sang Bình Tự. Bọn giặc điệp nấp được kế hoạch, báo cho Tây. Chúng đem quân phục kích ở bến anh em sẽ sang. Ghe sắp cập bờ, anh em ta lên đạn chuẩn bị chiến đấu. Địch nổ súng trước. Năm người bơi nhảy xuống sông lội về. Một anh không biết bơi đành nằm trên ghe chịu trận. Đồng chí Ba Ký quay lại dìu chiếc ghe trên có một đồng đội và sáu cây súng về bên kia sông. Địch bắn xối xả. Anh Ba Ký và anh Mười Nhon hy sinh.

Anh Năm Ri (Hùng Tiến, Nguyễn Văn Ca) coi kho cho sở đá Bửu Long. Thành thạo anh lấy trộm kíp mìn và thuốc nổ cho du kích. Tháng 3 năm 1949 anh lên đốt cháy một số phụ tùng máy móc trong kho vào ban đêm. Anh được cấp bằng khen của Nam Bộ (không nhớ cơ quan nào cấp)

Khoảng gần cuối năm 1949, tại nhà ông Ba Chiếu có cuộc họp gồm 7 cán bộ và cơ sở. Địch đến bất ngờ, lính bao chặt phía ngoài. Tên Pháp vào nhà. Anh Năm Ri ra xi xô vài câu, nói : các bạn tôi đang uống rượu, vui chơi. Anh hỏi nó : ông có đồng bè bạn không ? Có thích buời không ?... Tên Pháp gật gật và xi xô một tràng dài. Anh thấy một thúng buời cho nó. Ông Chủ mắt bình tĩnh chạy ra ; lính bắn theo không trúng. Anh Năm Ca nói với tên Pháp : ông về lấy giấy tờ... Nhờ bình tĩnh, ứng đối nhanh, anh bảo vệ an toàn cuộc họp... Sau đó anh được tặng bằng khen lần thứ hai.

Một đoàn cán bộ quân sự của trung ương và quân khu 7 về tỉnh Biên Hòa kiểm tra phong trào "thi đua yêu nước, giết giặc lập công". Đến căn cứ Bình Đa, đoàn ghé thăm cơ quan huyện Vĩnh Cửu và hai xã ly hương (Hiệp Hòa, Tân Vạn). Đoàn đã hỏi kỹ về các hoạt động trong vùng địch chiếm của hai xã. Nghe cán bộ Hiệp Hòa báo cáo tình hình địch - ta, nhất là nghe phong trào toàn dân bảo vệ an toàn cho cán bộ và du kích về công tác địa phương, đoàn muốn đi thực tế để mắt thấy tai nghe. Huyện chỉ đạo xã bảo vệ an toàn tuyệt đối cho đoàn. Các anh Sáu Đức và Bảy Hồ đưa đường, giới thiệu hệ thống bèo, bắt đầu từ cây me nhà ông Ba Thời. Trời sập tối, hiệu đèn chớp tắt ở xóm Bình Kính báo an toàn. Anh Đức Vẹo về đưa đoàn lên chùa Ông, vào chùa Chúc Thọ, ra chùa Đại Giác gặp anh Ba Nhỏ ở gốc me lớn. Đoàn cán bộ nhìn rõ một đoạn đường xe lửa cao và cầu rạch Cát rực sáng ánh đèn... Đoàn đã viết một bài trên tờ Tin Biên Hòa đề cập đến chuyến đi quan sát xã Hiệp Hòa. Huyện ủy Vĩnh Cửu được tặng cờ (Thi đua Ai quốc), đã khen xã Hiệp Hòa vì giới thiệu được tinh thần chịu đựng gian khổ hy sinh của cán bộ và nhân dân vùng tạm chiếm. Xã Hiệp Hòa được tặng thưởng cờ thi đua "Thành đồng Tổ quốc" của tỉnh.

Đại đức Thiện Trạch trụ trì ở am Gò Dầu đôi bị Tây đuổi không cho ở vì chúng nghi ông nuôi chứa Việt Minh. Ông phải qua ấp Vĩnh Thạnh (Bình Trước) nhờ tổng Chi (Đỗ Hữu Tín) bảo lãnh cho ở chùa Đại Phước. Tại đây, ông tiếp tục giúp đỡ kháng chiến.

Các vị sư trụ trì ở Hiệp Hòa đều đóng góp ủng hộ cách mạng, sẵn sàng che giấu cán bộ khi bị địch lùng bắt. Các thầy Thiện Minh và Huệ Chiếu thỉnh thoảng qua căn cứ Bình Đa dự các ngày lễ kỷ niệm. Rằm tháng bảy âm lịch Kỷ Sửu

(1949) chùa Đại Giác lập đàn chay (trai đàn) ba ngày đêm. Khi hạ đàn, thầy Thiện Minh mang ủng hộ toàn bộ số tiền cúng dường tam bảo hơn 10 ngàn Đông Dương (hơn 5 cây vàng) và anh em du kích về nhận hàng gánh quà bánh.

Thầy trụ trì chùa Phước Hội có công cứu chữa hai cán bộ Bảy Lan và Ba Chánh. Các anh về công tác ở ấp Bình Tự bị Tây bao bố bắn bị thương. Khi các anh lành vết thương, thầy trụ trì sợ bị tố giác, bỏ đi nơi khác.

Chi bộ Đảng xã Hiệp Hòa phát triển mạnh sau những tổn thất đầu tiên. Cán bộ và du kích thoát ly sang căn cứ Bình Đa biểu lộ tinh thần yêu nước dám hy sinh cho sự nghiệp độc lập dân tộc, lần lượt được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Chi bộ đánh giá những cô bác, anh chị sống trong vùng địch mà hăng hái công tác, tổ chức và phát triển cơ sở quần chúng đóng góp cho kháng chiến, bất chấp bất bớ tù đầy, giết chóc thì đó cũng là những người trung kiên xứng đáng đứng trong đội ngũ tiên phong.

Hiệp Hòa mở các lớp huấn luyện Nguyễn Hữu Thành (tháng 8 - 1948) và lớp Lê Văn Mạnh (tháng 11 - 1948) bồi dưỡng cho các cốt cán trung kiên những điều sơ giản về chủ nghĩa cộng sản, về cách mạng giải phóng dân tộc. Hai khóa huấn luyện này tạo điều kiện cho nhiều đối tượng lần lượt đứng trong hàng ngũ của Đảng : Lê Văn Nổi, Nguyễn Văn Dứt, Trần Văn Chơi, Cao Văn Thiệu, Nguyễn Thị Tâm, Nguyễn Hiếu Hạnh, Nguyễn Văn Miêng, Hồ Văn Răng, Hồ Văn Mạnh, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Bưởi, Lê Văn Ba, Trần Văn Lít, Trần Văn Xích, Ngô Thị Bảy, Nguyễn Thị Hoa, Trần Văn Đức, Ngô Thị Tiên, Nguyễn Thị Rích, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Nguyệt (Tư Cao), Nguyễn Thị Lai, Lê Thị Sáu, Huỳnh Văn Nhiều, Lê Thị Hồng, Nguyễn Văn Quới, Đinh Văn Trọng...

Chị Bảy Hoa khi học "Nhiệm vụ của đảng viên" và lời thề cử sợ không làm tròn nên từ chối miết. Các đảng viên được phân công giúp đỡ phải giải thích nhiều lần chị mới thông. Thủ tục kết nạp lúc đó đơn giản. Các đối tượng được mời sang rừng Bình Đa. Đồng chí Tư Đồng chủ trì nhiều lần kết nạp như vậy. Chị Tư Cao nhớ lại có lúc tổ chức một số buổi sinh hoạt Đảng cho các đồng chí sang trong vùng địch chiếm tại miếu hoặc lò gạch Bình Quan, du kích gác ngoài xa. Phần lớn các buổi sinh hoạt Đảng tiến hành tại rừng Bình Đa, kết hợp với các buổi hội nghị, học tập.

Số đảng viên mật đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục, vận động bà con đóng góp tiền bạc, lương thực thực phẩm. Ngoài ra các đồng chí còn tham gia rải truyền đơn, vận động đấu tranh phong lệnh giới nghiêm yêu cầu sếp bót phải mở cổng cầu cống cho chị em đi buôn bán sớm...

Chi bộ Hiệp Hòa chấp hành chủ trương của tỉnh và huyện, tích cực vận động bà con làm tốt công tác địch nguy vận (sau này gọi là binh vận). Bà Năm Hơn có em rể là đội Điền coi một trung đội tirayơ (tirailleur) ở gần trạm bơm máy cưa, anh này cũng quen Tư Đăng, Năm Đò. Được giáo dục, mỗi khi đội Điền mang lính đi bố cù lao đều ghé và các nhà này để thông báo, có lần bỏ lại cả túi đạn. Lính bắt dân cù lao, anh ta đều tha hết. Có đưa xấu mách Tây, nó kêu lên hỏi : sao mà nhiều bà con quá vậy ? Chắc cả Việt Minh cũng là bà của mày tuốt ! Rồi sếp Tây đổi anh đi Bến Tre.

Một tên Tây lai kêu là cậu Hai mê, theo riết chị Khôn, con nhà khá giả có học và biết tiếng Pháp. Chị nói với nó : làm con gái, ai cũng muốn có tám chồng đảng hoàng, điều đó không phải dễ, mà gặp người thất đức thì khổ sở cả đời và cả con cái sau này... Chị muốn người chồng của chị phải hiền lành, biết quý trọng nhân phẩm mọi người, không như hầu hết quan Pháp xưa lính giết người, cướp của, hãm hiếp phụ nữ... Chị sợ lấy, sẽ bị bà con nguyên rủa, sợ bị quả báo. Cậu Hai quá say mê chị Khôn, hứa sẽ không đụng đến dân Hiệp Hòa. Chị gợi ý : mỗi khi dẫn lính ra khỏi cầu cống, đi xuống hướng nào thì day mũi súng về hướng đó bắn một phát báo tin. Nó làm thế thật. Một bữa, chị Ba Kề vừa gánh đồ tiếp tế về nhà thì lính cậu Hai ập đến. Cậu Hai thấy thùng dầu lửa chưa khai, phàn nàn : chị Ba làm Việt Minh mà không cho nó biết. Chị hoảng hơn, chắc chết phen này. Nhưng nó lặng lẽ dẫn lính xuống vòm Ông Ân rồi về (sau này chị Khôn khéo léo làm mai cho y một chị khác nên y không đeo đuôi nữa).

Các ông vệ Hưng, vệ Hiểu, tổng Thi, Ba Hiệp rành tiếng Pháp, xin tha cho một số người bị bắt trong các lần bố ráp. Ông vệ Hưng còn mua thuốc tiếp tế cho ta.

Anh Sáu Nhơn (Lê Văn Nhơn) làm ở ty điện địa, lấy gửi ra căn cứ một bản đồ. Trong một trận càn địch bắt được tờ bản đồ và dò ra người lấy. May nhờ được sếp Tây che chở nên anh Sáu Nhơn không hề hấn gì.

Cán bộ ta nắm được hai nhân mới nội tuyến trong bót Thành Hưng là Hai Lô và Ba Chắc. Các anh thường lén lấy đạn gửi ra cho xã đội Hiệp Hòa. Sau này khi các anh Lợi và Xích bị bắn chết ở nhà bà Sáu Cảnh, chúng thu một súng rulo. Ngay hôm sau, anh Châm khéo lấy lại cây rulo và thêm một cây Cot.9 gửi Bảy Cường chuyển cho xã đội.

Anh Ba Do có người bạn thân là anh Trục (Phong), trung đội trưởng của tiểu đoàn 306. Một người lính đóng ở bót ga Biên Hòa là cơ sở của anh Phong. Khi anh Phong cho biết như vậy, anh Ba Do móc với anh Hai Tịch - đội trưởng công an xung phong thị xã Biên Hòa - rồi cho người mang thư của anh Phong gửi anh lính nội tuyến. Công an xung phong nhờ nội ứng nên hạ bót rất gọn. Sau vài loạt súng, những tên ngoan cố chống cự bị diệt hết, quân ta xông vào thu hết vũ khí, quân trang chuyển xuống ghe chờ sẵn ở rạch Trường Tàu. Anh Tư Chờ, bí thư chi bộ xã, tham gia trận này, được Tỉnh đoàn thanh niên cứu quốc tặng bằng khen và một khẩu súng.

Đầu năm 1950 anh Ba Chờ được điều lên phụ trách công tác thanh niên cứu quốc huyện Vĩnh Cửu, sau đó chuyển sang làm ủy viên xã hội của UBND huyện. Một buổi chiều tháng 8 năm 1950 anh về cù lao công tác thì bị bắt¹²

Cuối năm 1949, huyện đội Vĩnh Cửu lập trung đội Lê Hồng Phong là đơn vị du kích tập trung (nay gọi là bộ đội địa phương huyện) rút từ du kích các xã lên, trang bị khá. Anh Tám Một (Cao Văn Một) được cử làm trung đội trưởng. Năm 1950 trung đội Lê Hồng Phong được Khu điều đi tham gia chiến dịch Lê Hồng Phong mở trên đường 13. Anh chiến đấu rất dũng cảm không sợ hy sinh, được nhiều lần tuyên dương khen thưởng, nổi tiếng trong các đơn vị bộ đội Thủ Biên là anh hùng phá tháp canh. (Năm 1952 anh bị bệnh nặng kéo dài, đã về địa phương sinh sống và chữa bệnh).

¹² Anh bị giam tới năm 1953 thì bị bắt lính. Năm 1956 anh bỏ ngũ về làm ăn

Tháng 5 năm 1950, anh Trần Văn Thiên - chiến sĩ đặc công, hy sinh anh dũng trong trận đánh tua Ngãi Thắng trên đường 16.

Nhà gần bót giặc, ông Lê Văn Độ và bà Phạm Thị Xi sau khi không làm việc với Pháp, quay về làm mướn và buôn thúng bán bưng kiếm ăn lần hồi và tham gia kháng chiến. Ông Độ thỉnh thoảng đưa rước cán bộ đi lại hoạt động và làm giao liên cho xã. Bà Xi chuyển thư từ Tân Mỹ tới Bình Kinh và theo dõi tình hình lính địch để báo cho cán bộ ta. Tháng 7 - 1950 ông bà gửi người con trai thứ ba là anh Lê Văn Quý vào du kích xã. (Tháng 7 -1952 anh chuyển qua bộ đội Lam Sơn). Tiếp đó, ông bà lại cho anh Lê Văn Huệ tham gia bộ đội Lam Sơn tháng 9 - 1951.

Ông Năm Nai là trưởng công an khu 2 huyện Vĩnh Cửu được đồng chí Ba Thuận thông qua đồng chí Sáu Đại cử về Hiệp Hòa làm chủ tịch xã kiêm bí thư thay anh Tư Chờ (lên làm ủy viên UBKCHC huyện Vĩnh Cửu)¹³

Địch o ép, ruộng bỏ ngày càng găng hơn các năm trước. Có lúc chúng cần quy mô lớn, có lúc chỉ đi từng tiểu đội hoặc dăm tên, giờ giấc không nhất định. Có lúc chúng lụng sục sáng sớm, có lúc vào buổi trưa, có lúc vào chiều tối. Nắm rõ tình hình lực lượng, cán bộ du kích xã ít người, súng ống ít, đi và về chủ yếu dựa vào dân, địch đánh giá chúng làm chủ cù lao Phố. Chúng thấy lực lượng kháng chiến địa phương không có gì đáng sợ. Màng lưới nhân dân bị hạn chế tác dụng. Cán bộ ta phải đào một hầm bí mật để anh em về ở, công tác được an toàn tại vực rừng chồi Tân Mỹ. Các anh dặn cơ sở thật tin cậy: bà con đi chợ về, nếu không có Tây và lính thì nói chuyện to to làm hiệu, chúng tôi sẽ ra dân ăn cơm. Các anh còn đào một hầm ở bệ thờ miếu Bình Hòa. Một đêm ông Năm Nai nằm hầm nghe tiếng rì rầm ở góc miếu, anh nào tâm sự với bồ bịch. Sáng hôm sau ông hỏi người coi miếu. Ông này hỏi lại : thế anh không biết đêm qua Tây xuống phục ở đây cả đêm à?

Thỉnh thoảng cán bộ phụ nữ, xã đội, Mặt trận về tổ chức họp ở miếu Bình Hòa. Du kích bố trí bảo vệ hội nghị. Có lần anh Hai Chơi gài trái mìn ở ngã ba đường vô Gò Cát. Lúc khuya, ngựa của bà Bảy Chua đá vào dây, trái nổ làm chết con ngựa (có người lại nói là con ngựa của ông Ba Đất).

Anh Sáu Đức về cù lao công tác một lần gặp khó khăn, vào ở trong liêu chùa Đại Giác khoảng một tuần. Hòa thượng Thiện Điều đã nuôi giấu bảo vệ anh an toàn trong khi lính đi lại nườm nượp ngoài đường.

Để bảo vệ cán bộ, du kích về hoạt động, ta đẩy mạnh công tác trừ gian, diệt một số tên chỉ điểm ngầm trong xã. Con Hai cụt giò bị treo cổ trên cây gõ trường học. Con Tư cặp với lính đầu cầu, ông Trọ và đưa con nhỏ bị bắt đem đi. Một tên lính hăm hờ nhỏ cột cờ treo lá cờ đỏ sao vàng, mìn nổ làm tên này banh xác... Nhưng ông đội Bồng làm hương quần tính tình hiền lành, không làm hại ai, bị thủ tiêu oan trong một đợt diệt tề. Chi bộ Hiệp Hòa bị kỷ luật do một số sai lầm trong việc chỉ đạo diệt tề trừ gian¹⁴ này.

Anh Chín Giao (Hồ Văn Giao) lái xe cho công chánh. Trường ty điều anh lên phụ việc mở đường 14 đi Buôn Mê Thuột. Anh Năm Thường móc nối với anh, bày cách phá hoại khéo léo. Anh lên ngã ba Đồng Xoài, bắt liên lạc với anh Ngọc, cai lục lộ. Sáu Phòng và Năm Thanh, đóng vai bán quán. Một số lần chở gạo, anh lấy bột vài bao, thả xuống ngang đường cho anh em đơn vị 303 chờ sẵn. Sau đó, cơ sở ở đây bị bẻ, địch bắt tra tấn, có anh khai ra, chúng bắt hơn một chục người trong đó có anh Chín. Thừa lúc địch sơ hở, anh vọt xe chạy trốn.

Là lái xe giỏi, ít lâu sau anh lại được viên kỹ sư Pháp Tuydê cử lên làm đường. Ông ta viết sẵn một lá thư, anh gặp trở ngại gì cứ đưa ra sẽ vô sự. Bộ đội ta diệt bót Bù Đăng toàn lính Thượng, chỉ có một tên Pháp sếp bót. Xong trận đánh, anh em bộ đội yêu cầu anh Chín Giao dùng xe chở chiến lợi phẩm và các chiến sĩ về km 10. Xuống xe, anh em bày cho anh cách báo với giặc ở Đồng Xoài : Việt Minh đánh bót Bù Đăng, lính chết hết rồi ! Chúng hỏi : tại sao mà chờ Việt Minh ? Trả lời : họ chứa súng bắt phải chờ, tôi không dám chống. Chúng đem anh về Thuận Lợi rồi Thủ Dầu Một điều tra. Nhờ lá thư của Tuydê, anh không hề hấn gì.

Cuối năm 1950 ông Năm Nai bị bệnh gan vàng mắt, sức khỏe giảm sút nhiều, được cấp trên cho về địa phương sinh sống và chữa bệnh. Ông đi Sài Gòn làm ăn. Chi bộ và các đoàn thể của xã được chấn chỉnh: anh Sáu Đức làm bí thư, Ba Lễ trưởng công an, Hai Hỉ hội trưởng Liên Việt kiêm nông hội, Năm Quán xã đội trưởng, Nguyễn Văn Dương thông tin, Tám Hạnh phụ nữ, Huỳnh Văn Bốn thanh niên, Ba Ly thư ký ủy ban...

Đêm 2 tháng 2 năm 1951 (26 tháng chạp ta) các anh Hai Chơi, Sáu Đức, Tư Chờ, Đực Vẹo về phục kích ở đường mé sông ấp Tân Giám. Địch không đi. Gần sáng, các anh rút về hầm bí mật ở miếu Bình Hòa. Chợ nhớ ra cần mua mấy thứ trong đó có cá khô để mang qua Bình Đa ăn tết, anh Hai Chơi mướn xe đạp của cơ sở. Anh dựng một tốp lính ở nhà ông Bảy Quán (ngã ba Bình Hòa). Chúng hỏi giấy và lục soát. Túi áo anh có cuốn sổ cái và ít bạc Cự Hồ. Đội

¹³ Tổ chức của xã thay đổi: bí thư kiêm chủ tịch UBKCHC xã: Đinh Văn Bay ; phó bí thư kiêm ủy viên quân sự và chánh trị viên xã đội: Nguyễn Thành Đức ; ủy viên thường trực kiêm chủ tịch Liên Việt: Lê Dân Việt ; ủy viên tuyên huấn kiêm tài chính và tổng thư ký: Nguyễn Thành Ly ; ủy viên tổ chức kiêm xã đoàn trưởng TNCQ: Trần Văn Biên tức Bôn ; ủy viên kiểm tra kiêm ủy viên xã hội: Trần Khắc Minh ; ủy viên dự khuyết kiêm ủy viên thông tin tuyên truyền và trưởng ban thông tin xã: Lý Hùng Giang ; trưởng công an xã: Văn Ngộ và phó ban: Trần Văn Xích ; xã đội trưởng: Cao Văn Năm và xã đội phó: Hồ Văn Thấy và thư ký: Nguyễn Văn Tám ; hội phó Liên Việt: Nguyễn Phú Hộ và tổng thư ký: Lê Văn Hồng (Chín Nô) ; hội trưởng nông hội: Lê Thành Dân, hội phó: Nguyễn Văn Xê, thư ký: Lê Văn Nhuận ; hội trưởng phụ nữ cứu quốc: Nguyễn thị Lại, hội phó: Nguyễn Hiếu hạnh, thư ký: Nguyễn thị Nương, hội mẹ chiến sĩ: bà Nguyễn thị Nga ; xã đoàn phó TNCQ: Nguyễn Văn Miêng, thư ký: Hồ Văn Răng, ủy viên: chị Nguyễn Thị Bình, ủy viên: Hồ Văn Mạnh phụ trách thiếu nhi.

¹⁴ Thay đổi về tổ chức Đảng: bí thư: Nguyễn Thành Đức ; phó bí thư: Đinh Văn Bay ; ủy viên thường trực: Nguyễn Thành Li ; ủy viên tuyên huấn: Lê Dân Việt ; ủy viên kiểm tra: Trần Văn Bôn ; ủy viên tổ chức: Lý Hùng Giang.

Trận quen mặt anh, gật đầu một cái, lập tức chúng bắt anh luôn. (Trải qua mấy nhà tù, bị nhiều trận đòn, anh không khai báo gì, nên tháng 11 năm 1952 anh được tha).

Hai anh Lợi và Xích về Bình Quan công tác ngày 23 tháng 6 năm 1951 (19 tháng 5 ta). Buổi chiều, hai anh ghé nhà bà Sáu Cảnh (Đặng Thị Cảnh), bà làm bánh cho ăn. Một toán lính đi từ trong đồng ra ngang nhà, không ai thấy. Hai anh nói giỡn với cháu Thành bảy tuổi : mày về kêu ba mày xuống bắn tao ! Bọn lính nghe thấy, quay lại. Hai anh vừa rút súng ngắn trong người ra thì chúng bắn trước. Hai anh hy sinh, cháu Thành trúng đạn chết, bà Sáu Cảnh bị thương. Chúng vào nhà vợ vét hết tiền bạc đồ đạc rồi châm lửa đốt nhà. Chúng bắt hai cô Sáu Hứ, Tám Thôi về bót cho là vợ du kích, giam đến năm 1954 mới thả.

Có lần ta tổ chức một cuộc họp quân - dân - chính - Đảng tại nhà ông Ba Liễn, phó chủ tịch UBND xã ở ấp Bình Hòa. Các anh em du kích bảo vệ cuộc họp, bộ phận cảnh giới đặt ở cánh đồng trống trước nhà ông Mười Lịch. Hai em Đon lớn, Đon nhỏ gác giặc ở ngã ba trường học (trường Nam Hà bây giờ) dưới hình thức chơi đáo lố. Bất ngờ lính ập tới, hai em mưu trí giả cãi lầy rượt đánh nhau, chạy về báo động. Cuộc họp giải tán tức thì. Gần một chục cán bộ xã (Sáu Đức, Ba Nhỏ, Chín Xíu, bé Hồng, chị Định, chị Tám Hạnh, Tư Hiệp...) chạy xuống bến miễu Bến Gỗ định vượt qua sông. Ghe vừa tách bến thì lính tới sau lưng, bắn như mưa. Anh chị em bỏ ghe chạy lên phía Cù Dong. Không biết bơi, quynh quá, chị Tám Hạnh nhảy đại xuống rạch, uống một bụng nước. Anh Chín Xíu ngoái lại, thấy thế quay lại dìu chị vào bờ. Chị Tám Hạnh gắng chạy xuống Bình Xương. Anh Chín Xíu loay hoay tìm chỗ trốn, bị địch bắt (năm 1952 thì được tha). Cây mi Xten của anh em đánh rớt ở nơi ghe chìm được các chị Sửu và Hai Chơi vớt giùm, cất giữ.

Buổi chiều 23 tháng 10 - 1951 đứng từ bến đò Kho nhìn về miễu Bình Xương thấy có bọ, bốn người gồm : chị Tám Hạnh, anh Ba Nhơn, Mười và em Xuyên (ở Bình Tự) chèo xuống về cù lao công tác. Vừa đặt chân lên bờ, các anh chị bị địch bọc tới. Mạnh ai nấy chạy thoát thân. Chị Tám Hạnh chui vào một vườn mía um tùm rậm rạp, nằm ép mình sát đất. Mấy tên lính la : phụ nữ chạy ! phụ nữ chạy ! Chúng lục soát tới rìa đám mía. Chị nín thở, ước ao có phép lạ thu mình nhỏ xíu như con kiến thì hay biết mấy. Lục soát một hồi không thấy, chúng vào nhà dân bắt mở cả tủ, tưởng chị chui trong đó. Em Xuyên phóng xuống đám lục bình cách nơi chị nấp không xa. Lính nổ súng chĩa đạn rồi một tên la to : thằng nhóc chết rồi bay ơi ! Nó lồm bồm, lội xuống vớt túi tài liệu. Xám tối, anh Ba Nhơn và Mười đem ghe tới vớt xác em Xuyên chở qua Bình Đa chôn cất.

Sau khi tỉnh Thủ Biên thành lập, anh Ba Cựu (Nguyễn Văn Cựu) đang công tác ở ty công an tỉnh, được lệnh dẫn một đoàn vận tải từ chiến khu Đ đến Cà Mau mang tiền và lương thực về. Đoàn gồm 36 chiến sĩ và khoảng 300 dân quân, đi theo đường dây giao liên, mấy tháng mới tới địa điểm. Khi về, mỗi chiến sĩ đeo một thùng kem nhỏ hàn kín đựng gạo Đổng Dương. Một số dân quân đeo thùng chứa bạc Cự Hồ. Phần lớn tải gạo. Vượt qua hai sông Tiền và Hậu rất gay go nguy hiểm, người ta gọi đó là "sông bạc đầu", nhưng nhờ tổ chức tốt các bến nên đoàn đi về an toàn.

Tới địa phận tỉnh Chợ Lớn, một trong hai liên lạc dẫn đường của trạm đó là người theo phái Cao Đài Tây Ninh phản động, đem đồ đưa ngay tốp đi đầu vào ổ phục kích ở cánh đồng ven sở cao su Bời Lồi. Một anh dân quân bị bắt, chửi giặc, bị chúng bắn tại chỗ. Các tốp đi sau được bộ đội địa phương tới ứng cứu kịp thời đưa vào cơ sở cao su và bảo vệ tốt. Anh Ba Cựu và hai chiến sĩ vừa nổ súng phá vây. Vừa tìm đồng đội. Sáng ra, các anh thấy mình đang ở bia một làng Cao Đài. Gặp mấy bà mấy chị, các anh nói thật hoàn cảnh của mình và nhờ giúp dẫn đường ra khỏi vòng vây. Khi tập hợp toàn đoàn, kiểm tra lại, bên ta một đồng chí hy sinh, mất một thùng bạc Cự Hồ. Ta diệt 18 tên địch. Đoàn vận tải tiền và bạc về chiến khu Đ an toàn. Đây phải là một chiến công to lớn, giúp giải quyết khó khăn to lớn, về tài chính cho liên khu miền đông Nam Bộ. Cả đi lẫn về hết nửa năm.

Sáng sớm ngày 15 tháng 12 năm 1951 (17 tháng 11 ta) khu vực Bình Xương đầy sương mù, đứng cách nhau vài mét nhìn không rõ nhau. Anh Huỳnh Văn Bôn, bí thư đoàn thanh niên nghe tình hình có vẻ êm bèn đi ra nhà bà Bảy Mạnh. Bất ngờ anh đụng đầu một toán lính. Anh vùng chạy, chúng hò nhau rượt theo. Chúng bắt được anh, mang vào nhà ông Ba Rượu đánh đập hết sức dã man. Chúng bắt anh cắn một thanh tre ngang mồm rồi đánh mạnh thanh tre làm gãy hai hàm răng. Báng súng thì nhau đập lên đầu lên mặt... không chừa chỗ nào. Anh không khai một lời. Đánh chán tay, chúng đưa anh lên cổng bắn chết, vứt xác tại đó. Một số người làng không nhận ra anh, vì mặt hoàn toàn biến dạng. Ông Hai Hỉ xin phép bót, chôn cất anh tử tế.

Năm 1952 ven Biên Hòa chỉ còn căn cứ Bình Đa. Nhằm phá bỏ mối uy hiếp thường xuyên của kháng chiến đối với hậu cứ an toàn của chúng, giặc Pháp càng tăng cường càn quét, khủng bố khu vực này. Pháo bắn, máy bay ném bom, các toán biệt kích áo đen ngày đêm bất ngờ thọc vào, gây nhiều thiệt hại về người và của cho căn cứ du kích Bình Đa. Việc tiếp tế lương thực, thực phẩm rất khó khăn, giặc bao vây quyết hãm căn cứ vào cảnh đói. Về mặt thiên nhiên thì năm nay hạn nặng, không trồng tía được mấy. Các cơ quan của huyện Vĩnh Cửu đã rút lên chiến khu Đ từ hai năm trước, các đơn vị bộ đội chỉ thỉnh thoảng hành quân qua. Trụ bám căn cứ chỉ còn đội du kích xã Tam Hiệp cùng một số cán bộ xã đó. Một số dân chí cốt theo các cơ quan lên chiến khu Đ. Phần lớn dân vào nội ô và qua cù lao sống hợp pháp theo phương châm giữ gìn lực lượng, mai phục lâu dài, chờ thời cơ thuận lợi sẽ phối hợp trong đánh ra, ngoài đánh vào.

Theo chủ trương giản chính chung, cán bộ dân chính Đảng xã Hiệp Hòa và du kích tìm mọi cách móc nối về địa phương, lấy giấy của địch để làm ăn sinh sống. Mọi hoạt động của ta hầu như tạm lắng. Chỉ còn còn hai cán bộ thoát ly là bí thư và phó bí thư chi bộ xã. Qua bọn đầu hàng và tin tức cho một do một số người bị bắt khai báo, địch nắm chắc chủ trương chung và lực lượng ít ỏi của ta. Chúng đánh giá xã Hiệp Hòa đã được bình định xong, chúng tăng cường tổ chức mạng lưới chỉ điểm để dò xét, bắt nốt mấy người còn lại thì kẻ là sạch trơn Việt Minh. Thấy có giấy "létxê patxê" cấp cho dân tăng nhanh, địch đánh giá chủ quan là hàng ngũ Việt Minh tan rã do căn cứ Bình Đa bị chúng càn quét mạnh, chúng đã nhổ được mũi dao kề sát thị xã Biên Hòa. Ban hội tề xã Hiệp Hòa đều có quyền cấp giấy, từ xã trưởng Nguyễn Văn Giao, hương thân Nguyễn Văn Điền - bà con gọi là hương thân Thập vì chữ ký của ông là dấu + quẹt - đến quản tự đều ký được giấy.

Anh chị em cán bộ Hiệp Hòa về làm ăn sống hợp pháp bị bà con nghi ngờ nên sinh ra mặc cảm. Có bà con mạnh dạn hỏi : vì sao bọn bay bỏ kháng chiến, bỏ hết công lao xương máu bao năm ? ... Giữ kỷ luật và bí mật của tổ chức, anh chị em không dám để lộ chủ trương của Đảng, đành nín nhịn chịu đựng mọi lời eo xèo chỉ trích. Có người bị dồn ép quá, bật ra một số điều đã học tập cho người thân quen tốt biết, về sống hợp pháp có giấy tờ có điều kiện hoạt động vận động nhân dân vùng địch chiếm.

Công cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân ta là lò lửa thử thách tất cả những ai tham gia. Người có bản lĩnh, được giáo dục chu đáo, sẽ chịu đựng tất cả mọi khó khăn gian khổ, hy sinh. Người thiếu bản lĩnh, lập trường tư tưởng non yếu sẽ bị sàng lọc, bị đào thải. Ba Thấy một bữa về thăm nhà, bị địch bắt được. Anh ta khai hết những điều anh ta biết để khỏi bị tra tấn. Địch hốt hết các trạm gác bọ và người canh về bắt khai thác. Có người tức quá chỉ mặt Ba Thấy, nói với sếp Tây : chính nó bắt tôi phải canh gác, có động thì dẹp hết bọ treo đi, không làm sợ nó bịt mắt cho mò tôm, sao tôi dám cãi. Theo lệnh Tây, Ba Thấy tự tay treo bọ để đánh lừa cho anh em từ căn cứ Bình Đa về sẽ rơi vào ổ phục kích của địch. Nhưng nhờ tai mắt nhân dân nên ta không bị thiệt hại gì.

Đêm 12 tháng 12 - 1952 bọn chỉ điểm đến bao nhà, bắt anh Nguyễn Văn Quý kiểm sát viên hành chính áp 3 Hưng Phú - Địch tra tấn anh ngay tại nhà. Anh vùng bỏ chạy, chúng xả súng theo, làm chết thêm người em gái ở cùng nhà.

Đêm tháng 3 - 1952 ông Lê Văn Khá, kiểm sát viên hành chánh áp 11 Bình Kính vừa được kết nạp Đảng, đi quan hệ công tác ở ấp Long Quới. Khi về, ông cầm đuốc theo đúng quy định của bót Thành Hưng (đi đêm phải có đèn đuốc). Lọt vào ổ phục kích của địch, ông vừa trả lời liền bị bắn chết ngay vì địch biết ông là cha của anh Bảy Nổi.

Tháng 9 năm 1952 anh Cao Văn Thiêu (Nguyễn Văn Thọ) bị địch bắt được ở gần vàm Ông Án. Chúng đánh anh đến chết rồi đập xuống sông, mấy bữa sau xác mới nổi lên. Ba anh biết tin, xuống tròng dây vào tay, kéo vó bờ tính vớt lên chôn cất. Nhưng cùng lúc đó có người xuống báo tin lính đang đi ruồng gần tới. Mọi người bỏ chạy, xác anh trôi mất tích.

Từ ngày 18 tháng 10 năm 1952 tỉnh Biên Hòa bị lũ lụt lớn. Cù lao Phố hầu như bị ngập trong làn nước ngàu đục mênh mông nguồn nguồn chảy. Hai tua giặc gần bến đò Kho và bến đò An Hảo nhô lên khỏi mặt nước, lính trong tua kêu cứu àm ỉ. Bọn giặc không thiếu tàu ghe và phương tiện tối tân, nhưng trước thiên tai, chúng bỏ mặc dân, chỉ đi đón lính ở hai tua về nội ô Biên Hòa. Với tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân, các anh Sáu Đức và Ba Lễ lo tổ chức thanh niên trong xã mượn ghe cứu dân ở các nơi bị ngập lụt. Một cánh dùng ghe rước bà con Long Quới, Hòa Quới, Bình Quan lên khu gò cao sau chùa Đại Giác (cốt đất 3,6 mét). Một cánh chở dân Bình Tự, Bình Xương, Tân Giám lên Gò Cát. Các anh Tư Quới và Ba Bưng đi chở dân chạy lụt, lặn mò lúa cho bà con, được bà con cho hai chục gạo. Bà Năm Yên cho một khạp muối, hai anh đem chia cho số bà con nghèo. Tuy bà con bị hư hao mất mát nhiều lúa gạo, heo gà, nhà cửa nhưng đúng là "lửa thử vàng", mọi người thấy rõ người đảng viên biết "lo cái lo của thiên hạ". Đưa dân lên nơi cao ráo an toàn, các anh tìm nơi ngập nước để ngủ ban đêm, không thể mất cảnh giác được. Uy tín của cán bộ đảng viên vì vậy càng lên cao.

Anh Ba Dè (Châu Dè, Võ Hồng Châu) tham gia kháng chiến từ lứa tuổi thiếu niên. Vào ban văn nghệ tuyên truyền lưu động từ năm 1947 đến năm 1951, anh về đoàn vũ trang tuyên truyền số 2 thị xã Biên Hòa đứng chân ở Tam Hiệp. Tháng 3 năm 1953 đoàn đóng ở gần sở cao su ông tòa Tỉ, phía trong quán dân quân Tân Mai. Lúc này Ba Chánh - quê An Hảo - làm đoàn trưởng, anh Một Thi (Đỗ Văn Thi) làm đoàn phó.

Anh Ba Dè dẫn Ba Chánh ra gặp vợ là chị Năm Hòa từ cù lao qua. Chị này mang tiền, thuốc, thức ăn... ra căn cứ cho chồng. Rồi hai vợ chồng Ba Chánh lên chiến khu Đ họp với ban chỉ huy đội gồm các đồng chí Bùi Trọng Nghĩa, Trịnh Trọng Tráng, Hoàng Tam Kỳ. Khi về, Ba Chánh cử các anh Lực, Trọng và Ba Dè ban đêm đưa chị Năm Hòa qua rạch Cu Mên sang cù lao, cách tua đò Kho khoảng vài trăm mét, về gia đình.

Hai ngày sau, vào buổi trưa, Ba Chánh bảo anh Ba Dè : chùi sạch cây mi Xten, tối nay đi công tác. Ba Dè đề nghị cho thêm hai anh Lực, Trọng cùng đi. Ba Chánh gạt phắt : tao với mày hai người đi đủ rồi, đi đông bẽ cơ sở.

Hơn năm giờ chiều, trời sắp tắt nắng, anh Ba Dè cùng Ba Chánh từ căn cứ của đoàn băng tắt sở cao su (quãng gần sở Thương nghiệp Đồng Nai bây giờ), ra gần đường 15. Hai người dòm vào xóm Tân Mai thấy có bọ. Như vậy là an toàn, không có lính phục kích. Tới gần cầu Vạt (nay đổi là cầu Mương Sao), Ba Chánh bảo anh Ba Dè : mày đưa cây mi và trái lựu đạn cho tao, mày ra người không, phát hiện không có gì, bỏ vô kêu tao. Ra sát đường 15, quan sát chung quanh, anh Ba Dè chợt thấy lính ló nhỏ núp sau các lùm cây rậm rạp. Bọn lính như bầy thú dữ vồ mỗi túa ra. Ba Dè la to : Tây, anh Ba ! và tính chạy lui. Ba Chánh nói to : mày đứng lại đi ! Bọn lính xô lại ôm chặt và trói nguyền anh Ba Dè. Từ mé rừng. Ba Chánh đi ra tay không, theo sau là toán lính, một tên cầm cây mi Xten và trái lựu đạn. Chúng dẫn hai người ra cầu Vạt. Một xe Jeep từ phía máy cưa chạy xuống. Đội Tài gặp Ba Chánh, nói to át cả tiếng máy xe : anh Ba, đứng hèn heng ! Anh Ba Dè bàng hoàng quay lại hỏi : anh Ba, bộ anh đầu hàng sao ? Ba Chánh trả lời : thôi em cứ leo lên xe ngồi đảng hoàng, anh bảo đảm hết. Đội Tài hỏi : anh Ba, thắng này là thắng nào ? Trả lời : thắng này là Châu Dè thư ký của tôi, có dất nó mới đi được.

Về tới ty công an quốc gia gần bót Cây Tràm, đội Tài hỏi anh với anh Ba Chánh xếp đặt ra đây đầu hàng như thế nào ? Anh Ba Dè trả lời: anh Ba Chánh đầu hàng thế nào tôi không biết, tôi dẫn đường cho anh đi công tác bị phục kích bắt, tôi không đầu hàng. Nó lập biên bản, đọc lại cho nghe rồi bảo anh ký.

Đêm đó Ba Chánh dẫn lính về khu vực sở ông tòa Tỉ và Tây lế. Anh em đoàn vũ trang tuyên truyền số 2 thấy hai người đi công tác không về đúng thời gian quy định, đã cảnh giác rời căn cứ. Lính đánh vào lán của đội du kích Tam Hiệp kể bên làm một anh du kích bị thương nặng vào bụng đá, một tuần sau anh chết. Vợ anh Tư Điều - xã đội trưởng Tam Hiệp - vừa từ nội ô ra thăm chồng, bị đạn trúng chân vẫn chạy được.

Ba Chánh thực sự đầu hàng nhưng bọn địch chưa tin. Ách Hội dụ dỗ anh Ba Dè : Châu à, bọn bay ở trong đó sắp đặt ra đầu hàng thế nào ? Tao sẽ cho bay tiền, cứ nói thiệt đi ! Trả lời : tôi thành thật không hiểu anh Ba Chánh đầu hàng thế nào, tôi dẫn đường cho anh đi công tác bị các ông vây bắt vậy thôi. (Sau này suy nghĩ lại, anh tự trách mình khờ, không biết lợi dụng sự nghi ngờ của chúng để nó tấn cho Ba Chánh vài trận. Lúc đó còn trẻ, anh quá thật thà). Ách Hội yêu cầu ký giấy quy thuận (rallié) anh không chịu. Chúng giam anh ở căng Thủ.

Sau trận lụt, anh Sáu Đức về đào hầm bí mật ở bụi tre nhà ông Năm Diêu và một hầm khác ở gần bàn thờ bên trái miếu Bình Hòa. Ngày ngày anh ghé vào các công sở : Ba Liễn, Ba Trọng, Năm Quăn... ăn cơm. Tối đến, nếu trời tạnh ráo, anh chui vô ngủ ở một lùm cây giữa đồng.

Một bữa anh bị cầm, bảo chị Hai Đố mua cho ít thuốc uống, tối anh về lấy. Năm Non là người cùng xóm làm chỉ điểm ngầm báo cho bót Thành Hưng. Đến tối, khi anh Sáu Đức đang uống thuốc ở nhà chị Hai thì Tây và lính bao kín nhà. Một tên đập cửa. Cửa mở, bên ngoài trắng sáng mờ mờ, tên Pháp vào nhà bắt anh giờ tay xét người rồi xem giấy thông hành (laissez - passer). Thằng Tây sắp bỏ ra thì tên Cúc, xã đội trưởng An Hòa Hưng đầu hàng giặc, phát hiện được. Nó nói : anh Sáu Đức, về đầu hàng thôi, bọn tôi kiếm anh đã lâu, anh ra cho rồi. Anh trả lời : tôi tên Sanh, không phải Đức. Thằng Tây quay lại, nói tiếng Việt rất sôi : tao kiếm mày đã lâu, mày ra tao tha. Anh điếm mặt tên Cúc : mày từng ăn với tao một mâm, nằm một chiếu, bây giờ mày phản bắt tao. Thằng Tây đánh anh ngã chúi, sau đó sai lính trở lại mang về bót. Anh Châu Dè bị chúng bắt ra nhận mặt Sáu Đức. Nó hỏi: mày biết ai đây không ? Đứng từ xa, anh Châu trả lời : biết, đó là anh Sáu Đức cùng quê cù lao với tôi. Lính liền đưa ngay anh về phòng giam.

Ách Hội ra sức dụ dỗ anh đầu hàng. Anh nghĩ : đằng nào cũng chết, ở đây nó đánh đập tra tấn riết, đau đớn chịu không nổi ; thôi xí gạt dần nó về rồi chết ở quê hương sướng hơn. Anh nói với paren : tôi sẽ chỉ hầm cho các ông, ở đó có súng và tài liệu. Paren giao hẹn : nếu không lấy được súng và tài liệu bắt được Ba Lễ thì moi ruột mày luôn. Chúng trói tay anh bằng dây kẽm. Một tên đội và một tiểu đội lính chở anh bằng xe ô tô đến đầu xóm, rồi cả bọn dẫn bộ về Gò Cát lúc 2, 3 giờ khuya. Đi đường, anh Sáu Đức năn nỉ bọn lính : mấy anh làm ơn cứu tôi, tôi nói liệu chứ làm gì có súng và tài liệu. Một tên trả lời : tôi cứu anh rồi ai cứu tôi. Ngõ xóm hẹp, cây cối um tùm rậm rạp, trời tối thui. Anh Sáu quá rành từng thước đất xóm này. Tới gần nhà ông Tư Dương, anh vượt chạy vào bóng đêm. Bọn lính bắn theo loạn xạ, đạn bay vèo vèo trên đầu. Anh băng qua mấy mảnh vườn, thoát ra đồng, chui vào một đồng rơm lớn nằm nghỉ. Lại sức, anh bò qua Bình Quan, trốn trong bụi giữa nhà ông Năm Diểu. Rồi anh tìm cách móc nối với anh Tư Đồng, lên chiến khu Đ.

Bọn lính bắt chị Hai Đố với lý do chị nuôi chứa Việt Minh. Lúc này chị đã năm con. Mang về phòng nhà, chúng đánh chị từ tám giờ sáng tới chiều, chỉ xoáy vào hỏi : Sáu Đức đâu ? Ba Lễ về ở đâu ? hầm ở đâu ? súng và tài liệu cất giấu ở đâu ? trong xóm có những ai nuôi chúng nó ?... Ách Hội bảo chị : tôi đánh, người không có gì còn nhận là Việt Minh. Chị là người Hiệp Hòa chứa Việt Minh rành rành mà không nhận, gan thiệt. Tôi đưa chị ra tòa án binh ! Lúc chúng ngừng tay, chị đi không nổi. Thực ra chị biết không nhiều vì mấy ảnh về hoạt động giữ bí mật rất kỹ ; mặt khác là con gia đình cán bộ kháng chiến, chị có ý thức và quyết tâm thà chết không khai. Một số người quen ở cù lao nghe tin chị bị bắt đã tạm lánh đi nơi khác. Chị bị giam hai mươi mốt ngày rồi được tha vì không có bằng cứ gì.

Sáng 26 tháng 5 năm 1953, từ căn cứ du kích ở Bà Bao ngọn suối Linh, hai du kích xã Tam Hiệp vác súng đi săn. Bầy Kình đông thặng ra bót máy cưa đầu hàng, khai báo hết tình hình khu vực. Lúc này đội du kích Tam Hiệp chỉ còn năm người đóng cạnh đoàn vũ trang tuyên truyền số 2 thị xã Biên Hòa. Bầy Kình dẫn bọn biệt kích áo đen vô ban đêm. Chúng bắn anh Xan bị thương nhưng anh chạy thoát: Anh Một Thi (Đỗ Văn Thi) nằm trên võng bị thương nặng. Trông thấy tên Hoàng súng máy anh la lên : Hoàng, mày bắn tao sao ? Thằng này nói : anh Một, lờ rồi, tôi không muốn giết anh đâu, tôi muốn cứu anh mà không được, thôi tôi giúp anh một viên cho êm ! Nó kê súng vô mằng tang anh rồi bốp cò.

Một sáng tháng 7 năm 1953, hai anh Ba Lễ, Sáu Đức gặp nhau, cùng ăn cơm sáng tại nhà bà cả Giáo, bà ngoại chị Ba Chấn ấp Bình Xương. Hai người trao đổi vài câu ngắn ngủi. Sau đó với bộ đồ đen, đầu đội nón lá, anh Sáu Đức rời đám người đi cày thẳng đường lên chợ Mới. Một chiếc xe máy do Hai Huệ - thợ đồng không quân - chở sẵn ở cầu công, đón anh về Sài Gòn.

Anh Ba Lễ vừa vào nhà ông Ba Tồn, nói luôn : có hai “vợ chồng”, nó bỏ con nó đi rồi ! Ông Ba thấy làm lạ vì câu nói kì quặc : bay nói gì, tao không hiểu. Anh Ba Lễ giải thích : Sáu Đức đi hồi hôm rồi. Mấy người có mặt tại đó lặng đi, không ai nói một lời.

Cả cù lao Phổ hoang mang lo lắng, nhất là số cán bộ và du kích về sống hợp pháp. Các cơ sở và nhân dân đều biết anh Sáu Đức, nhiều người từng che chở, nuôi giấu anh. Ai cũng nơm nớp đón chờ một đợt bố ráp lớn, bất ngờ. Một số người tạm lánh đi nơi khác. Nhưng không có gì xảy ra, xóm làng vẫn yên ổn.

Trong khi tiếng tăm Sáu Đức rất nổi thì ít người biết anh Ba Lễ, trừ bà con thân thuộc và một số cơ sở. Anh Sáu Đức về thành ít người dám chứa Ba Lễ, họ ngán cái màn đầu hàng khai báo dẫn đến bắt bớ, tù đày “làm phước phải tội”. Anh và anh Ba Nhơn một thời gian phải nằm ở cây chuối lột vỏ ở giữa cánh đồng Thủy hoặc lùm mả bà Thiên ven rạch Mọi. Có lúc trèo lên cây dùm anh thấy lính dàn cánh đồng trước mặt. Chúng quyết bắt nốt người cán bộ cuối cùng của xã. Anh phải ăn bờ, ngủ bụi, lẩn tránh địch trong mùa mưa gió dầm dề.

Lúc đó đang mùa xuống đồng, bắt đầu vụ cày cấy. Bà con thương Ba Lễ nhưng không dám kêu, sợ sau này bị bắt anh khai, lên đặt bánh và xôi úp dưới nón lá để ở đầu bờ, lỗi anh thường qua lại. Nón đó bà con bỏ luôn. Anh ăn mà không hiểu ai cho càng thắm thía câu tục ngữ xưa “miếng khi đói bằng gói khi no”. Ông Hai Già ở Gò Cát treo gói cơm và mắm trên chạc cây bần ven rạch gần hai chục ngày liền mà anh cứ tưởng trẻ chăn trâu mang để đó. Một bữa anh gặp ông đi cày sớm. Ông cho thuốc hút rồi hỏi : người ta ra hết sao chú mày không ra ?... Sau ba lần nói chuyện, ông cho anh cục thuốc đủ hút mấy ngày liền. Vài bà con trong một thoáng gặp gỡ giữa đồng, bảo thẳng : mày về đi cho rồi. Nhưng anh vẫn chịu đựng gian khổ, kiên trì bám trụ quê hương. Bà con hiểu ra, càng thương yêu và bắt đầu dám chứa anh trong nhà. Một lần bà Sáu Hồ làm bánh đãi anh thì lính vào. Anh tránh đi. Thằng Tây hỏi : làm gì mà làm nhiều bánh

thế ? Bà trả lời tình bơ : tôi làm cúng “cô hồn các đảng” Bọn lính rút, bà sai con đi kêu “cô hồn các đảng” về ăn. Vào dịp mồng một, ngày rằm... bà con cho xôi, bánh, bỏng... ăn không hết.

Đồng chí Tư Đồng (Tư Đẳng, Nguyễn Văn Trừ) sau khi được phân công phụ trách khu 2 huyện Vĩnh Cửu (bao gồm các xã Hiệp Hòa, Tam Hiệp, Long Bình, Tân Hưng...) là huyện ủy viên từ đại hội đảng bộ huyện khóa 2. Đối với kẻ thù, anh rất bình tĩnh gan dạ. Nhiều lần về cù lao công tác, anh bị chúng rượt đuổi sau lưng, bắn theo xôi xả nhưng vẫn thoát hiểm. Đối với bà con cô bác : anh luôn luôn gặp gỡ chuyện trò, gây niềm tin tưởng vào công cuộc kháng chiến của chính phủ Cụ Hồ. Anh biết cách thuyết phục từng người đóng góp vào sự nghiệp chung của dân tộc. Anh được bà con Hiệp Hòa và các nơi anh từng ở thương mến. Chưa nghe ai chê trách anh về bất cứ điều gì. Đối với đồng chí, đồng đội, anh có thái độ ân cần triu mến, chia ngọt xẻ bùi. Một số đồng chí các đơn vị bộ đội Lê Thoa, Lam Sơn nay còn nhắc lại nhiều kỷ niệm sâu lắng đối với anh. Về cù lao, được gia đình tiếp tế lương thực thực phẩm, bánh trái, thuốc hút... anh đều chia sớt với bè bạn không giữ riêng cho mình chút gì. Căn cứ Bình Đa mất, việc qua sông càng khó khăn, tàu giặc tuần tra gắt hơn. Anh thường ôm trái bầu khô lội sông, trong trái bầu có ít gạo thuốc...

Tháng 9 năm 1953 anh từ chiến khu Đ về cù lao thu tiền bà con ủng hộ kháng chiến, đồng thời mua một số đồ cần thiết cho cơ quan. Con Trừ có họ với vợ anh, nói chuyện với Ba Chánh (An Hào) - hai người có quan hệ gì đó với nhau. Tên này báo cho Tây. Paren cho một toán biệt kích gài mìn, và nằm chờ gần gốc cây đổ, cách đường số 1 gần 100 mét ngang ga Long Lạc, trên đường dây lên chiến khu Đ. Tối 23 tháng 9 năm 1953 (16 tháng 8 ta) khi đoàn của anh đi ngang qua cây đổ, thì mìn nổ. Anh Tư Đồng hy sinh tại chỗ. Anh Bảy Lan - bí thư kiêm chủ tịch xã Tam Hiệp bị thương chạy thoát. Một anh liên lạc của huyện cũng bị thương, chạy được vào rừng vài ngày thì chết. Anh Đô - quân báo - bị bắt. Anh Lớn - công an - đầu hàng.

Ít lâu sau, Ba Chánh gặp anh Kiệm, trăng tráo khoe tội ác : thày mày tao giết rồi ! Anh Ba Lễ có lần bất ngờ gặp lính, suýt bị bắt. Anh chạy vào lớp học đặt trong miếu Bình Tự. Cô giáo Năm Trầu (Trần Thị Châu) đang dạy học thấy vậy chỉ cho anh chui vào nằm dưới bục giảng, nhờ vậy anh thoát hiểm. Cô giáo Châu có chị làm ở nhà thương Grall (Đồn Đất) Sài Gòn, đã nhờ chị lấy cho một số thuốc quý, hiếm. Ban đêm anh Ba Lễ về nhà cô Năm Trầu gõ cửa sau theo ám hiệu, nhận số thuốc. Cô giáo Nhung - con gái bà Năm Trầu - kể lại : hồi đó tôi mới hơn mười tuổi nhưng đến nay còn nhớ rõ, má tôi kể lại vài lần, vào những đêm tối thui, tôi nghe có tiếng gõ cửa. Má tôi ra mở nói chuyện xàm xì nho nhỏ với ai đó ở bên ngoài. Tôi hỏi, má tôi bảo cậu Ba mày về, không được cho ai biết heng. Tôi hỏi cậu Ba về làm chi ? Má tôi trả lời qua loa : cậu Ba đau, lấy ít thuốc... Mãi sau này khi tôi lớn, má tôi mới nói rõ hơn.

Cuối năm 1953 do nằm bờ ngũ bụi miết, anh Ba Lễ bị bệnh. Anh nằm ở đồng rơm nhà bà Năm Chùng, có lúc nằm chuồng trâu ít khi lính để ý nơi không sạch sẽ này. Em Ba (Lê Thị Chử) đun nước cho anh xông giải cảm, cũng thường mang cơm ra bụi cây cho anh. Chị Bảy rước một người Tàu mở tiệm thuốc bắc (tên là Lí Thọ) về bắt mạch, kê đơn cho anh. Ít bữa sau anh khỏe dần, lại tiếp tục công tác vận động xây dựng cơ sở. Đến nay anh thỉnh thoảng còn nhắc đến bà phán Hải thường dúm vào túi áo anh gói thuốc cảm, ve dầu gió với lời nói ân cần : con ráng uống thuốc mau mạnh công tác tốt. Ông Lí Thọ cũng là một cơ sở tiếp tế cho ta.

Anh lần hồi củng cố chi bộ Hiệp Hòa bằng cách móc nối gặp gỡ trao đổi với từng đồng chí đảng viên mật : Tư Nguyệt, Bảy Bê, Bảy Hoa... Sau thời kỳ tạm lắng, các đồng chí bắt tay vào việc gây dựng lại mạng lưới cơ sở. Quân chúng không còn hoang mang lo lắng như trước, tuy sự tàn bạo của kẻ thù không hề giảm.

Được nhân dân quê hương che chở, nuôi giấu, anh Ba Lễ rất thông cảm với anh Bảy Lan bám trụ đất giò gà Bình Đa. Bên đó không có dân, nằm cách bót vài trăm mét anh Bảy nhiều phen bị đói, ít gặp đồng chí và bè bạn. Khi có thức ăn, ban đêm anh Ba Lễ từ Bình Xương nháy quẹt làm hiệu. Nếu bên kia sông có tín hiệu trả lời, anh ôm trái bầu khô có chứa lương thực, bơi qua sông sang với bạn.

Anh Ba Lô (Bình Quan) đi lính pháo thủ (tirailleur) thành kèn thỉnh thoảng lấy đạn mang về nhà bà Lê Thị Biết (Bình Kính) chuyển cho cán bộ ta. Đầu năm 1954 đơn vị anh đi càn ở sông Bé. Một xe camion bị lật, viên sĩ quan chỉ huy và tên bắn đại liên gác ngoài, để rớt một cây Cờn 12. Anh Ba Lô nhặt khẩu súng, đút vào túi đét. Sau cuộc càn, về cù lao anh đưa khẩu Cờn cho anh Ba Lễ ở nhà ông Năm Khoai.

Anh Hai Tiên tham gia bộ đội từ những ngày đầu kháng chiến. Nhà anh ở ấp Thành Hưng, gần bót địch nên anh không thể về thăm lần nào. Ba má anh đôi lần tìm gặp trò chuyện. Năm 1950 anh được chuyển về đội đặc công mới thành lập - đội trưởng là đồng chí Hai Gà. Năm 1951 anh về hoạt động ở vùng Thủ Đức. Là người có tính nguyên tắc rất cao, sống trong vùng địch chiếm, anh hòa mình với nhân dân có ý thức bảo mật, nên được bà con mến. Chị Thống cán bộ phụ nữ xã hứa hôn với anh, cả hai hẹn ngày chiến thắng sẽ làm đám cưới. Niềm vui riêng hòa với vui chung của đất nước mới thật trọn vẹn. Trong thời gian đó, anh điều khiển đánh mìn cầu Bình Lợi.

Trên phạm vi cả nước, từ đông xuân 1953 - 1954 thực dân Pháp liên tiếp thất bại trên các chiến trường Tây Nguyên, Thượng Lào rồi Điện Biên Phủ. Hội nghị Giơnevơ nhóm họp. Rồi hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954, đem niềm vui đến cho mọi nhà.

Cấp trên điện về cho anh Hai Tiên gỡ trái mìn gài ở cầu Bình Lợi.

Trải qua chín năm kháng chiến, nhân dân cù lao Phổ biểu lộ lòng yêu nước, tin tưởng vào cách mạng, vào chính phủ Cụ Hồ bằng nhiều hành động cụ thể. Càn quét bắt bớ, tù đầy tra tấn bắn giết của giặc chỉ làm dân càng căm thù chúng. Nhiều người con ưu tú đất cù lao đã ngã xuống với niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng. Chi bộ Hiệp Hòa vượt qua nhiều thử thách to lớn, được sàng lọc, luôn luôn gắn bó với dân, là linh hồn của cuộc đấu tranh cách mạng tại địa phương.

Lịch sử đất nước và lịch sử cù lao Phổ chuyển sang một trang mới.

PHẦN THỨ BA

XÃ HIỆP HÒA NHỮNG NĂM CHÓNG MỸ

Hiệp định Giơnevơ tháng 7 năm 1954 lập lại hòa bình trên đất nước ta là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Miền bắc hoàn toàn giải phóng bước vào thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Miền Nam trên danh nghĩa thuộc quyền quản lý của phía quân đội liên hiệp Pháp. Ngô Đình Diệm được nuôi dưỡng, đào tạo nhiều năm ở Hoa Kỳ được đưa về làm thủ tướng "chính phủ quốc gia". Dưới sự chỉ đạo trực tiếp chặt chẽ của cố vấn Mỹ, để tập trung mọi quyền lực trong tay, ông ta một mặt dùng tiền bạc mua chuộc, một mặt dùng quân đội tiêu diệt các phe phái Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo muôn cát cứ xưng hùng xưng bá một cõi. Nhằm tạo hậu thuẫn vững chắc cho Diệm, đế quốc Mỹ vạch kế hoạch, bỏ nhiều tiền của và phương tiện để tổ chức dụ dỗ, cưỡng ép di cư vào nam gần một triệu đồng bào miền bắc - phần lớn là tín đồ đạo Thiên Chúa, định cư họ tại những địa điểm chiến lược hòng sử dụng họ chống lại cách mạng.

Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 6 họp từ ngày 15 đến 18 tháng 7 năm 1954 khẳng định đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân ta.

Sau hiệp định Giơnevơ, các anh : Tư Quới, Châu Dè, Hai Tịch, Hai Hỉ, Ba Nhơn, chị Mưa (vợ anh Bảy Hồng)... bị bắt trong kháng chiến lần lượt được tha về sống với gia đình.

Một số bà con cù lao móc nổi tìm đường lên chiến khu Đ và ra Hàm Tân - Xuyên Mộc gặp gỡ tiễn đưa người thân đi tập kết. Đứơc Phụng, Hai Tinh, Hai Sen, Ba Do, Ba Kịch, Tư Vân, Tư Quá, Trương, Hòa, Quang (Đô), Bảy Nổi, Hai Tiên, Hồ Cảnh Tiên, Hai Thức... Trước lúc chia tay, mọi người động viên nhau theo tinh thần khẩu hiệu : ra đi vĩ đại, ở lại quang vinh. Cuộc chia ly nào cũng đượm nỗi buồn sâu lắng. Dẫu được học tập kỹ để tin tưởng hai năm sẽ gặp lại, mà kẻ ở người đi nước mất vẫn dâng tràn.

Sáng ngày 11 tháng 8 năm 1954, lệnh ngừng bắn có hiệu lực lên toàn Nam Bộ. Các anh Chín Xíu, Tám Sừu, Mười Thạnh... tự động tổ chức cuộc mít tinh chớp nhoáng tại bãi đất nền chợ cũ, ở nền chợ cũ cạnh nhà hội của xã. Dựa vào báo chí công khai, các anh nêu bật thắng lợi của cách mạng : nhờ sự đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ Tịch mà hòa bình đã trở lại. Số người tham dự không đông song cuộc mít tinh này biểu hiện niềm tin của nhân dân cù lao đối với Đảng.

Đồng chí Hai Bình - bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu - và Năm Hùng - phó bí thư - về Hiệp Hòa cùng cố lại chi bộ xã. Anh Ba Lễ làm bí thư chi bộ, Tư Quới - phó bí thư, các anh chị Bảy Bê, Tám Bông, Tư Đời, Tư Nguyệt, Bảy Hoa là các chi ủy viên. Chi bộ gồm nhiều tổ đảng ở các ấp do các chi ủy viên phụ trách. Chị Tư Nguyệt vận động cảnh sát Ba Lon (Cao Văn Lon) đánh máy bản hiệp định Giơnevơ và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 7 - 1954 để cán bộ, đảng viên học tập tinh hình mới, nhiệm vụ mới, bước đầu hiểu thắng lợi của cách mạng, tin tưởng vào chủ trương và đường lối đấu tranh mới của Đảng. Qua đó, từng người nhận thức rằng đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ.

Đêm 5 tháng 12 - 1954 (11 tháng 11 âm lịch), anh Ba Lễ ở nhà cơ sở là chị Dung tại Xóm Chùa ấp Bình Tự. Một tốp tự vệ hương thôn vào nhà xét giấy. Anh Đồi - tiểu đội trưởng - biết anh Ba Lễ, có cảm tình với cách mạng, đã day bó đuốc qua phía khác để tốp tự vệ hương thôn không nhìn rõ mặt anh. Đội trưởng Hai Lợi chưa biết mặt anh, chỉ nghe tên, nay cầm giấy thấy ghi là Lê Văn Sở tự Ba Lễ, nơi cấp Thủ Đức, lòng ngờ ngờ bèn thu giấy giữ luôn, hẹn sớm mai lên xã sẽ trả lại. Khi tốp này sang xét nhà kế bên, anh Ba vọt luôn vào bóng đêm. Một lát sau, Hai Lợi và số này quay lại bao vây đám mía gần nhà, không thấy gì. Giấy của anh được gỡ lên ty công an Biên Hòa. Tám ảnh trong giấy là tám duy nhất địch lấy được, sau này chúng in ra gửi đi nhiều nơi, treo giải rất lớn cho ai phát hiện, bắt giữ hoặc sát hại được anh.

Chi bộ Hiệp Hòa nắm khá chặt ban hương chức hội đồng xã gồm chủ tịch hội đồng Năm Thành, xã trưởng Năm Tự, cảnh sát Ba Lon... và ông tổng Thi - một nhân sĩ tham gia phong trào bảo vệ hòa bình của luật sư Nguyễn Hữu Thọ ở Sài Gòn. Vì vậy chi bộ có một chủ trương táo bạo : tổ chức mừng Tết hòa bình đầu tiên 1955 thật rầm rộ. Anh Ba Lễ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của huyện ủy. Đồng chí Hai Bình yêu cầu chi bộ cân nhắc kỹ kế hoạch hành động. Chi bộ bàn bạc phân công tỷ mỉ từng tổ đảng, từng đảng viên vận động cơ sở ráo riết chuẩn bị. Ông Sáu Sánh ở trường bá nghệ được đặt làm một đầu lân uy nghi, đẹp đẽ. Anh em không có tiền trả để lấy hàng, ông không đòi mà còn tặng thêm cái đuôi vải - Các ông Năm Lương, Sáu Xẩn cũng làm đầu lân và một con rồng vải dài gần chục mét...

Chiều 30 Tết (23-1-1955) đông đảo nhân dân các ấp ăn mặc đẹp đẽ đi theo hàng ngũ sau các cộ đèn tiến về tập trung ở sân bóng (nay là trường PTTH Nam Hà). Rồi các đoàn tiến ra đứng chật khúc đường trước cửa nhà hội. Ông Ba Lon lên nói mấy lời khai mạc chào mừng Tết hòa bình đầu tiên. Một số đại biểu như ông tổng Thi, ông Bảy Mít... nói lên niềm vui mừng chiến tranh chấm dứt, mong mỗi hai năm nữa tổng tuyển cử thống nhất đất nước thì niềm vui của mọi nhà càng trọn vẹn. Hàng trăm ngọn đuốc và lồng đèn thấp sáng cả khu vực mít tinh. Rồi con rồng lửa bắt đầu chuyển mình. Mỗi ấp có một cộ đèn. Có cộ đèn với con chim hòa bình xòe cánh chờ che trái đất màu xanh. Có cộ đèn là con thuyền lớn với một số chị em ăn mặc theo kiểu bắc, trung, nam tượng trưng cho đất nước thống nhất. Có chiếc xe chở anh chị em đóng giả các dân tộc năm châu đoàn kết đấu tranh gìn giữ hòa bình. Một cộ đèn khác đặt con voi nan, cô Chi - con ông Bảy Chà - đóng vai Trưng Trắc, cô Hà - con ông Tạo - mang gương làm Trưng Nhị. Một thanh niên thủ vai Quang Trung đội mũ, mặc áo bào cưỡi con ngựa thiết, anh Ba Đát giữ chân dắt ngựa. Tham gia đoàn diễu hành còn có một số lính và tự vệ hương thôn. Cuộc tuần hành từ nhà hội đến cầu cống vòng đường quốc lộ 1 đến đầu cầu rạch Cát, xuống dốc trở về ngã tư chợ, diễn ra rất trật tự, sau đó đoàn của ấp nào quay về ấp nấy. Hàng chục ngàn người trong xã và một số bà con từ Bửu Hòa, Hóa An, Phước Lư, Vĩnh Thị qua coi càng làm tăng không khí nao nức tưng bừng. Nhóm văn nghệ của anh Châu Dè đờn ca tại chợ Mới tới khuya. Sáng hôm sau mừng một Tết tiếp tục có cuộc đua thuyền trên sông Đồng Nai, đông đảo bà con đứng dọc hai bờ sông hoan hô cổ vũ. Ba đội lân đi chúc Tết khắp 11 ấp.

Cuộc diễu hành rước cộ đèn mừng Tết hòa bình đầu tiên 1955 với khí thế sôi động là một cuộc biểu dương sức mạnh đoàn kết của nhân dân cù lao Phố chưa từng có. Sự kiện này tác động mạnh mẽ tư tưởng, tình cảm bà con, khơi gợi tinh thần yêu nước và lòng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Ít lâu sau, Nguyễn Văn Là - một quan chức cảnh sát - tổ chức cuộc vui xuân ở sân nhà ông Sáu Đào (Đào Văn Luông). Ông ta giết bò, heo, mở rượu tây và la ve, đón ban nhạc tây về... với ý đồ mua chuộc lòng dân, tranh ảnh hưởng với cách mạng. Các bộ lão được mời ngồi bàn trên thịnh soạn ; dân thường ngồi dưới. Mấy ông già xuống ngồi dưới, cùng trò chuyện với mọi người một chút rồi bỏ ra về sớm.

Các chị Bảy Bê, Tư Nguyệt là những đảng viên đầu tiên thời kỳ 1955 - 1956 trong xã đào hầm bí mật chuẩn bị đón cán bộ cấp trên về. Huyện ủy Vĩnh Cửu cũng như tỉnh ủy Biên Hòa nhận thấy cù lao Phố là địa bàn sát nội ô, nếu cơ quan chỉ đạo đứng chân tại đây thì có thể kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh đô thị. Dân ở đây rất tốt, cuộc biểu dương lực lượng mừng xuân hòa bình là một chứng minh cụ thể. Nhiều cán bộ thường xuyên lui tới , có đồng chí ở khá lâu. Đồng chí Ba Khai ở nhà cô giáo Năm Trầu, Hai Đính ở nhà anh Tăng Lục, Hai Nam ở nhà chị Bảy Bê... Chị Tư Minh - cán bộ huyện Xuân Lộc, là em chồng bà Tư Kiệt (Lâm Thị Mạnh) - về vận động chị dâu cho đồng chí Ngô Tiến về ở. Ít bữa sau, căn nhà tranh nhỏ bé của bà ở ấp Thành Hưng cách bốt chỉ vài trăm mét, lính qua lại rậm rạp trước nhà suốt ngày, đón nhận thêm các anh Quí, Tư Học, Năm Chiếu, Sáu Thiên. Nhà rất chật chội, khi chị Ngô Tiến xuống cùng chồng, bà Tư Kiệt mượn một căn nhà ngói kế bên cho anh chị.

Bà Tư sáng đi bán cháo lòng tại chợ Mớ, chiều về gởi nem chua bỏ mỗi cho bạn hàng. Hai con gái bà là em Thừng Lớn (Nguyễn Thị Hoa) và em Thừng nhỏ (Nguyễn Thị Sinh) bán chuối, nem, mía ghim ở hai đầu cầu, nơi xe cộ qua lại dừng tránh nhau theo sự điều khiển của lính gác cầu. Việc ăn ở của anh em hoàn toàn nhờ bà. Sáng sáng các anh đi công tác, chiều tối lại về. Anh Sáu Thiên bị bệnh, bà mua thuốc cho uống. Anh Quí ốm nặng, bà bỏ tiền đưa đi nhà thương tư ở Chợ Lớn chữa trị.

Bà Năm Quắc (Nguyễn Thị Quắc) ở Bình Tự, gần bến đò Kho, là cơ sở của các anh Ba Lễ, Bảy Khọn, Tư Cường... Các anh thường hội họp tại đây, viết biểu ngữ, in truyền đơn bằng bột ở trong buồng. Một lần anh Bảy Khọn đang ở trong buồng, lính đi tuần chợt kéo vào nhà. Bà vội bảo anh buồng mừng năm. Rồi bà ra bẻ trái cây cho lính ăn và nói chuyện với chúng. Một lát sau lính ra về, bà ra xem chừng để anh Bảy Khọn rút đi nơi khác.

Cán bộ huyện Vĩnh Cửu về cù lao khá đông : Hai Bính, Quảng, Chín Tỏ, Năm Hùng, Ba Chánh, Hồng Dương, Tư Cường, Ba Xước, Tư Minh... và các giao liên Út Mạnh, Chử, Sáu Tốt, Ba Lợi, Năm Đốc, Hợp, Chín Đạt... số gia đình nuôi chứa các loại cán bộ lên tới trên năm chục nhà. Văn phòng huyện ủy Vĩnh Cửu đặt ở nhà anh Ba Li gần một năm, sau bị bọn thám báo rà soát nên dời qua xã Bửu Hòa.

Công an, cảnh sát địch thấy cù lao là nơi nhiều cán bộ lui tới. Chúng cho một số tên do thám đội lốt mua ve chai xục xạo từng góc ngách xóm, ấp. Bọn này thường đi thành cặp, một đưa đi trước, một đi sau. Anh Hai Lục - nguyên huyện đội trưởng Vĩnh Cửu - đang ở Bình Tự, bàn cùng anh Ba Lễ : có diệt bọn này thì mình mới yên. Sau Tết 1955, một buổi sáng anh Ba Lễ đang dùng dao phát gọn hàng rào cây thì tên giả dạng mua ve chai tới. Miệng nó hỏi mua đồ phế thải mà con mắt thì lảo liên soi mói. Ngô xóm vắng vẻ. Anh bảo tên đó đi trước. Được một quãng ngắn, anh vung dao chém vào cổ, tên này gục xuống ở đoạn đường giữa nhà bà Hai Cũ và chị Hai Ấu. Anh Hai Lục rất khỏe, vác cái thây ném xuống sông chìm lìm. Dân Bình Tự rất tốt, một số người trông thấy đã giữ bí mật và xóa sạch các vết máu trên đường. Đây là vụ diệt ác sớm nhất cù lao thời chống Mỹ. Từ đó, ít thấy bọn do thám léo hánh tới đây.

Áp Bình Tự có con ông Tư Bán là chỉ điểm ngầm. Một số cán bộ thị xã tìm cách dụ y qua hóc ông Che (Hóa An) diệt rồi ném xác xuống giếng mất tích.

Khoảng tháng 3 năm 1955 anh Ba Lễ được điều qua phụ trách mấy xã hữu ngạn sông Đồng Nai như Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An... một thời gian ngắn rồi về công tác tại thị xã Biên Hòa. Anh Tư Quới được cử làm bí thư, chị Bảy Hoa phó bí thư... Chi bộ Hiệp Hòa chia ra chín tổ đảng. Mỗi ấp Tân Mỹ, Bình Hòa có hai tổ, mỗi tổ ba đảng viên ; mỗi ấp Hưng Phú, Bình Kính, Hòa Quới có một tổ với ba đảng viên ; hai ấp Bình Tự và Long Quới chỉ có đảng viên lẻ. Chi đoàn thanh niên được xây dựng, củng cố gồm : Ba Ngo, Tư Hiệp, Thử, Ba Sơn, Hai Cân, Tài, Giúp, Tư này, Sáu Mắm, Hòa và các cô Tí, Ba Gạo, Hai Bê, Sử, Gheo...

Diện cự tuyệt hiệp thương, bác bỏ tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Các khẩu hiệu chống hiệp định Giơnevơ và chống cộng sản dán la liệt khắp xã Hiệp Hòa thường bị bà con ta lén xé bỏ. Tháng 7 năm 1955, tại trường nam tiểu học Biên Hòa (trường PTCS Nguyễn Du bây giờ) có triển lãm thành tích của "Ngô chí sĩ". Đêm đó, em Tám Lộc (Lê Văn Lộc nay là Tám Quang) và khoảng một chục em cùng xóm trạc tuổi 12, 13 đi coi triển lãm về ngang cầu cống thì Lộc thò tay xé một khẩu hiệu. Vốn là con em một gia đình có bà con đi kháng chiến, em ghét những gì xúc phạm đến cách mạng. Đội trưởng tự vệ hương thôn Hai Lợi và Năm Tinh núp trong bụi rậm gần đó, cầm giáo nháy ra bắt em. Các em khác hoảng sợ ù té chạy tán loạn. Tám Lộc bị nhốt một đêm ở nhà hội. Hỏi : tại sao mày xé bích chương của chánh phủ ? Trả lời : tôi đi đường giỡn cùng các bạn, tay quơ trúng tờ giấy, nó rách... Cảnh sát Ba Lon quen với ba Tám Lộc, mời ông lên xã. Ông ta đòi giải thặng nhỏ lên công an tỉnh. Ba của Tám Lộc năn nỉ, làm cam kết bảo lãnh cho con nên em được thả về.

Chị Bảy Bê biết chuyện, bảo em : công an Biên Hòa có kêu lên thì cứ nói như vậy ; cô thấy cháu khác các em nhỏ khác... Từ đó, qua giáo dục và theo dõi, thỉnh thoảng chị giao cho em đưa thư trong xã sau khi đã dặn kỹ cách thức. Em thích thú nhận nhiệm vụ này, tiến tới được phụ in tài liệu, truyền đơn (bằng bột). Mi Sên - chị của Lộc - lúc này 16 tuổi, đang đi học cũng được chị Bảy Bê và anh Tư Răng hướng dẫn tuyên truyền trong học sinh đòi hiệp thương trúng tuyển cử, sau đó tham gia công tác binh vận. Mi Sên cũng tham gia in truyền đơn và bản tin do cấp trên chuyển về. Nhà em trở thành trạm giao liên. Hộp thư là chiếc hũ đặt ở bực bến sông của nhà. Anh Sáu Tốt, giao liên huyện Anh Cửu, đi xuống qua, ghé bỏ thư từ, tài liệu vào đó và lấy đi báo cáo. Mi Sên nhận rồi trao lại cho dì Bảy. Chi bộ còn phân công

anh Tư Hiệp nghe radiô ở nhà ông Tư Đồi, chép tin đọc chậm của đài Hà Nội để cán bộ kịp thời nắm chủ trương của Đảng mà phối hợp công tác.

Vào dịp 20 tháng 7 năm 1955, cán bộ và cơ sở Hiệp Hòa liền mấy đêm rải truyền đơn, thả bè chằng khẩu hiệu đòi Ngô Đình Diệm thi hành đúng đắn hiệp định Giơnevơ, hiệp thương tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Anh em tính toán thả bè theo con nước, sao cho sáng ra bè trôi ngang chợ Biên Hòa. Có anh nẩy ra sáng kiến neo bè ở đá hàng giữa sông để cho nhân dân qua lại nhìn được lâu. Hàng trăm chị em ký tên vào kiến nghị gửi ủy ban quốc tế và hội đồng xã đòi tự do thư tín giữa hai miền đất nước.

Anh Ba Tạo (Nguyễn Việt Trai) tình ủy viên Biên Hòa được cử về hoạt động ở Xuân Lộc. Anh ở thị trấn, xây dựng một chi bộ ba đảng viên hồi cư sống hợp pháp, một ở rẫy, hai ở phố. Anh đang phát triển một số nông cốt. Để chuẩn bị chào mừng kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 1955, anh chỉ đạo chi bộ và số nông cốt viết khẩu hiệu, làm băng cờ định treo vào các đêm 17, 18, 19 tháng 8. Nhưng ngày 15 tình ủy Biên Hòa có lệnh xuống ngưng việc đó. Đêm 18 tháng 8 một tên chỉ điểm lọt vào số nông cốt dẫn lính của quan hai Thiên tới nhà cơ sở bắt anh và chị chủ nhà. Chúng giam hai người ở bót Xuân Lộc hai ngày, sau đó giải về công an Biên Hòa điều tra. Chị chủ nhà khai : anh Ba Tạo chỉ nói chuyện hiệp định Giơnevơ, không nói chuyện gì khác. Công an Biên Hòa cũng không moi được ở anh điều gì mặc dầu đồn bộng rất dữ đành kết thúc hồ sơ với kết luận “tuyên truyền hiệp định”. Chúng giải anh về giao cho nha cảnh sát Sài Gòn với cái tên giả Trần Văn Nghi. Tại đây, tên Trần Văn Triều - công an tỉnh Biên Hòa cũ của ta đầu hàng - khai rõ : Trần Văn Nghi là Tống Kim Quang, Nguyễn Việt Trai tình đoàn, ủy viên thanh niên cứu quốc Việt Minh. Tên trưởng phòng thẩm vấn lục được một hồ sơ cũ trong đó UBKCHC Nam Bộ cử anh làm hội thẩm tòa án nhân dân tỉnh Biên Hòa cũ. Anh được đưa lên văn phòng gặp Tống Đình Bắc - giám đốc công an, là anh con bác ruột - Bắc nói : chú bị bắt vô tù mà còn nổi chính trị. Anh trả lời : nó hỏi tôi hiệp định Giơnevơ sao, tôi nói cho nó nghe, chớ có tuyên truyền gì đâu. Bắc kết thúc cuộc gặp gỡ : tôi và chú là tình anh em nhưng đảng ai người ấy theo, tôi cho chú đi đảo¹⁵

Đội Trần là nhân viên phòng nhì cũ, thường lân la tới các gia đình có giỗ chạp, đám cưới, đám ma... nghe ngóng, thu gom tin tức liên quan tới cách mạng, kháng chiến báo cho công an. Đồng chí Năm Hùng phó bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu - Ngầm đồng ý cho số tự vệ mật diệt đội Trần để bảo vệ cán bộ tỉnh và huyện hoạt động tại đây cùng các cơ sở nuôi chứa. Việc đồng ý ngầm này là trái với chủ trương đường lối đấu tranh chính trị của Đảng hồi đó, có thể dẫn đến bị kỷ luật. Đồng chí Năm Hùng chỉ có thể ra lệnh miệng với nhóm đoàn viên chịu trách nhiệm thi hành việc này. Anh Ba Ngọ - bí thư chi đoàn Hiệp Hòa - được giao thực hiện. Để giữ bí mật, anh móc với số bạn thân thuộc chi đoàn xã Tam Hiệp dùng lực lượng thanh niên Tam Hiệp là chính.

Một ngày tháng 7 năm 1955, gia đình ông Mười Lịch ở Gò Cát gả chồng cho con gái. Đội Trần có mặt trong ngày vui này của gia đình ông Mười. Nắm chắc tình hình, anh Ba Ngọ qua ấp Vĩnh Cửu bàn kế hoạch. Chiều tối hôm đó, bốn anh : Ba Đào, Ba Bỏ, Xanh, Bình chèo xuồng qua ấp Bình Tự. Anh Ba Ngọ đón sẵn tại nơi hẹn. Một cơ sở mật về báo tin đám cưới đã vắng khách, Đội Trần còn ngồi đó với mấy ông già. Nhóm năm người giả làm dân canh tuần bắt đầu lên đường. Anh Ba Bỏ mượn con dao xắt chuối cán dài ở nhà anh Bè - một cơ sở - Anh Xanh vác cây lao độc ngạch thường dùng đâm cá. Ba người kia đi tay không. Tới khu gò mả quá miếu Hưng Phú gần nhà ông Mười Lịch, hai anh Ba Ngọ và Ba Đào vào nhà đám cưới xem xét tình hình. Các anh ra ngay, nói : đội Trần ngồi một mình dựa lưng vào cột, mấy ông già đang nhậu lai rai ở bàn bên. Các anh Ba Ngọ, Ba Đào và Bình ở ngoài canh chừng. Hai anh Ba Bỏ và Xanh đi thẳng vào, tới gần đội Trần thì chửi to : đ. m mày định lấy vợ tao ! Anh Ba Bỏ vung dao xắt chuối, bắt đồ lười sút văng ra xa, còn trơ cái cán. Anh đành dùng cán dao đập lia lia lên đầu đội Trần với vẻ tức giận của một thanh niên nổi cơn ghen. Anh Xanh đâm cây lao độc ngạch sượt cạnh sườn y, mũi lao cắm phập vào lưng ghê. Đội Trần la lớn kêu cứu. Ông Tư Sóc ngồi ở bàn tiệc nhào ra chụp cây độc. Mọi người ủa lại. Vụ “đánh ghen” không kết quả, hai anh nhanh chóng rút lui. Khi nhóm năm người chạy ngang miếu Hưng Phú, ông từ coi miếu nghe từ nhà có đám cưới la lối ồn ào ngỡ đó là bọn cướp bèn tay thúc trống, miệng la : cướp ! cướp !... Tự vệ hương thôn ở chợ Mới bấm đèn pin loang loáng dọc con đường xuống bến đò Kho. Năm anh chạy về tới Bình Tự thì đụng cậu anh Ba Ngọ.

Ông quát to : ai đó ? Ba Ngọ trả lời : cháu đây.

Bốn anh trong chi đoàn Tam Hiệp xuống xuống qua sông. Các anh tiếc mãi : màn đánh ghen diễn ra rất tuyệt, phải chi con dao không sút cán thì... Từ đó đội Trần ít dám la cà các nhà có đám.

Ngày 23 tháng 10-1955, Ngô Đình Diệm bày trò “phé truất Bảo Đại”, xóa bỏ ảnh hưởng của thực dân Pháp, để dọn đường cho chủ nghĩa thực dân mới hoàn toàn thống trị ở Hiệp Hòa, phòng bỏ phiếu đặt tại trường học gần miếu Thành Hưng. Bà con trong xã được cán bộ, đảng viên rĩ tai tuyên truyền, đã mưu trí tìm nhiều cách chống phá. Tại phòng bỏ phiếu, bọn cảnh sát rất hoảng hốt thấy hình Ngô Đình Diệm bị móc mắt, quệt quệt trâu... giục bỏ la liệt dưới đất. Một tên lớn tiếng hướng dẫn : cô bác bỏ hình Bảo Đại, dòn hình cụ Ngô vô thùng. Có người làm bộ quỳnh quáng nhét hình Bảo Đại vô bao thơ, y chụp tay lại cự nự. Bà con nói : sao ông biểu tôi bỏ ông này, giờ lại hồng cho ? Y cười già lã : bỏ la bỏ xuống đất kia!

¹⁵ Anh Ba Tạo bị đi đày ra đảo, năm 1962 được tha, tiếp tục đi hoạt động, làm cán bộ tuyên giáo khu đông Nam Bộ. Đầu năm 1963 làm trưởng văn phòng ban tuyên giáo. Ngày 1-11-1963 là phó ban tuyên giáo tỉnh Phước Thành. Tháng 12-1965 là chánh văn phòng ban cán sự thị xã Biên Hòa. Giữa năm 1966 là chánh án phòng ban tuyên huấn khu. Năm 1967 công tác ở ban tuyên giáo tỉnh Bà Rịa. Đầu năm 1967 về ban cán sự T.7. Năm 1970 là chánh văn phòng khu ủy. Năm 1971 là chánh văn phòng tỉnh ủy Bà Rịa. Năm 1972 công tác ở ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng khu đông Nam Bộ, rồi làm phó chủ tịch Mặt trận khu. Từ năm 1976 là phó chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đồng Nai. Khóa 1983 - 1988 là ủy viên trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nhiều người tẩy chay trò hề “trưng cầu ý dân” không bỏ phiếu. Tất nhiên cán bộ, đảng viên, đoàn viên không tham gia rồi. Để đối phó với việc kiểm tra của địch, nhóm đoàn viên thanh lao gồm Châu Dè, Trì, Bé Hồng khắc mộc giả đóng đóng vào giấy của cán bộ, đảng viên và các bà con không đi bầu.

Ấp Bình Đa xã Tam Hiệp có hai tên ác ôn. Tên Sự tham gia kháng chiến một thời gian sau bỏ về thành. Năm 1955 y làm an ninh chìm. Tư Lơ là đội pactidăng cũ, có hồi làm sếp bột. Hai tên rất hống hách, huênh hoang, thường hù dọa các gia đình tham gia kháng chiến trước đây. Tên Sự nguy hiểm hơn, vì nó biết mặt nhiều cán bộ ta đang bám trụ nội ô và mấy xã ven : Tam Hiệp, Hiệp Hòa... Y đi Biên Hòa hoài, sục sạo khắp. Cán bộ ta thấy y từ xa phải tìm đường tránh né. Anh Ba Lễ cho biết : khi đụng y, ta phải thoát ngay. Đã bốn, năm cuộc họp của thị xã phải bỏ vì thấy y lờn vờn quanh đó. Anh Bảy Khộm báo cho cánh cán bộ thị xã biết y thường rình cắt con đường mòn từ Gò Tre (Bình Đa) qua cù lao để bắt anh em ta đi lại ban đêm.

Sự và Tư Láo đánh giá : từ sau hiệp định Giơnevơ là thời cơ có một không hai của bọn chúng. Bộ đội đi tập kết rồi, số cán bộ nằm vùng rất ít, hầu như không có vũ khí, lại nghiêm chỉnh chấp hành đường lối đấu tranh hòa bình. Trong lúc đó Mỹ giúp “Ngô tổng thống xây dựng quân đội quốc gia”, trang bị máy bay, xe tăng, tàu chiến... rất tối tân. Làm sao trưng chọi nổi đó ? Nếu bọn y tích cực tóm sạch số “cộng sản nằm vùng”, đào tận gốc tróc tận rễ những ai “ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản” thì chúng tha hồ giàu sang phú quý đến tận đời con cháu.

Đầu năm 1956, trại Trần Quốc Toản còn lính da đen đóng. Anh Ba Lễ bàn bạc kế hoạch diệt ác với số anh em chí cốt : Năm Hoa, Tám Phi... Tối hôm đó, sau khi cơm nước xong, sáu anh (có hai anh làm công tác in ấn cho thị xã) móc súng giấu trong bộ miếu thờ ở Bình Xương (do bà Tám Vân xây). Súng được lau chùi kỹ, chủ yếu để hóa trang. Các anh thoa lọ nghệ (nhọ nổi) đóng giả lính Ma rốc đi tuần. Chèo xuồng qua sông sang Bình Đa, các anh chia làm hai toán, định diệt Sự và Tư Láo cùng một lúc.

Quãng tám giờ tối, một tốp ba người mặt đen xì, mặc quần áo lính, đi giày lính, đeo súng mọt và mi Xten ập vào nhà tên Sự. Họ lúi y ra đường, cách nhà vài chục mét, đập chết. Bản án tử hình ký tên ủy ban kháng chiến hành chánh Thủ Biên găm trên ngực áo y.

Tốp kia vào nhà Tư Láo, y vắng nhà nên thoát chết. Sau đó cơ sở ta rải tờ rơi cảnh cáo một số tên khác. Dân Bình Đa vui mừng vì bọn ác ôn bị trừng trị thích đáng, cũng vui vì cách mạng còn tồn tại.

Tỉnh ủy Biên Hòa biết sự kiện này, hỏi thị ủy Biên Hòa. Bí thư Sáu Long nói : chỉ có Ba Lễ rành nơi cất giấu súng, vụ này chắc do ảnh cầm đầu. Tỉnh ủy phê phán là manh động, trái với chủ trương chung của Đảng. Anh Ba Lễ bị kỷ luật cảnh cáo. Khi nghị quyết 15 ra đời, lịch sử xóa án cho anh.

Sau khi bày trò “phế trượng” Bảo Đại, lên làm quốc trưởng kiêm thủ tướng, Diệm xúc tiến cải tổ bộ máy hành chánh từ cấp trung ương tới cấp xã vào năm 1956. Hội đồng hương chính xã đổi thành ủy ban hành chánh xã. Pháp rút hết quân vào giữa năm 1956, số lính pactidăng bót đầu cầu bị giải tán, một số chuyển thành lính quốc gia, một số về làm ăn. Nếu để số lính này nắm ủy ban hành chánh xã thì cán bộ và cơ sở ta khó hoạt động, nên ta ngầm vận động ông Ba Bảo (Phạm Văn Báo) ra nhận chức chủ tịch UBHC xã (ông Nguyễn Văn Lạc làm tổng thư ký kiêm ủy viên tài chánh, Võ Ngọc Lợi làm ủy viên cảnh sát). Ông Ba Bảo là nhà doanh nghiệp có tên tuổi, làm ăn đàng hoàng được quận Châu Thành và tỉnh trưởng Biên Hòa chấp thuận ngay.

(Hồi chín năm, ông tham gia kháng chiến một thời gian, bị Pháp bắt trên đường đi công tác. Được tha, năm 1949 ông về mở xưởng dệt, mượn mặt bằng ở lò gạch của linh mục Nguyễn Văn Thanh để đặt máy. Năm 1955 ông đặt thêm hai máy dệt tại nhà riêng ở ấp Thành Hưng). Do quen biết, một số cán bộ như anh Phác, chị Bảy Quý (người Tân Tịch), anh Ba cà rem (Lương Lâm Ngâm) đã gửi một số bị bết ở các nơi vào làm xưởng dệt của ông một thời gian. Anh em này từ nơi khác tới, số mặt vụ chỉ điểm địa phương chưa biết mặt, vả lại họ ở ngay nhà ông chủ tịch xã nên không ai bị xét hỏi. Theo yêu cầu của cán bộ ta, ông cấp một số giấy thông hành cho anh em đi lại công khai dễ dàng.

Ngô Đình Nhu lập “phong trào cách mạng quốc gia” và các đoàn thể “thanh niên cộng hòa”, “phụ nữ liên đới”... nhằm tập hợp lực lượng chống cách mạng. Tỉnh, quận gửi công văn yêu cầu ông lập thanh niên cộng hòa. Trên cương vị là người đứng đầu xã, ông Ba Bảo cũng tổ chức cho gọi là có, nhưng không đôn đốc hoạt động gì.

Để tăng cường thực lực cách mạng, chi bộ Hiệp Hòa ngầm tranh thủ hội đồng xã cho phép các nòng cốt lập ra nhiều hội : hội đá bóng, hội nhà vàng, hội văn nghệ đờn ca, hội đua thuyền... Đứng đầu hội cúng miếu Bình Kính là bà Lê Thị Biết, hội phó : bà Năm Đồi, nòng cốt tích cực : bà Lâm Thị Thụ... Hội có vài chục hội viên, phụ nữ giúp đỡ nhau khi túng bán, lấy cơ cúng chùa cúng miếu, cán bộ lồng vào đó mà sinh hoạt chính trị. Có lần một nòng cốt gọi lên : mấy ông hội đồng gởi giấy đòi thuế rồi đó... Mấy bà nhao nhao : chưa có tiền đóng, phải làm đơn xin hoãn thôi. Có bà, có chị mách nước : “chánh phủ” đang cho vay tiền đó, mình làm đơn xin xã chúng mà lên ngân hàng canh nông vay bốn ngàn mua phân, mua giống, buôn bán... (bốn ngàn tương đương một cây vàng). Các bà, các chị hùn tiền cho một số gia đình sắm xuồng ghe làm ăn. Có lần bà con bàn tán : “chánh phủ” sắp bắt thanh niên đi lính. Chị em sôi nổi bàn cách xin hoãn, xin miễn cho con em mình : bây giờ hòa bình rồi, đi lính làm chi nữa đánh ai... Ta lồng vào đòi tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Khóm nào, ấp nào cũng có tổ chức biến tướng kiểu này. Ông Ba Bưng hoạt động hăng hái trong giới trung niên và phụ lão khóm Hưng Phú. Một số thanh niên tốt được cài cắm vào tự vệ hương thôn, chính những anh em này bảo vệ đắc lực cho cán bộ, đảng viên về địa phương hoạt động. Nhóm Quốc Việt (sau là Hoàng Sơn) gồm một số đoàn viên mở một tiệm may gần trụ sở hội đồng xã, bên trong là nơi sinh hoạt, tổ chức các ngày lễ kỷ niệm. Chị Tám Bông vay tiền mua máy may cho anh em.

Một tối, bọn phòng nhì Biên Hòa đón đường ở cầu cống nhằm bắt cán bộ và người tình nghi. Anh Lê Văn Ký từ Sài Gòn về, vừa xuống xe đồ bị hai tên mặc thường phục chặn xét giấy. Anh đánh lại vừa la lên bị cướp. Một tên rút súng ra nhưng không hiểu vì sao không bắn. Một tên bị đánh ngã, anh bỏ chạy về nhà má ruột là bà Năm Đức. Hai tên đuổi theo và kêu lính bót đầu cầu bao vây nhà. Lúc đó trong buồng có hai cán bộ thị xã đang ở. Không thể để chúng vào,

bà nhanh trí la làng : cướp ! cướp ! Bà con chung quanh ùa ra, một số tự vệ hương thôn kéo đến (trong đó có Tư Bạch). Bọn lính xông vào bắt hai má con bà về bót. Hai cán bộ nhân lúc lộn xộn trà trộn vào đám đông thoát thân. Nhờ nắm được luật lệ, hôm sau gia đình bà Năm Đức được hương quân Lon giúp đã kiện lính bót. Số lính bót đầu cầu phải đổi đi nơi khác. Hương quân Ba Lon yêu cầu từ nay công an, phòng nhì khi về cù lao khám xét bắt bớ ai phải cho xã biết để phối hợp.

Địch tổ chức học tập “tổ cộng”, bắt mỗi gia đình phải một người đi. Nhiều nhà vin có bận bịu, đau ốm... nên mỗi buổi chỉ có dăm bảy chục người đến. Tên Thìn là cán bộ thông tin tình huống hướng dẫn có thái độ ngênh ngang. Y ngồi chễm chệ sau bàn buyarô, hạch sách dân về mang đồ giải khát tới... Năng lực tên này kém, thuyết trình ngắc ngứ hoài, bị chất vấn không trả lời nổi... nên bà con ngồi dưới xì xầm nói chuyện riêng mất trật tự.

Một lần, tên cán bộ tổ cộng nói : ở miền Bắc, cộng sản chỉ ăn cám. Một bà phát biểu : theo tôi biết, có gạo mới có cám, xay giã một gạ lúa được 16 lít gạo, 3 lít cám ; nếu họ ăn cám thì gạo bỏ đâu ? Tên này cứng họng nói liều : thì tôi nói sao, bà con nghe vậy, chớ hỏi lời thôi.

Tổng Cẩm đưa ông Bảy Di (Tạ Ngọc Di) làm chủ tịch ủy ban tổ cộng (nên bà con kêu ông là cả Tổ hoặc Bảy Tổ). Ông ta biết mặt anh chị em kháng chiến trong xã. Cán bộ và cơ sở ta “nắm được” ông này.

Thỉnh thoảng Bảy Di cũng phải mời dân đến nhà hội hoặc miếu xóm cho số cán bộ tỉnh, quận về tuyên truyền cho qua chuyện. Ở xã Hiệp Hòa không tổ chức buổi đầu tổ nào, một mình ông giờ đầu chịu báng.

Tổng Cẩm bắt ông Bảy Mít đứng ra lập phong trào cách mạng quốc gia trụ sở đặt tại chùa Hoàng Ân. Không có ai tham gia ghi tên. Sợ tỉnh, quận rún ép, ông Bảy Mít lập đại một bản danh sách gửi đi, lãnh thẻ về bỏ xó. Ông bị bà con và cháu nội diễu là “chủ tịch phong trào bán mạng quốc gia”. Phong trào này không bao lâu âm thầm tam rã.

Ông Năm Lương - dưỡng nuôi tướng cảnh sát Nguyễn Văn Là từ nhỏ - lúc gặp gỡ, trò chuyện với anh em kháng chiến cũ, phát biểu : tôi rất mến cử chỉ, tác phong của cán bộ cách mạng, tôi công nhận cách mạng là đúng nhưng không theo được, tôi biết phe kháng chiến sẽ thắng, tôi đấu lý với các vị không lại... Ông nói khá công khai vì ông có cảm tình với cách mạng từ thời chín năm chống Pháp.

Thực hiện dã tâm vĩnh viễn chia cắt đất nước, lập riêng cái gọi là “nước Việt Nam cộng hòa”, tuyên bố “biên giới Hoa Kỳ kéo dài tới vĩ tuyến 17”, Ngô Đình Diệm tổ chức bầu cử quốc hội riêng rẽ ngày 4 tháng 3 năm 1956. Chi bộ Hiệp Hòa tổ chức treo cờ Đảng trên cây dầu, rải nhiều truyền đơn ở các xóm, viết khẩu hiệu lên tường và khúc đường số 1 chạy qua cù lao, kêu gọi nhân dân tẩy chay cuộc bầu cử sai trái này. Tại đá hàng giữa sông, một bè chuối được neo lại, trên bè có chằng một tấm bảng lớn đòi chính quyền Diệm hiệp thương bàn việc tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Cán bộ và nòng cốt ngầm vận động bà con không đi bỏ phiếu. Đến ngày bầu cử, nhiều chị em viện cớ con nhỏ, bận buôn bán... không đến phòng bỏ phiếu. Nhóm đoàn viên gồm : Tài, Khải, Bé Hồng, Châu Dè lại khắc mộc giả đóng vào thẻ cử tri của cán bộ và một số đồng bào không đi bầu để phòng khi chúng xét hỏi giấy tờ, như hồi 23-10-1956 từng làm.

Tháng 6 năm 1956 Mỹ Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu thực hiện “tổ cộng” toàn miền đông Nam Bộ. Trọng điểm đánh phá là hai tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa cũ. Chúng ra sức lùng bắt đảng viên và cán bộ kháng chiến cũ. Tại cù lao, chúng bắt đồng chí Bảy Khộn ở Bình Xương. Anh Tư Răng (Hồ Văn Răng) bị lính vào bắt tại nhà. Hai người bị điều tra rất dữ qua nhiều nơi, rồi chúng đưa về trung tâm cải huấn “Tân Hiệp”.

Hai giờ chiều ngày 2 tháng 8 năm 1956, giữa lúc trời mưa lớn, Hai Bản cầm đầu một xe công an về ấp Bình Xương bắt ông Năm Ký (Nguyễn Văn Ký). Bà Tám Vân (Lê Thị Vân) - vợ ông - chạy theo níu kéo. Chúng đẩy ông lên xe, bà giằng lại. Chúng đẩy luôn bà lên. Về phòng nhì tiểu khu, hai ông bà bị nhốt riêng. Qua điều tra xét hỏi, không thu được lời khai nào, hai ngày sau chúng thả bà ra. Chúng cho bà gặp mặt ông. Ông Năm bị đánh gãy tay, áo quần rách toạt tả với nhiều vết máu bầm khô. Vài bữa sau bà đi thăm nuôi nghe bọn lính bàn tán về ông là người gan góc, bị đòn kiêu nào cũng không khai.

Tám giờ sáng ngày 10 tháng 8 bọn lính chở ông về lò gạch bìa rừng chồi An Hảo (chân đồi nhà máy đường Biên Hòa ở khu công nghiệp bây giờ) để “dẫn đường bắt cán bộ nằm vùng”. Hai tay bị còng chặt, vừa xuống xe, ông vùng chạy. Bọn lính xả súng theo, ông hy sinh luôn.

Chiều tối ngày 2 tháng 12 năm 1956, hơn năm trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước phá nhà lao Tân Hiệp, thoát ra. Sáu anh lạc ở vàm Bà Giang (hãng gỗ An Bình bây giờ) được chi đoàn thanh niên Hiệp Hòa tiếp tế cái ăn hai ngày, sau đó đưa ghe chở qua rạch cây Quí (Tân Vạn), chỉ đường cho các anh về Cần Giuộc.

Anh Tư Răng vượt ngục về tới nhà ban đêm, mợ người cháu là Chín Hùng 17 tuổi làm thợ hồ, yêu cầu chở hơn một chục người qua sông. Chín Hùng về lén lấy ghe câu của ông Năm Hoàng chèo qua vàm nhà thờ Bình Đa, chở anh em qua Đoi Dừa (Tân Vạn). Xong việc, anh Tư Răng dặn dò ; cháu về cố gắng làm ăn, ngủ ở cửa sổ cậu thợ cây kêu cho dễ. Năm hôm sau anh Tư lại về. Chín Hùng hỏi : tại sao cậu không làm Việt Minh mà làm Việt cộng để cho nó bắt ? Anh Tư Răng giải thích : Việt Minh là con cháu Bác Hồ đánh thực dân Pháp ; tháng 7 năm 1954 Diệm lên cầm quyền ở miền nam phá hoại hiệp định Giơnevơ lùng bắt anh em kháng chiến cũ và kêu là Việt cộng ; thực ra Việt Minh và Việt cộng là một ... Bằng đồng lương ít ỏi của nghề thợ hồ, Chín Hùng dậy sớm nấu cơm, cho vào trái bầu khô mấy suất rồi giả đi nơm cá, ra để trái bầu ở nơi hẹn sẵn, liền nửa tháng. Ít lâu sau, anh Tư bảo một tuần đưa cơm một lần. Rồi anh cho biết từ mai khỏi đưa cơm. Anh bị thương ở chân khá nặng, được chị Bảy Bê bố trí đưa đi Sài Gòn chữa bệnh lâu gần một năm mới khỏi, sau đó đi thoát li luôn.

Ông Ba Bảo làm chủ tịch xã cốt lấy tiếng để kinh doanh nghề dệt, chớ lương tháng chưa 1500 đồng, chẳng đáng là bao. Ông mượn một thư ký riêng để giúp giải quyết mọi công việc sự vụ hàng ngày để rảnh tay làm việc nhà. Một bữa, quận trưởng Châu Thành về đột xuất kiểm tra, trụ sở ủy ban hành chánh xã không có ai. Chủ tịch Bảo đang bữa củi tại nhà riêng. Viên quận trưởng cựa nự một hồi. Vì ủy viên cảnh sát Võ Ngọc Lợi và đoàn phó tự vệ hương thôn Nguyễn Văn

Ngọc - lính pactidăng cũ - thọc vào, quận trưởng gửi giấy đòi chủ tịch Ba Bảo và thư ký Nguyễn Văn Lạc lên. Ông Lạc xin nghỉ việc ra mở cây xăng. Hai Lợi thay chân thư ký kiêm ủy viên tài chánh, từ đây dân làng gọi anh ta là xã Lợi. Chức ủy viên cảnh sát bỏ trống. Ba Chánh - ủy viên thường vụ huyện ủy Vĩnh Cửu - vận động ông Năm Nai (Đình Văn Bay) ra làm, vì nếu chức đó vào tay một tên ác ôn thì rất trở ngại cho phong trào địa phương. Ông Năm Nai nhận lời vì lợi ích chung.

Được các chị Bảy Bê, Bảy Hoa tuyên truyền vận động, chị Năm Cánh lại tham gia công tác. Năm 1956 chị Bảy Hoa giao cho chị làm công tác binh vận. Chị nói chuyện xa gần với một số bà con quen bảo họ gọi chồng con đang đi lính xin về nhà làm ăn, hòa bình rồi đi lính làm chi nữa. Chị tham gia đi gom tiền nuôi cán bộ. Trải qua một số lần thử thách, chị được tin cậy, nhà chị trở thành trạm giao liên, anh Sáu Tốt và cô Tư Nhiều thường lui tới. Công văn thư từ một số lần được giấu trong khạp đường. Đồng chí Hai Đính - thường vụ tỉnh ủy Biên Hòa giao chị đi gặp bốn cơ sở ở Sài Gòn : một ở gần lăng ông (Bà Chiêu), một ở Cầu Bông, một ở ngã ba Vườn Lài, ở ngã bảy Lý Thái Tổ. Lúc đi giao liên, chị thường ăn mặc sang trọng, trang điểm đẹp đẽ, tay bông con. Tới nơi, thấy đúng ám hiệu chị mới vào nhà.

Lần đó chị từ Biên Hòa lên ngã bảy Lý Thái Tổ, đứng chờ hoài từ tám giờ sáng. Trời nắng nóng, đũa nhỏ bông trên tay cứ khốc đổ cách nào cũng không nín. Mãi tới mười giờ, một anh đi xe máy Vespa xích tới, rút khăn trong túi ra lau mặt. Chị suy nghĩ : đúng ám hiệu rồi, nhưng sao trễ hẹn vậy ? Chị rút khăn trong giỏ xách ra lau mồ hôi. Anh kia chào, rước chị lên xe. Trên đường đi, anh cho hay : cơ sở đã bẽ, phải tìm cách khác để giao hàng. Tới ngã năm Bình Hòa, xe Vespa đậu lại, anh và chị vào một tiệm hủ tiếu khá đông khách, có một vài người đeo kiếng đen. Nhà hàng, bến tàu, bến xe, rạp hát, rạp chiếu bóng luôn luôn có bọn mật vụ trà trộn. Bọn này thường có cái nhìn soi mói gian giảo dễ nhận ra. Mặc, anh kêu hai tô, mỗi người ăn một, chị còn xúc cho đứa nhỏ. Anh xong trước, chị trao tài liệu cuốn trong cái tã cũ: anh mang số đồ này về trước, em sẽ giặt, em còn đi mua thuốc ông thầy Hòa Hưng ; anh lát nữa chạy xe tới rước em heng. Anh dúm một gói nhỏ vào giỏ chị rồi phóng xe đi. Chị kêu xe xích lô, ra bến về Biên Hòa. (Do hăng hái công tác, năm 1957 chị được kết nạp Đảng.)

Dân cù lao phải đi xâu, chặt cây, làm lại bót đầu cầu, sang đốc chú Hòa gần núi Châu Thới chặt trắng cây bụi hai ven đường số 1... Chi bộ Hiệp Hòa chỉ đạo số nòng cốt vận động nhân dân chống đi xâu. Các chị Bảy Hoa, Tư Nguyệt buôn bán ở chợ Biên Hòa tham gia đấu tranh chống tăng thuế hoa chi và chống đuổi chỗ ngồi. Tại chợ, một số chị em buôn bán nhỏ có chỗ ngồi ổn định từ lâu. Bà Năm Giỏi bán tôm tính nết dữ dằn, hay ăn hiếp người bán vật, ép họ phải bán rẻ cho mình. Bà ta ngồi phía trong nhưng dựa thể lính bót Pagót (bót cây Chàm) và đút tiền cho cảnh sát, bà ta muốn sắp xếp lại chỗ ngồi. Thông đồng với cảnh sát, bọn này làm một cái thăm có đánh dấu sẵn, bà Năm Giỏi vừa bắt đã trúng liền. Chị Bảy Hoa lãnh đạo chị em bán hàng đấu tranh ngồi đầu ngồi đó. Các chị làm đơn kiến nghị vào quận, chị Bảy Hoa thay mặt chị em, trình bày xin bỏ cái vụ bắt thăm không công bằng đó. Mấy ngày êm ru, tưởng đâu lệnh quận đã có hiệu lực, không dè bữa đó cảnh sát ra lôi kéo bắt chị em phải đổi chỗ theo kết quả bữa trước. Chị em rị lại la khóc om xòm, sau đó làm đơn mang vào dinh tỉnh trưởng, vừa chạy vừa khóc. Một viên chức trong đó hỏi, chị em thì nhau trình bày. Cò Hương bị tỉnh trưởng khiển trách phải ra lệnh rút số cảnh sát ở chợ về. Cuộc đấu tranh giữ chỗ bán thắng lợi.

Tháng 11 năm 1957 Mỹ Diệm bắt đầu làm xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa. Căn cứ du kích Bình Đa cũ bị ủi phá. Theo chỉ đạo của tỉnh ủy Biên Hòa. Huyện ủy Vĩnh Cửu cử các anh Ba Cù (Nguyễn Đông Châu) và Năm Trang về vận động nhân dân Long Bình, Bình Đa đấu tranh phá kế hoạch mở xa lộ. Anh Ba Cù ở rừng Bình Đa. Anh Năm Trang về ấp Hòa Quới ở nhà bà Ba Diệu, đóng vai chồng cô Ba Gạo. Để che mắt bọn chỉ điểm ngầm tại chỗ, bà Ba nói với mọi người là con gái bà lấy chồng lúc cô học thợ may ở Sài Gòn, vì hai bên đều nghèo nên làm đám cưới đơn giản ở trên. Nay hai người về quê vợ sinh sống. Ngày ngày, gia đình bà chèo xuồng đưa "con rể" qua sông "đi làm cho sở công chánh", chiều lại qua rước về.

Nhân dân cù lao có ý thức giữ bí mật tốt nhưng địch cũng tìm thấy sự có mặt của cán bộ ta tại đây. Lính và công an thường bắt ngờ lùng sục xóm ấp, hy vọng bắt được cán bộ ta. Một bữa, em Phụng - con gái bà Diệu chơi với đứa em nhỏ ở đầu xóm, canh chừng cho anh Sáu Tốt ở trong nhà. Một toán lính tới khá đột ngột. Em Phụng thấy nếu chạy vào báo thì chúng nghi, sẵn chiếc que trong tay, em vụt thẳng nhỏ một roi và la lên : nghịch đất dơ dáy, vô rửa tay ! Thăng nhỏ khóc toáng. Anh Sáu Tốt nhìn ra ngoài thấy lính đang vào bèn rút êm lối cửa sau. Một lần khác, trên đường đi chợ về, em gặp một toán lính đi xuống Hòa Quới. Em ráng đi nhanh vượt tốp lính, vừa đi vừa làm bộ cần nhân : bà đưa ít tiền mà dặn mua bao nhiêu thứ, mua sao được... Tới gần nhà, em vẫn lầu bầu. Bà Ba Diệu chạy ra rầy : con gái không được ăn nói làm sàm. Rồi bà quay vào báo cho anh em kịp thời qua nhà khác.

Một tối anh Ba Trơn bị bệnh, đang xông giải cảm trong nhà bà Hai Ngà ấp Bình Kính. Em gái Tăng Kim Phận 11 tuổi, con bà, đang chơi ở ngõ chợ la : lính xét nhà, má ơi ! Anh Ba vội vọt ra cánh đồng sau nhà chui vào ruộng lúa, lúc này lúa đã cao ngang lưng. Lính vào nhà lục soát thấy tại góc phòng có người ngồi trùm mền. Một tên tới lật mền ra, em Duyên dăm đĩa mồ hôi. Ông Hai Lục nói : con gái tôi đau mấy bữa rày đang xông đó mà. Chúng hỏi : ai chạy ra sau nhà ? ông bình tĩnh trả lời : thằng cháu con bạn đi đang trốn quân địch, thấy mấy ông tới, nó sợ lánh ra sau chớ không có gì. Rồi ông giả là mời chúng uống nước hút thuốc. Lát sau, chúng qua xét nhà khác.

Anh Sáu Đức (Nguyễn Thành Đức) đi lính đóng trung sĩ ở trong ban tham mưu của tướng Lê Văn Tị. Vì có quan hệ thân thuộc, anh được làm việc ở trung tâm công văn đi và đến (centre de message) đệ nhất quân khu. Về thăm gia đình, một số lần anh gặp anh Chín Tô - bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu - ngay tại cù lao. Anh ngỡ ý lại muốn đi theo cách mạng. Anh Chín Tô bảo anh cứ làm tại đó lúc có dịp thuận tiện thì đóng góp cho cách mạng. Tháng 10 năm 1958, anh Sáu Đức chép tay bản danh sách các sĩ quan của quân khu, đánh dấu tên những người có chiều hướng tốt rồi gửi cho huyện ủy Vĩnh Cửu. Đồng chí Bảy Khộn - cán bộ binh vận - giữ bản danh sách này. Một lần địch ruồng bỏ ấp Long Quới, anh Bảy chạy thoát, khẩu súng lục kẹp túi xuống bùn, nhưng một số tài liệu trong đó có bản danh sách sĩ quan bị chúng thu được. Mang về nghiên cứu nét chữ (giáo tự) bọn an ninh quân đội đã bắt trung sĩ Sáu Đức hồi 14 giờ ngày 19 tháng 5 năm 1959 tại nơi làm việc. Phòng nhì điều tra sáu tháng rông, nhiều lần chúng hù không khai sẽ bắn bỏ theo quân luật,

mặt khác bạn cũ Tư Cường theo dụ riết nhưng anh Sáu không có gì để khai ngoài việc lấy bản danh sách. Cuối năm 1959 toà án quân sự của Diệm đưa anh ra xét xử kết án tử hình. Vợ anh cầu cứu vợ tướng Tị - là bà con - Nhờ sự can thiệp của tướng Tị, anh được giảm án xuống tù chung thân. Tháng 2 năm 1960 anh bị đày ra Côn Đảo. (Tháng 2 năm 1974, anh được trao trả tại Lộc Ninh)

Anh Châu Dè mở một sạp bán báo tại chợ Đồn (Bửu Hòa) để sinh sống và bí mật làm công tác binh vận. Tháng 3 năm 1959 anh bị bắt tại nhà. Anh bị giải qua nhiều nhà tù ở Biên Hòa, bót Hàng Keo (Gia Định), bót Bà Hòa (Chợ Lớn), có lúc chúng đưa anh xuống Mỹ Tho thẩm vấn. Chúng đánh anh hàng tuần, xoáy vào hỏi : mày cùng quê Hiệp Hòa với Ba Lễ phải không ? Trả lời : phải. Hỏi : Ba Lễ giờ ở đâu ? Trả lời : tôi cùng quê với anh thiệt nhưng không biết anh ở đâu... Chúng dùng đủ mọi loại đòn, chỉ để biết người cán bộ nằm vùng có cỡ đó hiện đang ở đâu. Anh Châu Dè trước sau chỉ một lời khai, đánh chán rồi chúng thôi. Một cán bộ bị công an Mỹ Tho bắt, khai ra anh - tuy hai người không hề có quan hệ công tác. Anh kia còn khai Châu Dè là tổ trưởng binh vận xứ ủy Nam Bộ. Quan một Trần Bửu Liêm là trưởng đội biệt kích 1 ở bót Bà Hòa một lần hỏi anh : cái chức trưởng tổ binh vận xứ ủy của anh vào cỡ nào bên quốc gia chúng tôi ? Anh Châu Dè hỏi lại : thưa ông, hiện nay ông giữ chức vụ gì ? Y hãnh diện trả lời : tôi là thiếu úy ! Anh Châu Dè chơi gác : chức vụ tôi vào cỡ đại úy bên các ông. Liêm đứng phắt dậy, chum chân dậm gót giày đánh "bốp", giờ tay chào rồi sai đàn em mang ghế cho anh ngồi. Từ đó thái độ của y đổi khác, y có phần kính trọng người tù chịu đựng bao đòn tra mà không khai gì có hại cho tổ chức. Bị lưu đày ra một trại tập trung ngoài Huế, anh được viên thiếu tá trưởng trại nể phục vì ý chí của một người có lý tưởng vững vàng.

Mỹ Diệm gây ra vụ đầu độc lớn ở trại tập trung Phú Lợi. Nhân dân cả nước từ bắc chí nam sôi sục trước tội ác tày trời này. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo thị ủy và các huyện ủy phát động nhân dân vạch trần bộ mặt khát máu của chúng.

Ngày 1 tháng 4 năm 1959 huyện ủy Vĩnh Cửu huy động hàng trăm bà con các xã kéo về nội ô. Kế hoạch của ta dự định : một đoàn các bà các chị đầu đội khăn tang, tay cầm kiến nghị và đơn xin (gặp người nhà bị giam ở Phú Lợi) vào gặp tỉnh trưởng Biên Hòa lúc tám giờ sáng ; lúc trở ra mọi người đi thành hàng, có lực lượng bên ngoài hàng trăm người nhập vào, tuần hành

công khai tố cáo tội ác của Mỹ Diệm tại các đường phố đông dân quanh chợ Biên Hòa. Tám giờ sáng hôm đó, ba mươi bảy phụ nữ tập trung ở trước cửa nhà Trần Lâm (khu chợ cá) do chị Bảy Bê lãnh đạo, vào đến sân tòa hành chánh thì tỉnh trưởng lánh mặt, cử một thư ký ra tiếp. Các bà, các chị nói : chúng tôi cần gặp ngài tỉnh trưởng, chồng con anh em chúng tôi bị giam ở trại Phú Lợi, chúng tôi đi thăm nuôi không được, không biết thân nhân chúng tôi sống hay chết, nếu còn sống xin ngài cho được gặp mặt... Viên thư ký vào báo cáo, tỉnh trưởng Biên Hòa gọi điện cho ty công an. Hai xe camion chở đầy cảnh sát công an ập tới. Chúng bao vây chặt đám các bà các chị bảo mọi người lên xe. Chị Bảy Bê ngậm ra hiệu cho mọi người đứng lên. Chúng hăm he : mấy bà ngoan cố phải không ? Chị em bình tĩnh trả lời : chúng tôi chờ ông tỉnh trưởng tới để đưa đơn xin thăm nuôi. Hai bên lời qua tiếng lại, chúng bắt từng người đẩy lên, các bà các chị lại nhảy xuống. Giảng co khá lâu, chúng giờ thủ đoạn quyết liệt, mạnh tay đàn áp rồi chờ tất cả về ty công an.

Đưa chị Bảy Bê vào phòng điều tra, chúng đánh liền. Ba mươi sáu người bị phân tán ra mấy phòng. Chúng tra khảo gạn hỏi : ai cầm đầu vụ này ? Mọi người thống nhất trả lời : có thân nhân bị giam giữ ở trại Phú Lợi nên tự động rủ nhau làm đơn xin đi thăm nuôi. Chị Bảy Bê là người duy nhất không có đơn, bị chúng vặn hỏi : sao mày dẫn mấy mẹ già, mấy con mẹ mang bầu đi đấu tranh chống chánh phủ ? Trước sau chị chỉ trả lời : tôi đi chợ, mấy bà không biết dinh tỉnh trưởng ở đâu, tôi dẫn đường cho mấy bà... tôi có tội gì mà mấy người đánh ? còn mấy bà đi hỏi tin chồng con cũng có tội gì mà mấy người bắt giam đánh đập tàn nhẫn như vậy ? thà chúng tôi ra ! Không khai thác được điều gì, mấy tên điều tra lên lầu báo cáo với sếp. Thưa lúc vắng bọn chúng, chị Bảy Bê bò lết ra cửa. Hai bàn chân chị bị đòn xưng vù không đứng nổi. Chị động viên nhắc nhở số chị em ngồi ở hành lang : mấy dì, mấy chị cố giữ lời khai trước sau như một, tôi không khai gì hết... Một lát sau bọn chúng xuống, thấy mọi người tùm lại một chỗ, một tên chửi thề : đ. m. con này liên hệ với mấy con mẹ, xui mấy con mẹ những gì ? Chị nhẹ nhàng trả lời : tôi khát, ra kiếm miếng nước uống... Các bà, các chị đấu tranh riết, đến năm giờ chiều bọn công an phải thả cả ba mươi bảy người.

Trong lúc lực lượng đấu tranh trực diện bị bắt thì khoảng một trăm chị em bên ngoài hỗ trợ cũng bị địch ngăn cản. Hàng trung đội ảnh sát đầy đủ súng ống rải từ khu bán cá chợ Biên Hòa tới nhà bưu điện không cho ai qua lại khúc đường ven bờ sông trước tòa hành chánh. Hàng trăm bà con ở chợ bỏ bán hàng, kéo theo sau đoàn phụ nữ vẫn khăn tang. Cả chợ xôn xao bàn tán. Cốt cán ta tranh thủ rí tai bà con, vạch trần tội ác đầu độc tù nhân tại trại tập trung Phú Lợi cho nhân dân nội ô Biên Hòa biết. Tin này nhanh chóng lan xa mặc dù nhà cầm quyền hết sức bưng bít.

Càng đàn áp điên cuồng phong trào cách mạng miền nam, Mỹ Diệm càng gặp sức chống trả quyết liệt của nhân dân. Chúng ban hành luật 10-59 và lê máy chém đi nhiều nơi, giết hại những người yêu nước thì quân chúng càng sôi sục căm thù. Yêu cầu được cầm vũ khí trực tiếp đánh địch trở thành nguyện vọng nóng bỏng của cán bộ, đảng viên và nhân dân toàn miền.

Đến năm 1959, số cố vấn Mỹ ở miền nam lên tới hai ngàn tên, gấp khoảng mười lần so với năm 1954. Mới đầu chúng chỉ nắm quân đội Sài Gòn ở cấp sư đoàn, đến năm này cố vấn Mỹ có mặt đến cấp tiểu đoàn. Chúng vừa huấn luyện, vừa chỉ huy quân nguy đánh phá cách mạng ngày càng ác liệt.

Tại thị xã Biên Hòa, bọn cố vấn Mỹ của sư đoàn 7 hàng ngày lui tới ăn chơi, giải trí tại Nhà xanh (thuộc nhà máy cưa BIF) câu lạc bộ Nhà xanh nằm lọt giữa các căn cứ quân sự lớn : trại Trần Quốc Toàn, sở chỉ huy quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, tình đoàn bảo an, ty cảnh sát... Nhà xanh được rào mấy lớp dây kẽm gai, hệ thống đèn điện bảo vệ chiếu sáng trung suốt đêm. Một trung đội bảo an canh gác nghiêm ngặt ngày đêm. Sát cạnh Nhà xanh là cư xá sĩ quan nguy. Các áp Tân Mai, Lân Thành nhan nhản cảnh sát, mật vụ, chỉ điểm, thanh niên cộng hòa... Ba người làm vườn, làm bếp, làm bồi đã được công an Diệm thẩm tra kỹ không có gì nghi vấn. Địch đánh giá Nhà xanh là nơi an toàn lý tưởng. Để mua chuộc lòng dân địa phương, bọn Mỹ cho chiếu bóng tại sân để mọi người vào coi tự do buổi tối.

Tháng 2 năm 1959 anh Năm Hoa - con ông Năm Ký - dẫn anh Hưng - liên lạc - mang thư của ban quân sự liên tỉnh miền đông Nam Bộ (sau này là Bộ chỉ huy quân sự miền) do đồng chí Tám Vên Vên (Nguyễn Hữu Xuyên) viết gửi anh Ba Lễ. Thư bàn việc đánh số cổ vấn Mỹ tại Nhà xanh. Anh Hưng được bố trí ở nhà cơ sở là bà Bảy Vết. Anh Ba Lễ ở nhà bà Sáu Tư. Hai cơ sở này đều ở ấp Lân Thành cách Nhà xanh xa nhất vài trăm mét theo đường chim bay. Tối tối, hai anh theo dân vào xem chiếu bóng để quan sát kỹ vị trí địch và nắm qui luật tuần tra canh gác của lính bảo vệ. Sau ba tháng điều nghiên tỉ mỉ, anh Hưng mấy lần về chiến khu Đ báo cáo thì anh Ba Lễ lo tổ chức huấn luyện cho số tự vệ mật chọn lọc của thị xã Biên Hòa.

Cuối tháng 6 năm 1959, ban quân sự liên tỉnh thông qua phương án trận đánh. Đội đặc công C. 250 gồm sáu người do anh Năm Hoa chỉ huy làm mũi chủ công. Lực lượng tự vệ mật thị xã phối hợp ở vòng ngoài giữ nhiệm vụ kiểm chế trung đội gác và chặn viện. Giờ nổ súng ấn định là khoảng 19 giờ 15 tới 7 tháng 7 năm 1959. Đánh vào giờ đó, lính vừa đổi gác xong, chỉ có một tên mang súng, lúc này dân chưa đi xem thì không gây thiệt hại cho dân. Đánh vào ngày đó - kỷ niệm Diệm chấp chính - thì lính gác được ăn chơi sẽ chảnh mảng hơn các ngày khác.

Đêm 5 tháng 7, đội đặc công về đến gò cây trâm muối xã Tân Phong. Sáng mùng 6 anh Ba Lễ ra gặp anh em, sau đó về chỉ đạo tự vệ mật chuẩn bị phối hợp với mũi chủ công. Tám giờ sáng, anh Bảy Huệ - em ruột Năm Hoa - chở hai rổ bánh mì tiếp tế cho đội đặc công. Đêm mùng 6, sáu anh về ém ở vạt rừng chòi Gò Mô sau nhà bà Ba Xuân xóm Gò Me ấp Lân Thành, cách Nhà xanh vài trăm mét.

Khoảng 7 giờ tối mùng 7 tháng 7, trận tập kích diễn ra trong vòng mười phút, Hai tên Mỹ Dale R. Buis và Chester M Ovnand bị chết, một tên khác bị thương. Bên ta, anh Huệ hy sinh, anh Sắc bị thương được đồng đội diu đi về căn cứ.

Trận Nhà xanh là trận đánh Mỹ đầu tiên của nhân dân miền nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trận đánh lịch sử này có hai người con đất cù lao Phố tham gia : anh Ba Lễ và anh Năm Hoa.

Sau trận Nhà xanh, anh Bảy Huệ bị công an Biên Hòa bắt về điều tra. Anh trả lời : từ nhỏ tới giờ tôi chỉ coi trâu, trồng dưa. Chúng nói : Tư Cường đã khai Ba Lễ, Năm Hoa thường về nhà chúng mày mà. Anh phủ nhận tin đó. Anh Tư Mắm (Tư Mạnh) bị bắt, chúng tra hỏi về Bảy Huệ (Bảy Huệ). Anh Tư trả lời : Tôi ở gần nhà, tôi chỉ thấy Bảy Huệ coi trâu, trồng dưa. Nhờ vậy anh Bảy Huệ bị giam một tháng rưỡi thì được tha. Tuy mới cưới vợ chưa bao lâu, anh quyết chí đi thoát ly từ đó. (Trải qua nhiều năm chiến đấu, đóng góp cho cách mạng, năm 1978 anh Nguyễn Văn Huệ được tuyên dương là ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN).

Ông Sáu Hải ở ấp Bình Xương là người có đóng góp trong cuộc kháng chiến chín năm, bị chúng bắt tình nghi. Chúng tra khảo hòng bắt ông thú nhận chờ đồ cho Việt cộng đánh Mỹ. Để làm vừa lòng quan thầy Mỹ, công an Diệm mớ cung để ông khai trước tòa án quân sự của chúng : Võ Văn Khọn bắt tôi chờ đồ cho ba người, súng bỏ trong mọ cau, từ cù lao qua trạm bơm máy cưa rồi họ vào đánh cổ vấn Mỹ... Ông được tha bổng vì "đã thành khẩn khai báo"...

Bé Hồng là đoàn viên thanh niên tích cực hồi 1955-1956, từng cùng các anh Châu Dè, Tài khắc mộc giả đóng vào thè cù tri để chống bầu cử quốc hội của Diệm. Là kiểm soát viên hãng xe đồ Liên Hiệp, anh ta tổ chức được một số nông cốt là lái xe và phụ lái đấu tranh đòi tăng lương, cải thiện đời sống công nhân trong hãng. Chủ hãng Liên Hiệp dò biết, đuổi Bé Hồng. Anh ta thất nghiệp, may biết nghề y tá, đi chích dạo kiếm sống. Khi anh Năm Trường Sa bị công an Mỹ Tho bắt tháng 3 năm 1959 khai ra Bé Hồng, công an Biên Hòa xuống xét nhà, ông Năm Nai là ủy viên cảnh sát phải dẫn đường. Chúng lấy được cái bóp giấy tờ của Bé Hồng. Khi anh ta về ngang nhà ông, ông cho biết tin, anh ta không về nhà nữa. Chị Bảy Bê tính làm giấy tờ giả cho anh ta đi nơi khác lánh né. Vợ con anh ta khóc lóc. Một người bên gia đình vợ làm công an Biên Hòa xúi anh ta đầu hàng sẽ được bảo lãnh, không bị đòn mà còn có công ăn việc làm. Bé Hồng bùi tai, nghe theo, và lại anh ta thấy có lẽ đó là con đường duy nhất (?)

Công an dụ dỗ, anh ta khai hết các đảng viên trong chi bộ Hiệp Hòa và tất cả số tài xế, lơ xe trong hãng xe đồ liên Hiệp (mà y tổ chức) các hộp thư, trạm giao liên mà y biết ở Bửu Hòa (chợ Đồn). Một tối tháng 7 năm 1959, công an Biên Hòa đi xe Jeep xuống nhà ông Năm - trưởng ấp Bình Kính - Anh Hai Lục (Tăng Lục) - phó ấp lúc đó - cũng có mặt tại nhà ông Năm. Chúng hỏi : trong ấp có ai là Bảy Lớn, Bảy Nhỏ không ? Tuy biết, hai người trả lời : không có ai tên vậy. Chúng quay xe lên xã hỏi. Anh Hai Lục chạy về báo ngay cho chị Bảy Hoa (Bảy Nhỏ). Đồng chí Hai Đính thường vụ tỉnh ủy ở nhà anh Hai Lục nghe tin, chạy ra ruộng thoát. Chiếc xe Jeep quay lại, đậu xích nước nhà chị Bảy Hoa. Chị kịp chạy qua nhà chị Năm Cánh, định chạy báo cho chị Bảy Bê. Bọn công an hỏi ba chị Bảy Hoa : con gái ông đâu ? Trả lời : con tôi ra Phan Thiết buôn bán, chừng nửa tháng nữa mới về. Chúng nói : chừng nào cổ về, biểu cổ lấy giấy tờ đảng hoàng mà đi buôn...

Quay ra, chúng chửi thề vì con mồi vuột mất, chúng sang nhà chị Bảy Bê. Nghe thấy động, chị vừa mở cửa sau tính vọt ra ruộng thì đụng mấy tên hòm sẵn bên ngoài. Về tới ty công an Diệm, chị Bảy Bê đã thấy ông Tư Đồi ở đó.

Cũng do Bé Hồng chỉ, bọn biệt kích 1 ở Sài Gòn mấy bữa sau bắt anh Mười Thạnh đang làm cho công ty Việt Trai ở Sài Gòn. Tờ mờ sáng 18 tháng 8, Bé Hồng dẫn đội biệt kích 1 về nhà bà Ba Tồn bắt anh Tư Mạnh về bót Bà Hòa Chợ Lớn khai thác.

Tư Cường (Nguyễn Văn Cường, Đoàn Trị) là cán bộ huyện Vĩnh Cửu được giao bám khu vực Bình Đa làm công tác binh vận lính sự đoàn 7 đang trong trại Trần Quốc Toản. Hồi đầu kháng chiến chống Pháp, khi mới làm chủ tịch xã Tam Hiệp, anh ta lấy tên Đoàn Trị, thề noi gương nhà nho yêu nước Đoàn Văn Cự suốt đời theo cách mạng.

Từ năm 1956, Diệm cự tuyệt hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, mặt khác tăng cường chống cộng tiến hành chiến tranh một phía, thì anh ta mất dần niềm tin vào tương lai cách mạng. Mặt khác, hoàn cảnh sống những năm này khác hẳn thời kỳ chống Pháp. Viện trợ Mỹ đổ ào ào hàng hóa đủ loại tràn ngập thị trường miền nam làm nảy sinh lâm lý ưa thích hưởng thụ vật chất. Một số cán bộ tiếp xúc với Tư Cường thấy anh ta dần dần có nhiều biểu hiện sa sút phẩm chất : bỏ bịch trai gái, ăn xài sang trọng, chỉ hút thuốc thơm Anglê, ăn điểm tâm bánh mì trắng với giấm bông và phomát "đầu bò Hà Lan" uống kèm rượu chất... trong hoàn cảnh người lao động chung quanh còn khổ. Đồng chí Chính Tô

từ khi làm trưởng ban binh vận tỉnh đã mấy lần kiểm điểm anh ta và anh ta hứa hẹn sẽ tích cực sửa chữa thiếu sót mặt sinh hoạt này.

Khi luật 10-59 ra đời, tư tưởng đầu hàng của Tư Cường nảy nở. Ông giáo Ngói - chú tướng Là, anh em cọc chèo với Tư Cường - tìm cách móc nối, hai bên thống nhất màn kịch công an Diệm bắt anh ta. Tháng 6 năm 1959, một bữa thịt chó được tổ chức tại nhà cơ sở Tư Nhòng ở Bình Đa. Mấy người - trong đó có Tư Cường đang nhậu - thì một xe công an tới vây xóm đó.

Những người cùng mâm chạy thoát, Tư Cường bị bắt. Xe ô tô chạy qua cầu ông Gia giảm tốc độ, Tư Cường nhảy xuống chạy. Bọn công an hò nhau đuổi bắt dễ dàng, đưa lên xe chạy tiếp. Về tới ty công an, Tư Cường được dẫn lên một phòng trên lầu, còng mở ra, sống thoải mái. Thành thạo kịch bố trí anh ta thực hiện kế khổ nhục vào nằm cùng khám với số bị bắt, dùng tình cảm chiêu dụ mọi tin anh em để lấy thưởng. Một số đồng chí chưa biết anh ta đầu hàng đã để lộ một số tin tức, nhưng chẳng bao lâu bộ mặt thật của anh ta bị bóc trần, không ai mắc lừa nữa.

Ngày 10 tháng 8 năm 1959, Tư Cường bày cho bà Sáu Hà gạt anh Tư Mạnh đưa bà về nhà. Bọn an ninh tiểu khu Biên Hòa chờ sẵn, bắt anh về tiểu khu. Tên trung úy Hằng hỏi về anh Chín Tô, anh chối không biết. Chúng cho Tư Cường dụ hàng Tư Mạnh, buộc anh hứa nếu được tha thì khi anh Chín Tô về, anh sẽ báo bọn chúng. Về tới nhà, Tư Mạnh báo cáo ngay với anh Chín (đang ở nhà anh) về sự phản bội của Tư Cường. Anh Chín Tô dòi ngay sang nhà bà Tư Thiệu.

Ba ngày sau, công an Biên Hòa lại xuống bắt Tư Mạnh. Chúng lục soát nhà, không thấy gì. Anh bị nhốt chung hai ngày với chị Bảy Bê. Anh giả khùng, trường ty công an Lê Quang Chính cho thả về.

Ngày 16-8-1959 Bé Hồng dẫn lính biệt kích 1 ở Sài Gòn về bắt anh lần nữa.

Anh Tư Mạnh bị bắt vào bót Bà Hòa, mấy ngày sau dịch đầy Ba Chánh vào chung phòng giam. Anh lại gần, nói nhỏ với y : tôi khai tôi là liên lạc, Sáu Tý là hộp thư, anh thống nhất lời khai đỡ cho tội tôi... chiều hôm đó, tên điều tra gọi Tư Mạnh lên, đánh năm chục hèo, hỏi :

- Mà có tội gì, biết không ?

- Dạ, thưa không

- Mà là đảng viên, bí thư chi đoàn, cán bộ binh vận huyện Vĩnh Cửu. Chúng mày rải truyền đơn, giảng khẩu hiệu chống chánh phủ quốc gia. Ba Chánh cho bọn tao biết như vậy.

Bấy giờ anh mới biết Bá Chánh đã phản. Anh bị tù ở các nhà lao Gia Định, Chí Hòa, Phú lợi rồi đày ra Côn Đảo tháng 8-1963 đến tháng 12 năm 1966 mới được thả.

Một bộ phận huyện ủy Vĩnh Cửu đóng tại cù lao một năm rưỡi. Ba Chánh (Công) - phó bí thư huyện ủy - được nhiều gia đình đất cù lao nuôi chứa. Tuy được phổ biến về kỷ luật hoạt động bí mật, song vì rất tin nhau nên việc thực hiện ngăn cách bí mật của cán bộ ta không chặt chẽ như sau này. Vì vậy Ba Chánh nắm được hầu hết số cán bộ, đảng viên và cơ sở ở Hiệp Hòa cũng như toàn huyện Vĩnh Cửu. Đồng chí Ba Phụng - trưởng ban giao liên tỉnh Biên Hòa - bị bắt (tháng 8 năm 1958), Ba Chánh được cử thay thế. Vợ Ba Chánh từ nhà ở Bình Hoa về gặp y mấy lần ở nhà bà Hai Mè - cơ sở tại Bửu Hòa - chị ta nói : thầy tổng kêu anh về, mình lớn tuổi có sui gia mấy đám, về nghỉ ngơi cho khoẻ ; thầy tổng bảo đảm không ai đụng tới mình, ông lo cho không sao hết ; mẹ con tôi lo kinh tế gia đình... Trong một cuộc họp huyện ủy ở Tân Cang sông Buông, Ba Chánh phản tỉnh báo cáo hết với huyện ủy. Các đồng chí đánh giá anh này thành khẩn, vì vậy mới có sự đề bạt (làm trưởng ban giao liên tỉnh ủy Biên Hòa). Y có nhiều biểu hiện xấu : thích ăn ngon và uống trà con khỉ, mặc đồ lụa phải ủi, quan hệ trai gái lãng nhăng, tiêu xài tiền công bữa bãi... Thấy chị Bảy Bê chỉ đi xe đạp, y cười cười : Cán bộ phụ nữ cấp huyện như chị phải sắm xe mới mà đi chớ. Trong công tác, mấy lần y giao "nhằm" công văn chỉ thị gửi thị xã Biên Hòa cho huyện Vĩnh Cửu. Tỉnh ủy biết các tình tiết trên, dự định rút Ba Chánh về công tác ở chiến khu Đ. Chị Bảy Bê chưa kịp nhận nhiệm vụ trưởng ban giao liên của tỉnh thay Ba Chánh thì bị Bé Hồng chỉ bắt.

Từ giữa tháng 8 năm 1959 các xã Hiệp Hòa, Hóa An, Bửu Hòa bị dịch bố ráp liên miên. Ngày 20 tháng 8 năm 1959, bộ phận văn phòng huyện ủy Vĩnh Cửu đóng ở Tân Bản (Bửu Hòa) tính dời đi nơi khác vào tối hôm đó: Hồi 7 giờ tối, dịch bố ráp Bửu Hòa bố trí màn kịch bắt Ba Chánh. Y dẫn lính về bắt nhiều cán bộ, đảng viên và cơ sở ở Bửu Hòa trong đó có đồng chí Ngô Bá Cao - bí thư tỉnh ủy - sáng 21 tháng 8.

Ba Chánh, Tư Cường và Hà Tư - bí thư huyện Long Thành - khai báo tỉ mỉ, dẫn đường cho dịch bắt trên ba trăm cán bộ, đảng viên và cơ sở trong toàn tỉnh Biên Hòa. Xã Hiệp Hòa là một trong các trọng điểm đánh phá của dịch. Lần lượt các cán bộ, đảng viên và cơ sở sa vào tay giặc : Tư Nguyệt, Năm Cánh, Tư Đồi, Bảy Chà, Tám Bông, Năm Quắc, Tư Kiệt, Chín Hùng, Ba Trơn, Năm Ca, Năm Nai, Ba Bảo, Sáu Mắm, Tám Quang... Tồn thất nặng nề, phong trào cách mạng đất cù lao gần trắng. Một không khí ngột ngạt đè nặng xóm làng. Số cơ sở chưa bị bắt thì nơm nớp lo âu. Không ai dám chào hỏi ai, sợ bị "ngài bầy". Anh Tám Lớn chạy sang Bửu Long, vào chùa hớt tóc đi tu từ đó.

Tên Lập ở ty công an Biên Hòa lãnh việc khai thác chị Bảy Bê. Nó hỏi :

- Tại sao mày tới nhà vợ Tư Đồi ?

- Tôi tới đó may đồ.

- Nói láo ! Nhà mày có bàn may mà

- Phải, nhưng tôi mượn con gái bà Tư Đồi vì cỗ may đồ kiểu khéo lại ăn công nê.